

6

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP

Vietnam Airlines

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 229/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 7 năm 2025)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm dưới đây từ ngày/...../2025.

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3873 2732

Số fax: (84-24) 3872 2375

Website: www.vietnamairlines.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7304 5688

Số fax: (84-24) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn



Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Kim Thị Thu Huyền

Chức vụ: Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Số điện thoại: (84-24) 3873 2732



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	900.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán	:	9.000.000.000.000 đồng
theo mệnh giá		

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023, NĂM 2024

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 46 - Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 3946 1600

Số fax: (84-24) 3946 1601

Website: <https://kpmg.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 7304 5688

Số fax: (84-24) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. Tổ chức phát hành	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	11
1. Rủi ro về kinh tế	11
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	11
1.2. Tình hình lạm phát.....	12
1.3. Lãi suất.....	13
1.4. Tỷ giá	14
2. Rủi ro về pháp luật	15
3. Rủi ro đặc thù	15
3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành hàng không.....	15
3.2. Rủi ro đặc thù ngành hàng không	16
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	19
4.1. Rủi ro về việc chào bán.....	19
4.2. Rủi ro về sử dụng vốn.....	20
5. Rủi ro pha loãng	20
5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường sau khi chào bán	20
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.....	21
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu.....	21
5.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết.....	21
6. Rủi ro quản trị công ty	22
7. Rủi ro khác	22
7.1. Rủi ro mang tính bất thường.....	22
7.2. Rủi ro hoạt động liên tục.....	23
7.3. Rủi ro khả năng hủy niêm yết.....	24
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	25
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	27
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	27
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	27

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	34
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	35
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.	38
5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	39
5.2. Danh sách công ty con của VNA.....	40
5.3. Danh sách những công ty mà VNA đang nắm giữ cổ phần không chi phối.....	48
6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ.....	51
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của VNA tại các doanh nghiệp khác.....	59
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	59
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	59
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	59
8.3. Các loại chứng khoán khác	59
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	59
9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quy định pháp luật.....	59
9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty	60
9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại.....	60
10. Hoạt động kinh doanh	61
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	61
10.2. Tài sản	70
10.3. Thị trường hoạt động.....	75
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	77
10.5. Các hợp đồng lớn, nhà cung cấp lớn.....	80
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	82
10.7. Vị thế của VNA trong ngành hàng không.....	85
10.8. Hoạt động Marketing, truyền thông	90
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	91
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển	94
10.11. Chiến lược kinh doanh	95

10.12.	Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan	97
11.	Chính sách đối với người lao động.....	98
11.1.	Số lượng lao động	98
11.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách liên quan đến người lao động	99
11.3.	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	100
12.	Chính sách cổ tức	100
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	101
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	101
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	101
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	101
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	101
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	101
1.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	101
1.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.....	102
2.	Tình hình tài chính.....	105
2.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	105
2.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	122
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	124
3.1.	Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2023 được kiểm toán của VNA ngày 29/03/2024	124
3.2.	Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của VNA ngày 29/3/2024	125
3.3.	Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 được kiểm toán của VNA ngày 31/03/2025	125
3.4.	Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán của VNA ngày 31/03/2025	126
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	127
4.1.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025.....	127

4.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nói trên.....	128
4.3.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	136
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		137
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	137
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	137
2.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ	137
2.2.	Bộ Tài chính.....	138
2.3.	SCIC.....	139
2.4.	ANA Holdings Inc.	139
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	140
3.1.	Hội đồng quản trị	140
3.2.	Ban kiểm soát.....	150
3.3.	Ban Giám đốc	153
3.4.	Kế toán trưởng	160
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....		162
1.	Loại cổ phiếu:	162
2.	Mệnh giá.....	162
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	162
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán	162
5.	Giá chào bán dự kiến:.....	162
6.	Phương pháp tính giá.....	162
7.	Phương thức phân phối.....	162
7.1.	Tỷ lệ phân phối	162
7.2.	Đối tượng phân phối/chào bán.....	163
7.3.	Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua.....	163
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	163
8.1.	Đăng ký mua cổ phiếu	163
8.2.	Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu.....	164
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	164
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	165

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	165
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của VNA.....	165
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	166
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	166
15. Các loại thuế có liên quan.....	167
15.1. Đối với Tổng công ty	167
15.2. Đối với nhà đầu tư.....	168
16. Thông tin về các cam kết.....	169
17. Thông tin về các chứng khoán khác đang được chào bán, phát hành trong cùng đợt....	169
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	170
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	170
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	172
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN	172
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023, NĂM 2024	172
3. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.....	173
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	173
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	174
XIII. PHỤ LỤC	176

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các công ty con của VNA tại ngày 31/12/2023, ngày 31/12/2024 và ngày 31/03/2025	40
Bảng 2: Danh sách công ty mà VNA nắm giữ cổ phần không chi phối.....	48
Bảng 3: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của VNA	52
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/05/2025 của VNA	59
Bảng 5: Kết quả hoạt động vận tải hành khách năm 2023–2024 và 3 tháng đầu năm 2025	65
Bảng 6: Chi tiết kết quả vận tải hàng hóa.....	66
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất.....	67
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ.....	68
Bảng 9: Tài sản cố định hợp nhất	70
Bảng 10: Tài sản cố định công ty mẹ	71
Bảng 11: Thông tin một số tài sản lớn của VNA tại 31/03/2025	72
Bảng 12: Cơ cấu đất đai VNA đang quản lý	73
Bảng 13: Danh mục một số cơ sở đất đai lớn VNA đang quản lý, sử dụng tại ngày 31/03/2025	74
Bảng 14: Số lượng tàu bay tại thời điểm 31/03/2025	78
Bảng 15: Danh sách các hợp đồng lớn	80
Bảng 16: Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA	82
Bảng 17: Các nhãn hiệu đã được VNA đăng ký bản quyền.....	91
Bảng 18: Dự kiến các nguồn vốn của Công ty mẹ giai đoạn 2026-2030 như sau.....	96
Bảng 19: Chỉ tiêu năng suất lao động dự kiến.....	97
Bảng 20: Cơ cấu lao động	98
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất của VNA từ 2023 đến nay	102
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh công ty mẹ của VNA từ 2023 đến nay ..	102
Bảng 23: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất	105
Bảng 24: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh công ty mẹ	106
Bảng 25: Khấu hao tài sản cố định hữu hình.....	107
Bảng 26: Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	109
Bảng 27: Tổng công nợ hợp nhất	109
Bảng 28: Tổng công nợ công ty mẹ	109
Bảng 29: Các khoản phải thu hợp nhất.....	109
Bảng 30: Các khoản phải thu Công ty mẹ	110
Bảng 31: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 (hợp nhất)	112

Bảng 32: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 (Công ty mẹ).....	112
Bảng 33: Các khoản phải trả hợp nhất	113
Bảng 34: Các khoản phải trả công ty mẹ.....	114
Bảng 35: Thông tin các khoản nợ quá hạn tại 31/03/2025	115
Bảng 36: Chi tiết các khoản vay hợp nhất.....	116
Bảng 37: Chi tiết các khoản vay Công ty mẹ	118
Bảng 38: Các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất	120
Bảng 39: Các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ	120
Bảng 40: Tình hình trích lập các quỹ (hợp nhất).....	120
Bảng 41: Tình hình trích lập các quỹ (công ty mẹ).....	121
Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất.....	122
Bảng 43: Các chỉ tiêu tài chính công ty mẹ.....	123
Bảng 44: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2025	127
Bảng 45: Kế hoạch sản lượng thực hiện năm 2025 của VNA.....	128
Bảng 46: Thông tin về cổ đông lớn	137
Bảng 47: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	140
Bảng 48: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	150
Bảng 49: Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....	153
Bảng 50: Lịch trình phân phối cổ phiếu	164
Bảng 51: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến	170
Bảng 52: Thông tin về các khoản nợ vay dài hạn của VNA	170
Bảng 53: Thông tin về các khoản nợ vay ngắn hạn của VNA	171
Bảng 54: Thông tin về các khoản nợ vay tái cấp vốn của VNA	171
Bảng 54: Thông tin về các khoản nợ quá hạn, nợ đến hạn các đối tác, nhà cung cấp.....	171

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	12
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	13
Biểu đồ 3: Tỷ giá USD/VND	15
Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của VNA	34
Biểu đồ 5: Sơ đồ tổ chức của VNA (thời điểm 31/3/2025)	35
Biểu đồ 6: Tổng thị trường hàng không Việt Nam 2021-2035	88

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Đặng Ngọc Hòa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Hữu

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo ủy quyền:

Bà Lê Thị Thu Hiền Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

(Giấy ủy quyền số 59/2022/MBS-UQ ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 02/2025/MBS/IBHN-HĐTV ký ngày 24/01/2025 với Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP cung cấp.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, tăng số lượng việc làm, tăng thu nhập bình quân đầu người, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu đi lại của người tiêu dùng, và theo đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh vận tải hàng không của Vietnam Airlines.

Năm 2024, môi trường kinh doanh vận tải hàng không có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen. Tại các báo cáo của các tổ chức, kinh tế toàn cầu năm 2024 ước tính đạt mức tăng trưởng khoảng 2,7% -3,2%, mức tăng trưởng chưa cao tuy nhiên đã tích cực hơn so với dự kiến đầu năm. Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến khó lường với các xung đột chính trị kéo dài giữa Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường; kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố địa chính trị và thời tiết; lạm phát cơ bản kéo dài đòi hỏi lập trường chính sách tiền tệ thắt chặt; các nền kinh tế tiếp tục đối phó với nợ gia tăng. Các yếu tố đầu vào quan trọng như giá dầu thô, tỷ giá USD, lãi suất USD tiếp tục duy trì ở mức cao.

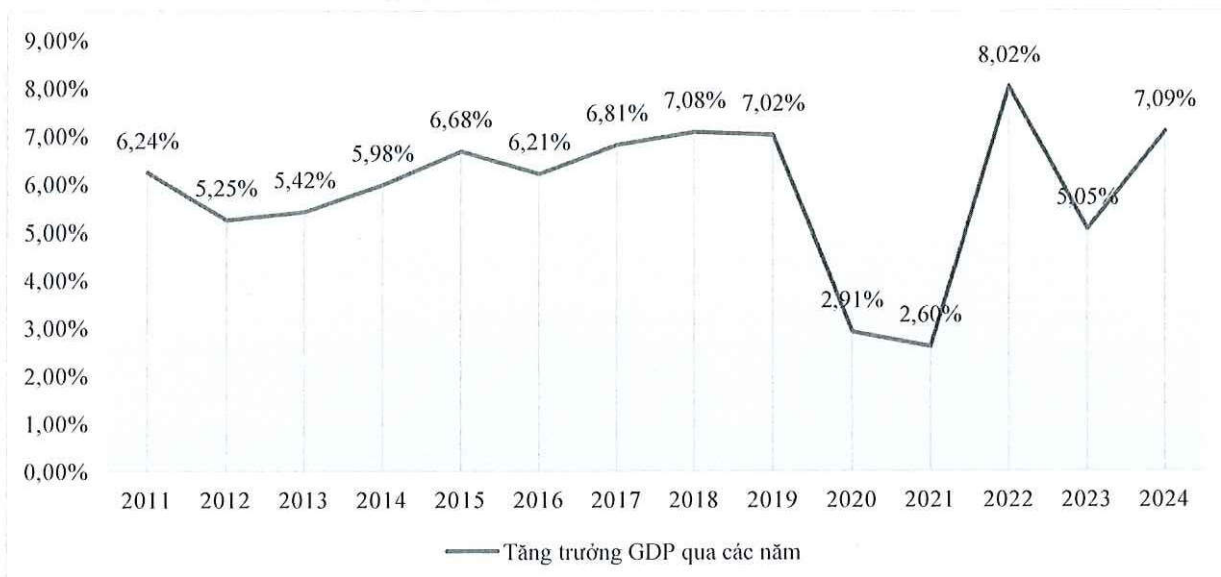
Đối với Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt được kết quả khá tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,09% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Nhìn chung, với việc nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng và thị trường hàng không phục hồi tích cực, các doanh nghiệp hàng không trong nước đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh tương đối khả quan trong năm 2024.

Năm 2025, các dự báo đầu năm của các tổ chức Ngân hàng Thế giới và Liên Hợp Quốc dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trên 6%, trong khi Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng trên 8%. Trong quý 1/2025, kinh tế Việt Nam đã đạt kết quả khá tích cực: mức tăng trưởng đạt 6,93% so với cùng kỳ, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới. Tuy nhiên, từ quý 2 trước các diễn biến mới đây của kinh tế thế giới, nguy cơ chiến tranh thương mại leo thang, chính sách thuế của Mỹ với Việt Nam biến động khó đoán định có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Hiện tại quá trình đàm phán về thuế quan và thương mại vẫn đang diễn ra giữa Mỹ với Việt Nam và nhiều nước khác. Đồng thời Chính phủ Việt Nam thể hiện quyết tâm giữ mục tiêu tăng trưởng trên 8% và sẽ có những biện pháp để hỗ trợ kinh tế, giảm bớt các ảnh hưởng tiêu cực của thuế quan. Các diễn biến tiếp theo về kết quả đàm phán thương mại và các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến tình

hành tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2025 và nhu cầu vận tải hàng không, qua đó có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành hàng không nói chung và VNA nói riêng.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Tình hình lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô mà sự biến động của nó ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành hàng không, lạm phát tăng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines do chi phí đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận; đồng thời, người tiêu dùng cũng tiết giảm chi phí, giảm chi tiêu cho du lịch hay đi lại bằng đường hàng không làm doanh thu giảm sút, từ đó tổng lợi nhuận của Vietnam Airlines bị suy giảm.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

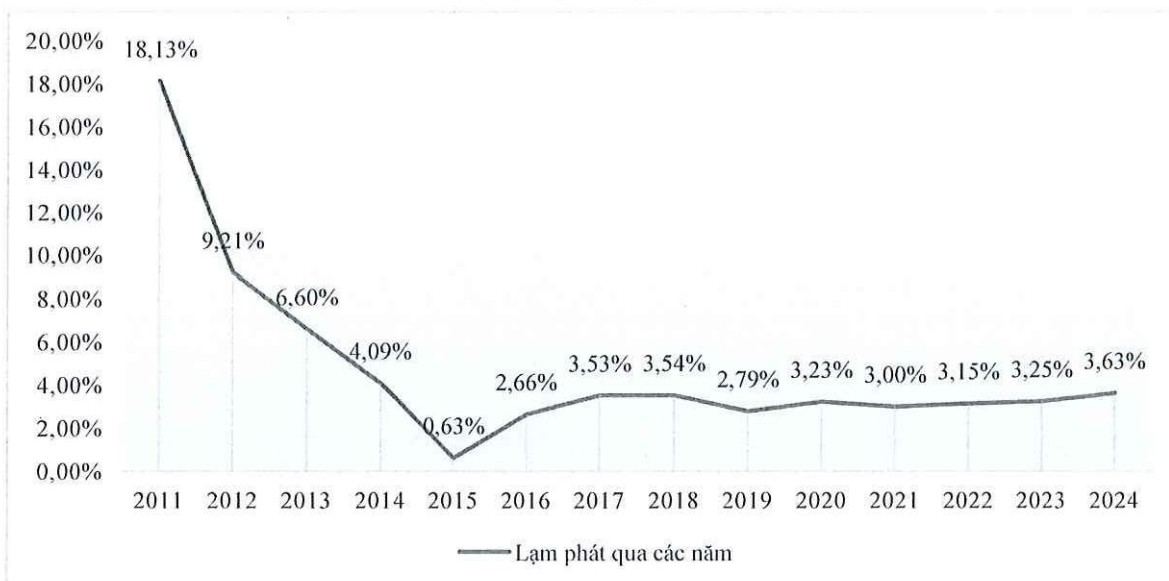
Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4,5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát có thể đến từ một số yếu tố, cụ thể như xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế quan của Mỹ, ...

Việc lạm phát vẫn nằm dưới mục tiêu Chính phủ cho thấy Việt Nam đang kiểm soát tốt lạm phát, qua đó bình ổn giá cả các hàng hóa, dịch vụ. Ngược lại, nếu lạm phát vượt quá

mục tiêu sẽ khiến cho giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao, sức cầu người tiêu dùng giảm sút.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3. Lãi suất

Hiện tại, VNA có các khoản vay bằng VND và USD, dư nợ các khoản vay ngắn hạn phần lớn bằng đồng nội tệ, dư nợ các khoản vay dài hạn phần lớn bằng đồng USD (theo BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán). Do đó VNA chịu rủi ro lãi suất trong tương lai đối với cả VND và USD.

Trong quý I/2025, lãi suất cho vay VND được tiếp tục duy trì ở mức thấp. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tới tháng 02/2025, lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7 - 9,0%/năm¹. Dự đoán mặt bằng lãi suất trong năm 2025 sẽ được tiếp tục duy trì ở mức thấp để hỗ trợ tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Nếu lãi suất huy động tăng cao sẽ tác động lên lãi suất cho vay đầu ra của các tổ chức tín dụng. Lãi suất cho vay tăng lên sẽ tác động trực tiếp làm tăng chi phí lãi vay phải trả của Công ty, lợi nhuận bị ăn mòn và làm giảm khả năng tiếp cận nguồn vốn của Tổng công ty.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED)² đã có những tín hiệu cắt giảm lãi suất trong năm 2024 và dự kiến tiếp tục cắt giảm lãi suất đến năm 2026, điều này có thể tăng khả năng Ngân

¹ Nguồn: Ngân hàng nhà nước tại:

https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV624850&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afzLoop=23144312624676755#%40%3F_afzLoop%3D23144312624676755%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBV624850%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D6gmz0k22b_9

² Nguồn: Báo điện tử Chính phủ tại: <https://baohinhphu.vn/fed-cat-giam-lai-suot-lan-thu-ba-lien-tiep-102241219090857443.htm>

hàng Nhà Nước sẽ xem xét nói lỏng chính sách tiền tệ. Trong năm 2024 Ngân hàng Nhà nước³ đã tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế. Do đó, rủi ro lãi suất với VNA trong tình cảnh hiện tại là không quá lớn.

1.4. Tỷ giá

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines, các nguồn thu từ hoạt động VTHK đến từ nhiều thị trường và bằng nhiều đồng tiền khác nhau (JPY, EUR, KRW, AUD, CNY...). Đối với các khoản chi, VNA có nhiều khoản vay và thuê tài chính bằng đồng USD để mua máy bay; thanh toán chi phí cho các đối tác nước ngoài có giá trị lớn. Do đó, rủi ro tỷ giá của Vietnam Airlines đến chủ yếu từ biến động của tỷ giá USD/VND và một số ngoại tệ mạnh khác (CNY, KRW, JPY, EUR...).

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và những thành công của Việt Nam trong việc phòng chống và vượt qua đại dịch Covid 19, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam, giúp tăng nguồn cung ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Mặt khác, khi thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn, Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng có những động thái can thiệp thị trường với cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết giúp tình hình tỷ giá những năm qua biến động trong phạm vi nhất định, không gây ra ảnh hưởng quá lớn tới doanh nghiệp và nền kinh tế⁴.

Tỷ giá USD/VND giai đoạn 2021 - 2024 được Ngân hàng nhà nước điều tiết tốt nhưng vẫn tăng đều, trung bình 1,13%/năm. Việc tỷ giá USD/VND qua các năm ổn định dưới 2%/năm tạo điều kiện tốt cho các công ty xuất nhập khẩu và các công ty sử dụng nhiều ngoại tệ như VNA. Trong năm 2025, trước những biến động của kinh tế thế giới và đặc biệt là sự bất ổn trong chính sách thuế quan của Mỹ, tỷ giá USD/VND trên thị trường Việt Nam đang có những biến động khó dự đoán, tuy nhiên mức độ biến động tỷ giá USD/VND trong giai đoạn tới còn phụ thuộc nhiều vào các diễn biến tiếp theo về thương mại, thuế quan và các chính sách của FED và NHNN. Mặt khác, trên thị trường thế giới một số đồng ngoại tệ trong giỏ tiền tệ của VNA đang có xu hướng tăng giá với USD như EUR, JPY, KRW... sau khi các biến động về thương mại, thuế quan khiến các nhà đầu tư giảm sút niềm tin với đồng USD và tìm kiếm thêm các tài sản trú ẩn khác. Nếu tỷ giá đồng USD/VND tăng sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí của VNA do nhiều chi phí đầu vào của công ty được mua bằng USD. Mặt khác, nếu tỷ giá các đồng bản tệ như EUR, JPY, KRW, AUD, GBP... tăng so với USD sẽ tác động tích cực tăng doanh thu quy đổi.

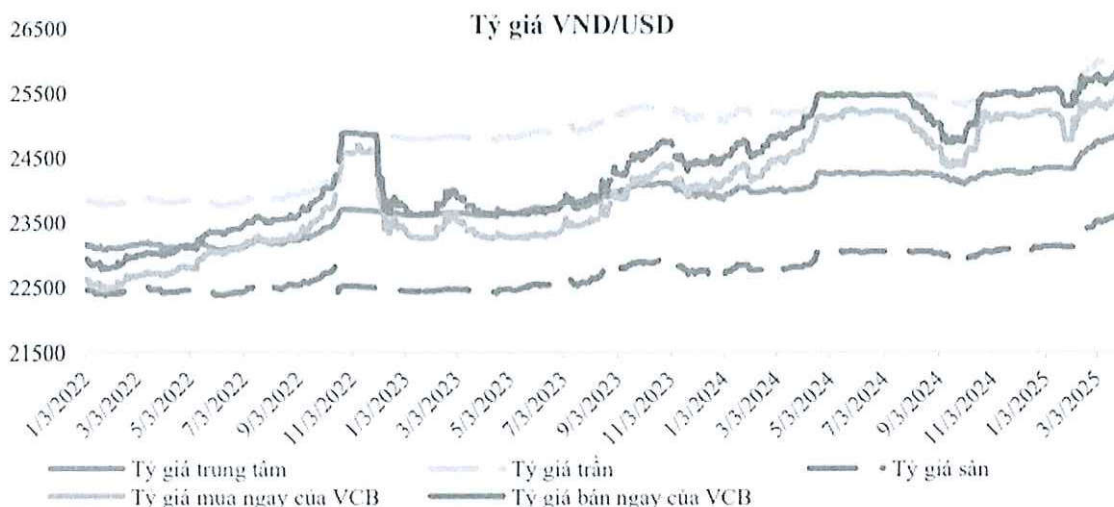
³ Nguồn: Báo Công Thương:

<https://congthuong.vn/tang-truong-tin-dung-nen-kinh-te-nam-2024-tang-1508-368380.html>

⁴ Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại:

https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV591621&rightWidth=0%25¢erWidth=80%25&_afLoop=12027708217549755#%40%3F_afLoop%3D12027708217549755%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV591621%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Daykf1xdiu_9

Biểu đồ 3: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: VCBS

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines và các đơn vị thành viên của Vietnam Airlines chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán... Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines.

Hoạt động vận tải hàng không phụ thuộc nhiều vào các quy định của Chính phủ, với việc cung cấp dịch vụ quốc tế, hãng phải chịu chi phối của pháp luật của Việt Nam và một số nước mà hãng định hướng khai thác đến. Trong một số trường hợp, giá vé và lịch bay phải được sự phê duyệt của Chính phủ các nước liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành hàng không

3.1.1. Đối với thị trường hàng không nội địa

Do các hãng hàng không quốc tế hiện không được khai thác tuyến bay nội địa tại Việt Nam, đối thủ cạnh tranh của Vietnam Airlines tại mảng thị trường này là các hãng hàng không nội địa. Trong các năm gần đây, Vietnam Airlines phải chịu nhiều sức ép cạnh tranh bởi các công ty hàng không nội địa như Vietjet Air, Bamboo Airways và Vietravel.... Sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng hàng không giá rẻ (LCCs) đối với phân thị khách thu nhập thấp làm gia tăng rủi ro suy giảm thị phần của Vietnam Airlines. Áp lực cạnh tranh gia tăng hơn khi các hãng hàng không trên thị trường đều có động thái nhận thêm tàu bay và dần đưa các tàu bay bị dừng về vấn đề động cơ vào khai thác trở lại.

3.1.2. Đối với thị trường hàng không quốc tế

Xu hướng Bầu trời mở (Open Skies) giữa khối ASEAN và các quốc gia/vùng lãnh thổ sẽ ngày càng phổ biến. Hiện tại, Hiệp định ASEAN – Trung Quốc đã bổ sung các điểm đến thứ cấp được phép khai thác Thương quyền 5, Hiệp định ASEAN – EU cũng đang trong quá trình hoàn tất đàm phán trong đó Thương quyền 3/4 được tự do hóa hoàn toàn. Trong thời gian tới, ASEAN sẽ thúc đẩy việc đàm phán các Hiệp định giữa ASEAN và các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Hoa Kỳ,... Sự tự do hóa về quyền tiếp cận thị trường sẽ làm gia tăng cạnh tranh trên thị trường vận tải hàng không không chỉ trong khu vực ASEAN mà cả các thị trường trọng điểm của VNA tại Đông Bắc Á và châu Âu, trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNA.

Các hãng hàng không quốc tế cạnh tranh với Vietnam Airlines trên các đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam như:

- Tại thị trường ASEAN, chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN và các hợp tác liên doanh giữa các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực với các hãng trong nước để khai thác thị trường nội địa Việt Nam làm tăng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.
- Tại thị trường Châu Âu, bên cạnh việc cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh cửa ngõ truyền thống (Thai Airways, Singapore Airlines, Cathay Pacific), các hãng tại khu vực Trung Đông như Emirates, Qatar, Ethiad đang tiếp tục đẩy nhanh việc mở rộng khai thác đi/đến Việt Nam và chiếm thị phần ngày càng lớn trên phân thị khách đi lại giữa châu Âu và Việt Nam. Với ưu thế về tần suất cao, chất lượng dịch vụ tốt và giá bán hợp lý, các hãng này sẽ ngày càng tạo sức ép cạnh tranh lên Vietnam Airlines trên thị trường khu vực Châu Âu.

Vietnam Airlines nhận thức rõ ràng các rủi ro cạnh tranh này và để hạn chế được rủi ro cạnh tranh, giữ được vị thế dẫn đầu trên thị trường nội địa Việt Nam, đồng thời hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không hàng đầu Châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn thì Vietnam Airlines đẩy mạnh đa dạng hóa dải sản phẩm và nâng cao hiện diện của Vietnam Airlines trên thị trường nội địa và quốc tế. Ba hãng hàng không trong VNA Group (VN, BL, 0V) tạo nên sức mạnh tổng thể để tiếp cận các nguồn lực phân bổ từ nhà chức trách bao gồm slot, phép bay... Đồng thời, ba hãng trong Group có thể linh hoạt điều hành, phối hợp nguồn lực giữa 3 hãng, phục vụ các mục tiêu cạnh tranh và thương mại khác nhau.

3.2. Rủi ro đặc thù ngành hàng không

Bên cạnh những rủi ro thường trực trong môi trường sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đối mặt với những rủi ro mang tính đặc thù ngành hàng không như:

3.2.1. Rủi ro nhiên liệu đầu vào

Nhiên liệu máy bay sử dụng cho ngành hàng không được sản xuất bằng cách chưng cất dầu thô vì thế giá dầu thô và giá nhiên liệu máy bay sử dụng cho ngành hàng không có sự tương quan chặt chẽ với nhau. Giá nhiên liệu đầu vào nhìn chung khó kiểm soát và dự báo, phụ thuộc vào diễn biến giá dầu thô thế giới – một trong những mặt hàng vô cùng nhạy cảm, rất dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Giá nhiên liệu

không ổn định và khó dự báo khiến cho VNA khó lập kế hoạch chính xác để ước tính chi phí/lợi nhuận.

Từ sau đại dịch Covid-19 đến nay, đặc biệt trong giai đoạn 2023–2025, giá dầu thô có xu hướng tăng trở lại và duy trì mức biến động lớn, phần nhiều do căng thẳng địa chính trị kéo dài như xung đột Nga–Ukraine, bất ổn tại Trung Đông, và gần đây là rủi ro gia tăng tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Đồng thời, chính sách cắt giảm sản lượng của OPEC+ và nhu cầu phục hồi mạnh mẽ từ Trung Quốc và các nền kinh tế lớn đã góp phần đẩy giá nhiên liệu bay lên mức cao. Giá nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động, do đó việc nhiên liệu duy trì ở mức giá cao tiếp tục gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận của các hãng hàng không.

Đối với VNA, nhiên liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của VNA. Sau đại dịch, giá nhiên liệu bay tăng cao do các bất ổn địa chính trị, tuy nhiên đã có xu hướng giảm từ nửa cuối năm 2024. Mức giá nhiên liệu bay bình quân năm 2024 ở mức 96,32 USD/thùng, cao hơn năm 2019 khoảng 25,6%, chi phí nhiên liệu của VNA chiếm khoảng trên 33% tổng chi phí.

Để khắc phục cũng như giảm bớt rủi ro đặc thù này, VNA đã và đang thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu, điển hình như:

- (i) Triển khai đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực với mục tiêu cải thiện doanh thu và tiết kiệm chi phí, trong đó nổi bật là giải pháp sử dụng các dòng tàu bay thế hệ mới như B787, A350, A321 Neo... đã giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và lượng khí thải đến 25% với chi phí bảo dưỡng thấp,
- (ii) Phối hợp với Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (IATA) triển khai triệt để chương trình bay tiết kiệm nhiên liệu, và
- (iii) Thực hiện công tác nghiên cứu nghiệp vụ bảo hiểm giá nhiên liệu để sẵn sàng cho việc thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm giá nhiên liệu khi khung pháp lý cho nghiệp vụ này được các cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Do hiện nay chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng cho các doanh nghiệp nhà nước như VNA áp dụng công cụ hedging, vì vậy, VNA đang tiếp tục kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng khung pháp lý phù hợp và ban hành các quy định, hướng dẫn các doanh nghiệp nhà nước về cơ chế và cách thức thực hiện hedging các yếu tố đầu vào. Trong từng giai đoạn, tùy thuộc điều kiện thị trường và khi thể chế, các quy định cho phép và có cơ chế rõ ràng, VNA sẽ thực hiện các cấu trúc Hedging phù hợp.

3.2.2. Rủi ro về cơ sở hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu, quyền tiếp cận giờ cất/hạ cánh

Tình trạng quá tải tại các sân bay, cơ sở hạ tầng hàng không không đủ trang thiết bị phục vụ mặt đất (hạn chế về chỗ đậu tàu bay, số lượng quầy phục vụ, nhân lực an ninh tại bộ phận xuất nhập cảnh...) gây khó khăn cho các hãng trong việc khai thác các chuyến bay đúng lịch trình. Một số sân bay còn xảy ra tình trạng thiếu cửa lên máy bay khi phục vụ khách mùa cao điểm. Tại một số sân bay lẻ, số lượng quầy làm thủ tục và xe thang còn thiếu dẫn đến tình trạng quá tải khi có những chuyến bay trùng giờ và làm ảnh hưởng đến thời gian quay đầu máy bay của hãng.

Để hạn chế các ảnh hưởng từ các hạn chế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật hàng không, VNA triển khai các giải pháp như: nâng cao hiệu quả công tác điều hành và lập lịch bay hợp lý trong khai thác; duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để tăng doanh thu và giảm chi phí thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay; chủ động dồn dịch, không sử dụng tàu bay dự phòng, phát triển thêm các sản phẩm khai thác vào khung giờ tận dụng tàu bay, qua đó tối ưu hóa sản phẩm mạng bay, tăng hiệu suất sử dụng đội tàu. Giờ khai thác bình quân năm 2024 đạt 10,9 giờ/tàu/ngày, tăng 25% so cùng kỳ và tăng 5% so 2019.

Bên cạnh đó, VNA phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam để cập nhật khả năng đáp ứng nhu cầu của hạ tầng hàng không tại các cảng trong nước, báo cáo và phối hợp với các cơ quản lý trong điều hành khai thác mạng đường bay.

3.2.3. Rủi ro về tai nạn hoặc sự cố

Như đối với các hãng hàng không khác, Tổng công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Tổng công ty. Bất kỳ sự kiện nào như vậy xảy ra sẽ làm tăng chi phí liên quan như: chi phí bồi thường hành khách, chi phí sửa chữa, thay thế máy bay. Điều quan trọng nhất là, khi xảy ra sự cố, có thể dẫn đến nhận thức rằng vận chuyển hàng không kém an toàn so với các phương thức vận chuyển khác. Điều này sẽ gây tổn hại và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA.

Để phòng ngừa rủi ro này, VNA đã xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn bay, nhận diện các mối nguy hiểm trong hoạt động khai thác, đánh giá mức độ rủi ro, ứng dụng công nghệ theo dõi từ xa trong việc kiểm soát kỹ thuật 24/7 theo thời gian thực đối với toàn bộ đội máy bay của Hãng, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về an toàn và văn hóa an toàn cho hàng ngàn thành viên để tiếp cận những quy định và hướng dẫn mới nhất của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO), hệ thống quản trị an toàn của Cục Hàng không Việt Nam (CAAV) và chính sách phát triển văn hóa an toàn của hãng. VNA tự hào là hãng hàng không đầu tiên được cấp chứng chỉ an toàn khai thác IOSA (IATA Operational Safety Audit) của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) và liên tục duy trì chứng chỉ này từ năm 2006. Hãng cũng đã xây dựng thành công hệ thống quản lý an toàn (SMS) từ năm 2007, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quốc tế và được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn làm điểm mẫu để cho các đơn vị hàng không nội địa khác xây dựng, hoàn thiện tài liệu an toàn của họ.

Trong năm 2024, VNA đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong việc kiểm soát và hạn chế rủi ro về tai nạn và sự cố như sau:

- Không để xảy ra tai nạn, sự cố loại B, C, KPI sự cố/ vụ việc an toàn trên 10.000 chuyến bay là 7.87, đạt và tốt hơn mục tiêu đã đề ra (MT: 8.55); KPI vụ việc nguy cơ uy hiếp AT (phần chìm) các vụ việc Level 1,2/10.000 chuyến bay giảm so với năm 2023, được Airline Ratings đánh giá, xếp loại là một trong 25 hãng hàng không an toàn nhất thế giới.

- Gia hạn thành công Chứng chỉ IOSA của IATA đến năm 2026, Chứng chỉ AOC của CAAV đến ngày 31/11/2025, Chứng chỉ FAOC của Nhà chức trách hàng không nước ngoài, Chứng chỉ đủ điều kiện bay các đội tàu bay; đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định đưa tàu bay A320 NEO vào khai thác; đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi mở các đường bay, sân bay mới vào khai thác.
- Hoàn thành 100% kế hoạch đánh giá an toàn chất lượng các đối tác cung cấp dịch vụ cho VNA, xử lý 100% các báo cáo an toàn trên hệ thống AQD (Phần mềm quản lý tổng thể an toàn chất lượng).
- Thẩm định, trình phê chuẩn và tham gia góp ý hàng trăm lượt tài liệu, các CRs liên quan đến công tác an toàn chất lượng của Tổng công ty.
- Rà soát nhân sự các lĩnh vực, trình phê chuẩn phương thức bay góp phần đảm bảo an toàn tuyệt đối các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội đi công tác nước ngoài.
- Đánh giá Risk-Based Assessment (RBA) theo tiêu chuẩn IOSA là một quy trình quan trọng để nhận diện, phân tích và đánh giá các rủi ro liên quan đến an toàn khai thác. Vietnam Airlines đã tổ chức thành công các lớp học về Đánh giá RBA đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn và tuân thủ quy định của IOSA. Xây dựng các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu (Preventive/Corrective Actions) và đảm bảo các biện pháp kiểm soát phù hợp với các yêu cầu cụ thể của IOSA. Việc đánh giá RBA theo tiêu chuẩn IOSA không chỉ giúp nâng cao an toàn vận hành mà còn tăng cường khả năng đáp ứng các yêu cầu quốc tế, từ đó củng cố hình ảnh và uy tín của Vietnam Airlines.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro về việc chào bán

Đợt chào bán được thực hiện trong bối cảnh thị trường đang có nhiều bất ổn do các thách thức kinh tế toàn cầu, bao gồm áp lực lạm phát sau Covid-19, suy giảm tăng trưởng tại một số nền kinh tế lớn, và bất ổn địa chính trị toàn cầu. Ngành hàng không nói chung và VNA nói riêng đã có những phục hồi sau đại dịch Covid-19, nhưng những hậu quả tài chính từ đại dịch vẫn có thể thấy rõ. Mặc dù hoạt động kinh doanh năm 2024 đã cải thiện rất nhiều, công ty vẫn đối mặt với những khó khăn tài chính. Kết thúc năm 2024, VNA ghi nhận khoản lỗ lũy kế hợp nhất 33.614 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hợp nhất ở mức âm 9.344 tỷ đồng. Với những bất ổn kinh tế toàn cầu và vốn chủ sở hữu của VNA vẫn đang âm, đợt chào bán này có rủi ro cổ phiếu không chào bán hết.

Để giảm thiểu rủi ro không chào bán hết cổ phiếu phát hành thêm, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của VNA đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. So với mức giá cổ phiếu HVN đang giao dịch trên thị trường, Tổng công ty đánh giá mức giá chào bán này có tính khả thi cao.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu HVN giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông khác có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu cổ đông hiện

hữu không đăng ký, không nộp tiền mua được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác hoặc Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định chào bán tiếp cho các nhà đầu tư: Đối tượng chào bán là các nhà đầu tư tổ chức hoặc cá nhân trong nước; Mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4.2. Rủi ro về sử dụng vốn

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng để thanh toán các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm: (i) Trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn; (ii) Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn. VNA đã xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và năng lực thực hiện. Ngoài ra, công tác kiểm soát nội bộ và giám sát từ Ban điều hành, Hội đồng quản trị luôn được tăng cường để đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng

5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường sau khi chào bán

Đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu chịu rủi ro pha loãng giá cổ phiếu.

Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times Pr)}{1 + I}$$

Trong đó:

- P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng
- P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng
- I: là tỷ lệ tăng vốn
- Pr : là giá cổ phiếu phát hành

Giá định thị giá cổ phiếu HVN trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 27.000 đồng/cổ phiếu.

Do việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thấp hơn giá cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường nên giá cổ phiếu HVN tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh giảm xuống 22.087 đồng/cổ phiếu.

Trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu HVN tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền nhỏ hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu HVN tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của VNA sẽ ảnh hưởng đến chỉ số thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS) của mỗi cổ đông như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Chi tiết như sau:

Số lượng CP đang lưu hành	(1)	2.214.394.174 CP
Số lượng CP đăng ký phát hành thêm	(2)	900.000.000 CP
SLCP dự kiến lưu hành sau khi phát hành	(3) = (1)+(2)	3.114.394.174 CP
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025⁵	(4)	4.168.000.000.000 đồng
EPS trước khi phát hành	(5) = (4)/(1)	1.882 đồng
EPS dự kiến sau khi phát hành	(6) = (4)/(3)	1.338 đồng

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Số lượng Cổ phiếu quỹ}}$$

Vào thời điểm kết thúc đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu (dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2025), giả định đợt phát hành thành công 100% và dự tính kết quả kinh doanh năm 2025 theo kế hoạch là khoảng 4.168 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vốn chủ sở hữu là 7.566 tỷ đồng, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu đạt mức 2.429 đồng/cổ phiếu. Lý do: kết quả kinh doanh từ năm 2020 tới 2023 lỗ lớn làm vốn chủ sở của Công ty ở mức âm trong khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng thêm 900 triệu cổ phiếu sau đợt phát hành.

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Đợt chào bán ra công chúng thông qua phát hành quyền mua có đối tượng là cổ đông hiện hữu của VNA. Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ

lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Do đó, sau đợt chào bán, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông có thể sẽ bị giảm so với thời điểm trước chào bán nếu cổ đông hiện hữu không tham gia thực hiện quyền mua trong đợt phát hành lần này.

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của VNA, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro những tổn thất trong hoạt động kinh doanh đến từ những quyết định và phương hướng quản trị của Ban điều hành. Rủi ro này được hạn chế ở mức thấp nhất nhờ vào nhân sự trong Ban điều hành là những cán bộ có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không, nhiều năm gắn bó và có những am hiểu sâu sắc về hoạt động kinh doanh của VNA. VNA luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán, ...

Để hạn chế rủi ro quản trị, VNA cần tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ. VNA luôn chủ động tìm hiểu và cập nhật những quy định pháp luật mới để giảm thiểu rủi ro về quản trị và vận hành của Tổng Công ty.

7. Rủi ro khác

7.1. Rủi ro mang tính bất thường

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo,... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.

Đầu tiên phải kể đến tác động to lớn của dịch bệnh, cụ thể là Covid-19 đã tạo ra cú sốc rất lớn đến ngành hàng không toàn cầu. Mặc dù dịch bệnh này hiện đã được kiểm soát nhưng các dịch bệnh khác lại xuất hiện với mật độ dày với diễn biến phức tạp, đơn cử như trong giai đoạn nửa cuối năm 2024, 19 quốc gia châu Phi đã ghi nhận có ca mắc đậu mùa khi. Hay một số bệnh cúm lạ xuất phát từ tỉnh Kwango, Cộng hòa Dân chủ Công Gô hoặc bệnh cúm từ virus HMPV diễn ra tại Trung Quốc cũng gây ra hoang mang cho cả thế giới. Tuy nhiên, với kinh nghiệm đối phó dịch bệnh sau đại dịch Covid -19 thì trong 02 năm qua, các nước đều đã đưa ra được các biện pháp phòng chống, xử lý nguồn bệnh rất triệt để và không để dịch bệnh lây lan, ảnh hưởng đến cả nền kinh tế nói chung và ngành hàng không nói riêng.

Tiếp theo đó là rủi ro chiến sự, xung đột vũ trang đang nóng dần tại các vùng đất trên khắp thế giới, sau chiến sự Nga-Ukraine chưa xử lý dứt điểm, vùng đất Trung Đông lại nóng lên, bắt nguồn từ Isarel Palestine và lan rộng ra các nước lân cận. Điều này dẫn đến các hãng hàng không buộc phải thay đổi lịch trình bay, thay đổi đường bay tránh qua các vùng chiến sự... dẫn đến sự mất ổn định của kênh vận tải hàng không và gia tăng rủi ro, chi phí của các hãng bay.

Trước những thách thức đó và với kinh nghiệm của mình, VNA đã xây dựng các kịch bản, chiến lược hành động bám sát diễn biến thị trường. Tổng Công ty thường xuyên cập nhật, đánh giá, điều chỉnh các kế hoạch theo giai đoạn, điều hành linh hoạt các hoạt động kinh doanh phù hợp với diễn biến dịch bệnh, tích cực áp dụng đồng bộ các biện pháp nhằm cải thiện khó khăn trước mắt và duy trì hoạt động của VNA.

7.2. Rủi ro hoạt động liên tục

Theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm tài chính 2024, Tổ chức kiểm toán là Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã có ý kiến nhấn mạnh cần lưu ý người đọc như sau:

- Thuyết minh số 2 (c) của báo cáo tài chính riêng này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 36.995 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty là 7.056 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 5.602 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.
- Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.822 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con đến hạn trả là 10.812 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 9.394 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Những điều kiện này, cùng các yếu tố khác được trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc VNA đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để VNA có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. VNA đã đàm phán với các đối tác giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán, giãn nợ vay với các khoản vay đến hạn, tìm kiếm các đối tác giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán, giãn nợ vay với các khoản vay đến hạn để duy trì khả năng hoạt động liên tục. Tính tới thời điểm

lập Bản Cáo Bạch này, VNA đã nhận được một số giải pháp tháo gỡ khó khăn của Quốc hội, Chính phủ và các đối tác, nhà cung cấp, ngân hàng... như các gói giải pháp tăng vốn, bổ sung dòng tiền, vay tái cấp vốn, cơ cấu nợ, giãn nợ, giảm một số loại thuế phí trong lĩnh vực hàng không, chính sách trích khấu hao và phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ,...

7.3. Rủi ro khả năng hủy niêm yết

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong những năm 2020, 2021, 2022 và 2023 hoạt động kinh doanh của VNA đã phát sinh lỗ. Kể từ năm 2022 tới năm 2024, mức lỗ lũy kế của VNA cao hơn vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của VNA bị âm. Đến hết năm 2024, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đã có lãi trở lại, tuy nhiên mức lỗ lũy kế của VNA vẫn đang cao hơn vốn điều lệ thực góp. Theo quy định tại điểm e và điểm h Khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, VNA hiện đã và đang đối mặt với rủi ro khả năng bị hủy niêm yết bắt buộc trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Theo số liệu tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán của VNA, vốn điều lệ thực góp của chủ sở hữu là 22.143.941.740.000 đồng và lỗ lũy kế là 33.614.194.469.572 đồng.

VNA đã và đang quyết liệt triển khai các giải pháp nội lực để cải thiện tình hình tài chính, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 cũng đã cho thấy sự phục hồi rõ rệt của ngành hàng không. VNA đặt kế hoạch tới hết năm 2025 vốn chủ sở hữu không âm và năm 2032 xóa hết lỗ lũy kế.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

OV:	Công ty Bay Dịch vụ Hàng không
ACV:	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
ANNT:	An ninh thông tin
AOC:	Air Operator Certificate – Chứng chỉ khai thác máy bay
ATK:	Available tonne kilometers - Tải luân chuyển, là chỉ số đo lường năng lực vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng tải (hành khách và hàng hóa) cung ứng trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
BKS:	Ban Kiểm soát
CDS:	Chuyển đổi số
CLMV:	Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma, Việt Nam
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTCP:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
JPA, Jetstar Pacific:	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific
GDP:	Gross domestic product – Tổng sản phẩm trong nước
GDS:	Global Distribution System – Mạng lưới phân phối toàn cầu
GTVT:	Giao thông vận tải
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HK:	Hàng Không
IATA:	International Air Transport Association - Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
IOSA:	IATA Operational Safety Audit (Kiểm soát An toàn Khai thác của IATA)
K6:	Cambodia Angkor Air - Hãng Hàng không quốc gia Campuchia
KH:	Kế hoạch
LCC:	Low cost carrier – Hàng không giá rẻ
LOSA:	Line Operations Safety Audit: Chương trình Đánh giá an toàn khai thác tại chỗ
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước

NSLĐ:	Năng suất lao động
PA, Pacific Airlines, BL:	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines
RTK:	Revenue tonne kilometers - Trọng lượng Khách và Hàng luân chuyển, là chỉ số đo lường dung lượng vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng trọng lượng hành khách và hàng hóa được vận chuyển trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
SCIC:	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
SPA:	Special Prorate Agreement - Hợp đồng chia chặng đặc biệt giữa VNA và các hãng hàng không khác
SLB:	Sale and Lease back: Nghiệp vụ bán và thuê lại
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
TCTD:	Tổ chức tín dụng
TSCĐ:	Tài sản cố định
TGD:	Tổng Giám đốc
TGBQ:	Tỷ giá bình quân
TMĐT:	Thương mại điện tử
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
VNA, Vietnam Airlines, VN, Tổng Công ty, TCTHK, TCT, Tổ Chức Phát Hành:	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
VSDC:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
VTHK:	Vận tải hàng không

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ:	TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Tên viết tắt:	VIETNAM AIRLINES
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	VIETNAM AIRLINES JSC
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84.24) 3873 2732 Số fax: (84.24) 3872 2375
Vốn điều lệ:	22.143.941.740.000 đồng (Hai mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba tỷ chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)
Ngành nghề kinh doanh chính:	Vận tải hành khách hàng không (chi tiết: vận chuyển hàng không đối với hành khách)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Lê Hồng Hà - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu:	HVN
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Website:	www.vietnamairlines.com
Email:	vanthu.corp@vietnamairlines.com
Logo:	

Vietnam Airlines

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không	Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không số 01/2022/GPKDVCHK do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 22/02/2022
--	---

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Ngày 27/5/1995, VNA được thành lập theo Quyết định số 328/TTg của Thủ tướng Chính phủ dưới hình thức tổng công ty nhà nước hoạt động kinh doanh, trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp trong ngành hàng không Việt Nam lấy Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam làm nòng cốt.
- Năm 2010, VNA được chuyển thành Công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu căn cứ theo Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 06 năm 2010 về việc chuyển Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01/07/2010.

- Ngày 01/04/2015, VNA chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là kết quả thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang CTCP được ghi nhận trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần thứ 4 là 11.198.648.400.000 đồng.
- Năm 2015, VNA trở thành công ty đại chúng. Ngày 08/07/2015, Ủy ban chứng khoán Nhà nước có văn bản số 4275/UBCK-QLPH về việc xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng của VNA.
- Ngày 30/07/2015, VNA đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 62/2015/GCNCP-VSD và được cấp mã chứng khoán HVN.
- Ngày 08/07/2016, VNA nâng vốn điều lệ lên 12.275.337.780.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tập đoàn Hàng không Nhật Bản – ANA Holdings Inc. (theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016).
- Ngày 03/01/2017, cổ phiếu của VNA chính thức được giao dịch trên Sàn Upcom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HVN.
- Ngày 26/02/2019, VNA nâng vốn điều lệ lên 14.182.908.470.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2019).
- Ngày 11/11/2021, VNA nâng vốn điều lệ lên 22.143.941.740.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2021).
- Trải qua hơn 30 năm lịch sử phát triển, VNA đã góp phần quan trọng phát triển ngành Hàng không dân dụng của Việt Nam cũng như đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mốc thời gian	Sự kiện
1995	Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành
2002	VNA giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay của VNA

7518
 NG
 TY
 VIỆT
 CP
 N-T.F

2003	Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTG ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, sự kiện khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay
2006	Trở thành thành viên chính thức của IATA
2009	Hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Cam-pu-chia thành lập Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air, vốn điều lệ 100 triệu USD, trong đó VNA góp 49%
2010	Chuyển thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu SkyTeam
2012	Tiếp nhận quản lý phần vốn góp của cổ đông Nhà nước tại CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines, trở thành cổ đông lớn nhất với tỷ lệ nắm giữ 68,46% vốn điều lệ
2013	Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam là ngày 31/3/2013
5/2014	Bộ Giao thông vận tải phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam
9/2014	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam
11/2014	VNA hoàn thành chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng thông qua đấu giá cổ phần hóa vào ngày 14/11/2014 tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
03/2015	Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP đã được tổ chức vào ngày 12/3/2015
04/2015	VNA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP và chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015
07/2015	VNA hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thủ tục đăng ký chứng khoán với VSD
07/2016	VNA hoàn tất việc đàm phán và lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài là Tập đoàn hàng không hàng đầu Nhật Bản (ANA Holdings Inc.)
01/2017	Cổ phiếu HVN chính thức được đăng ký giao dịch trên Sàn UPCOM

11/2018	Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải sang Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
5/2019	Cổ phiếu HVN chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
11/2021	VNA nâng mức vốn điều lệ lên 22.143.941.740.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Các danh hiệu và thành tích đã được Nhà nước ghi nhận :

- Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng năm 1996, 1997;
- Bằng khen Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam năm 2000;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2001;
- Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2003;
- Giải thưởng Sao Khuê năm 2005;
- Huân chương Hồ Chí Minh do Chủ tịch nước trao tặng, năm 2010;
- Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2010;
- Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng năm 2011;
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2011 (Giải Ba) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2012 (Giải Nhất) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước.
- Huân chương Chiến công hạng Nhất năm 2014.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về công tác tái cơ cấu và sắp xếp doanh nghiệp (năm 2015) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016, 2017.

Các giải thưởng đạt được trong giai đoạn 2021-2024

Năm 2021

- Covid-19 Airline Safety Rating - Hãng hàng không an toàn Covid xếp hạng cao nhất 5 sao Skytrax.
- Hãng hàng không hàng văn hóa hàng đầu Châu Á năm 2021 - World Travel Awards.
- Hãng hàng không dẫn đầu Châu Á về hạng phổ thông năm 2021 - World Travel Awards.
- Hãng hàng không Mice tốt nhất Châu Á - World Mice Awards.
- Top 10 Thương hiệu tốt nhất năm thứ ba liên tiếp – Yougov.
- Top 10 Thương hiệu có trải nghiệm khách hàng xuất sắc nhất tại Việt Nam – KPMG.
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng - Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

- Top 26 Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam – VNR500.
- Top 100 Giải thưởng Sao vàng đất Việt – Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam.
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam (trao năm 2020 có giá trị 2 năm) - Bộ Công thương.
- Quan hệ công chúng và Truyền thông xuất sắc năm 2021 về Quản trị thương hiệu cho sự kiện truyền thông DB Mỹ do VNPR Awards 2021.

 Năm 2022

- Hãng Hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa, World Leading Culture Airlines - World Travel Awards.
- Hãng Hàng không hàng đầu Châu Á về hạng ghế Phổ thông, Asia's Leading Airline - Economy Class - World Travel Awards.
- Thương hiệu hàng không hàng đầu Châu Á, Asia's Leading Airline Brand - World Travel Awards.
- Hãng hàng không MICE tốt nhất Châu Á 2022 - World Mice Awards.
- Top 100 Hãng hàng không tốt nhất thế giới 2022 do Skytrax đánh giá – xếp thứ 48.
- Thương hiệu quốc gia năm 2022 - Bộ Công Thương.
- Top 10 Thương hiệu được giới thiệu nhiều nhất năm 2022 (xếp thứ nhất) – Yougov.
- Top 10 Thương hiệu tốt nhất Việt Nam, Best Brands 2022 (xếp thứ hai) – Yougov.
- Top 5 Công ty uy tín vận tải hành khách năm 2022 - VNR500.
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2022 - Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam.
- Top 10 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam - Viet Research.
- Top 48 trong 100 hãng hàng không tốt nhất thế giới – Skytrax.
- Top 50 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500 (xếp thứ 43).
- Giải 3 giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại: Video Safety demo.
- Giải Khuyến khích giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại: Music Video “Nhanh lên nhé”.

 Năm 2023

- Top 25 Hãng hàng không tốt nhất thế giới 2023 (xếp hạng 20/25) – AirlineRatings.
- Top 100 Hãng hàng không tốt nhất thế giới năm 2023 (xếp hạng 44/100) – Skytrax.
- Hãng hàng không quốc tế 5 sao – APEX.
- Top 3 Hãng hàng không có dịch vụ suất ăn, đồ uống tốt nhất – APEX.
- Top 10 Hãng hàng không quốc tế tốt nhất năm 2023 – Bounce.
- Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về hạng ghế Phổ thông - World Travel Awards.
- Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về bản sắc văn hóa - World Travel Awards.

- Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về dịch vụ phi hành đoàn - World Travel Awards.
- Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về tạp chí trên không - World Travel Awards.
- Top 10 Thương hiệu du lịch được yêu thích nhất tại Việt Nam (xếp hạng Nhất) – YouGov.
- Top 5 Thương hiệu có chỉ số cải thiện nhiều nhất (xếp hạng Nhất) – YouGov.
- Top 10 công ty cung cấp trải nghiệm khách hàng tốt nhất thị trường Việt Nam 2023 (xếp hạng 2/10) - Tạp chí Campaign Asia.
- Thương hiệu quốc gia - Bộ Công thương.
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng (xếp hạng Nhất) - Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam.
- Thương hiệu hàng không giá trị nhất Việt Nam (xếp hạng Nhất) - Brand Finance và Mibrand Vietnam.
- Top 5 doanh nghiệp tăng trưởng sức mạnh thương hiệu toàn ngành - Brand Finance và Mibrand Vietnam.
- Top 100 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2023 (xếp hạng 26/100) - Brand Finance.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng Vietnam Airlines Đã có nhiều đóng góp tích cực vào thành công của Năm Chủ tịch ASEAN 2020.
- Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hoá kinh doanh Việt Nam 2023 - Ban Tuyên giáo và Bộ Công Thương
- Giải thưởng hành động vì cộng đồng Human Act Prize – Báo Nhân dân và VCCorp (VNA đạt giải hạng mục Bền bỉ với dự án Cùng Sen Vàng kết nối yêu thương).

Năm 2024

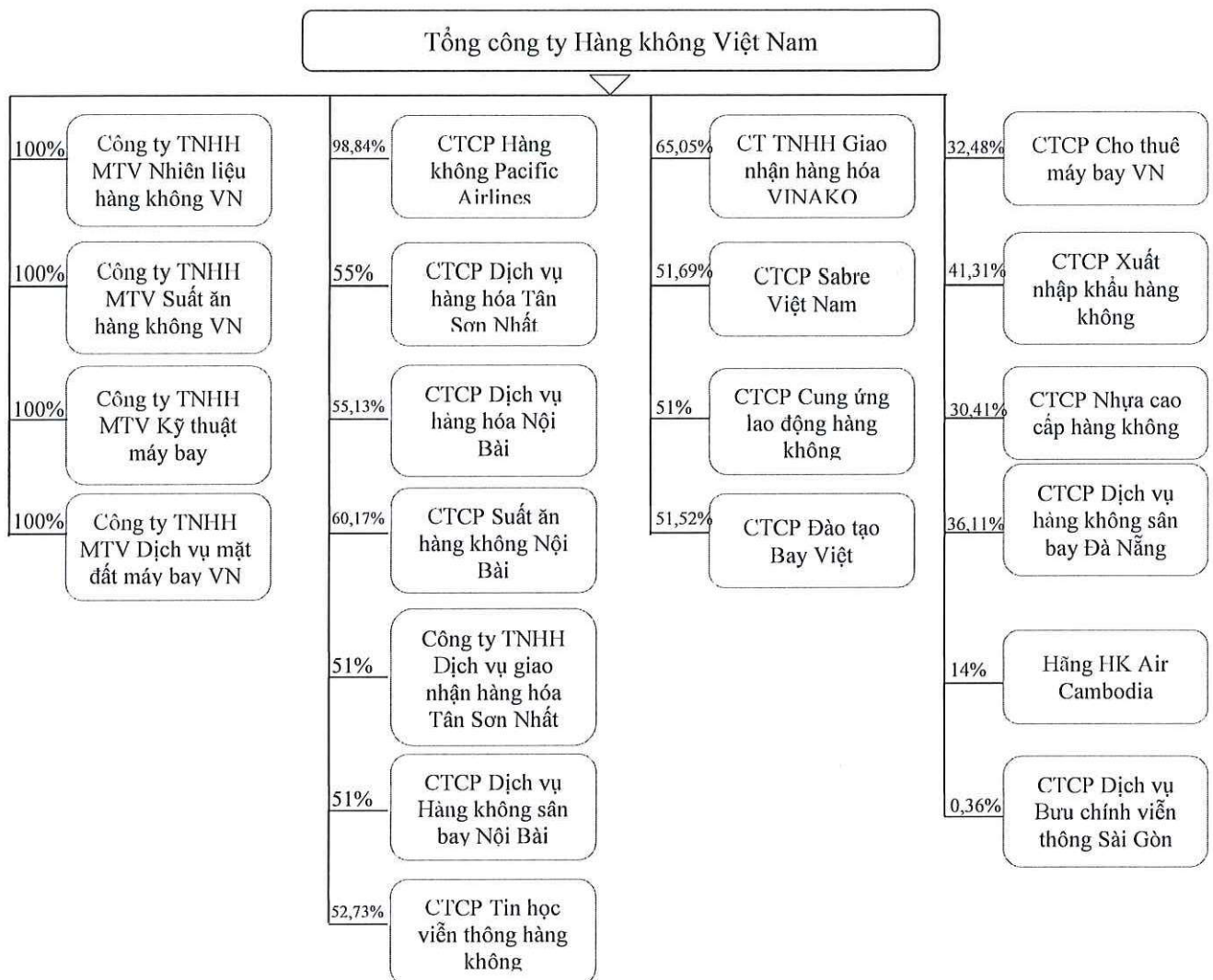
- Top 10 Hãng hàng không đúng giờ nhất Châu Á do Cirium – Hãng phân tích dữ liệu hàng không có trụ sở tại Anh bình chọn.
- Best value premium economy of the year award for 2024 do Airlineratings trao tặng.
- Top 10 Hãng hàng không có đồng phục cho tiếp viên hàng không đẹp nhất thế giới theo đánh giá của Cabin crew 24 (Vietnam Airlines xếp thứ 3).
- Top 25 Premium airlines of 2024 do Airlineratings bình chọn (Vietnam Airlines xếp thứ 11/25).
- Hãng hàng không 5 sao thế giới năm 2024 do APEX trao tặng.
- Top 5 Hãng hàng không đúng giờ nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương.
- Lotusesmiles được vinh danh tại “Chương trình Khách hàng Trung thành tốt nhất” Loyalty & Engagement Awards 2024.
- Vietnam Airlines xếp thứ 1 trong Bảng xếp hạng Du lịch năm 2024 của Decision Lab (đối tác độc quyền của YouGov tại Việt Nam) đánh giá khả năng một thương hiệu sẽ được người tiêu dùng lựa chọn vào lần tiếp theo khi có nhu cầu du lịch và giải trí.

- Hãng hàng không đúng giờ nhất Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 theo đánh giá của Cục hàng không Việt Nam.
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2024.
- VNA xếp hạng 96/500 bảng xếp hạng 500 công ty lớn nhất Đông Nam Á Fortune SEA.
- VNA đứng thứ 3 trên bảng xếp hạng 10 Hãng hàng không khu vực Đông Nam Á có tổng số ghế cung cấp cao nhất trong năm theo đánh giá của tạp chí Opensky.
- VNA đạt giải Hãng hàng không có dịch vụ cho Golfer tốt nhất năm 2024 do tạp chí Vietnam Golf and Leisure bình chọn.
- Hãng hàng không có dịch vụ thân thiện và tiềm năng phát triển hàng đầu thị trường Ấn Độ.
- Hãng hàng không MICE hàng đầu Châu Á năm 2024 – World Travel Awards.
- Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa năm 2024 – World Travel Awards.
- VNA là hãng hàng không có tỷ lệ bay đúng giờ cao nhất tại Việt Nam giai đoạn cao điểm hè theo đánh giá của tạp chí Opensky.
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam (giá trị 2 năm 2024 – 2025).
- Giải Nhất hạng mục Bình đẳng giới thông qua tham gia cộng đồng và quan hệ đối tác tại Lễ trao giải Thực hiện nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ.
- Giải Nhất giải thưởng Quảng cáo sáng tạo Việt Nam loại hình quảng cáo trên truyền hình TVC Vietnam Airlines - VẠN DẶM NÂNG NIU và Giải thưởng hiệu Du lịch - Lữ hành Sáng tạo của năm.
- Giải thưởng Hành động vì cộng đồng Human Act Prize 2024 – hạng mục Ý tưởng bền vững với dự án “Vì Một Việt Nam Xanh và Phát Triển Bền Vững”.
- Giải bạc hạng mục Personalization và giải đồng hạng mục Real Time Marketing tại giải Smarties Vietnam.
- Giải vàng hạng mục Personalization và giải đồng hạng mục Real Time Marketing tại giải Smarties X Global.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của VNA

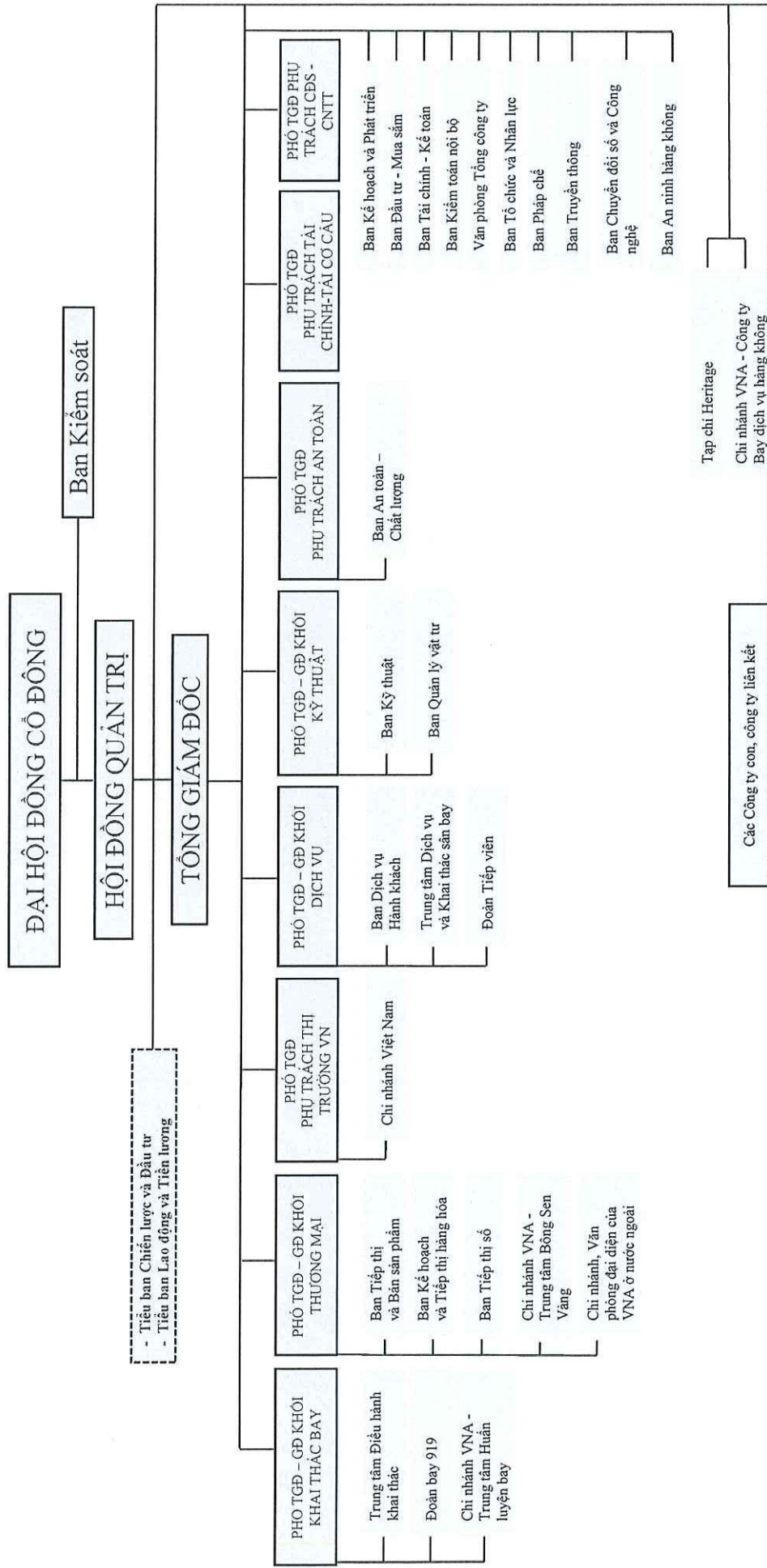


Nguồn: VNA

Cơ cấu tổ chức của Vietnam Airlines được vận hành theo mô hình công ty mẹ (Vietnam Airlines) và các đơn vị thành viên, được phân tách thành 3 nhóm: VNA sở hữu 100% vốn điều lệ, sở hữu trên 50% vốn điều lệ và dưới 50% vốn điều lệ. Thông tin chi tiết về các đơn vị thành viên này được trình bày tại mục 5 Phần IV: *Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.*

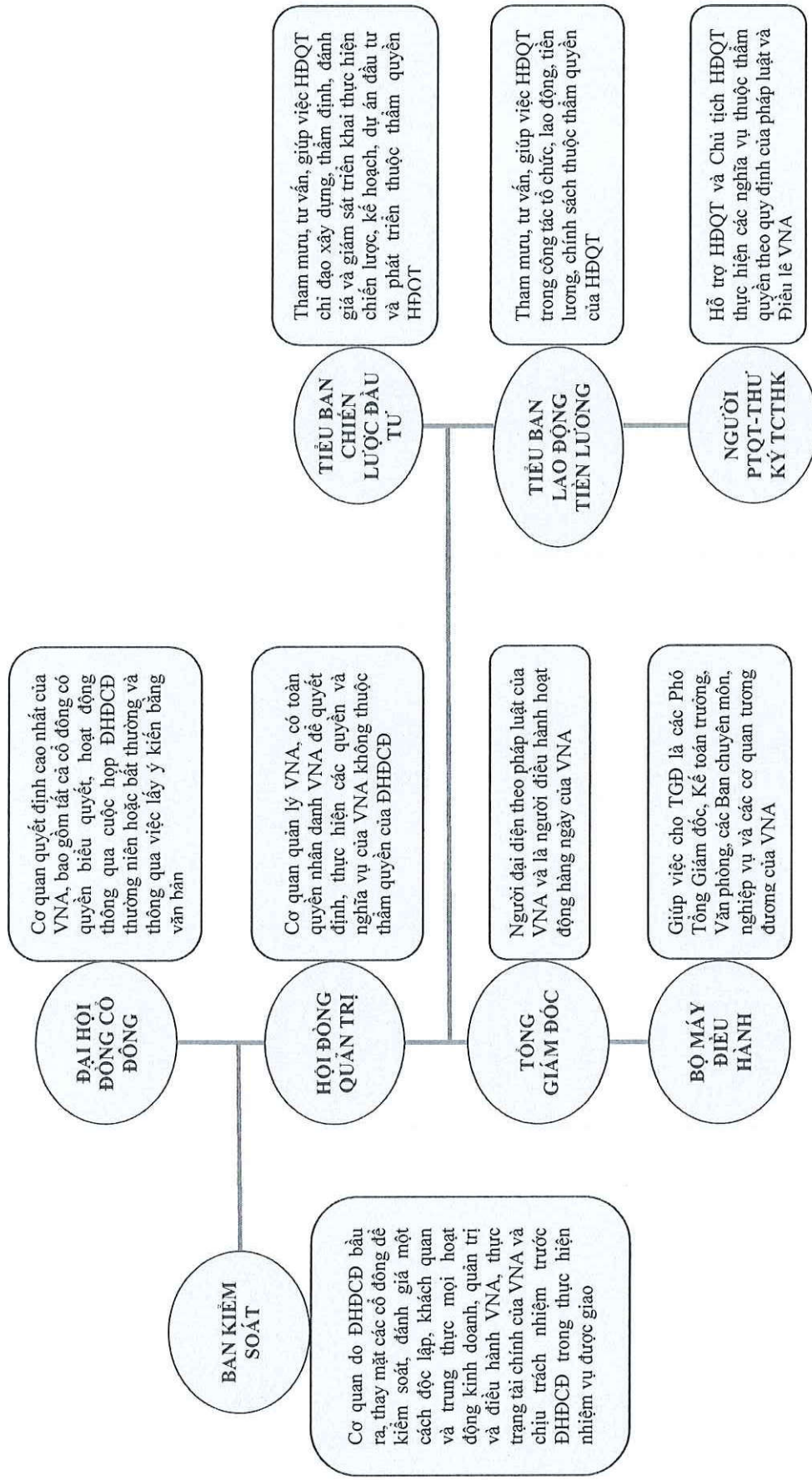
(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

Biểu đồ 5: Sơ đồ tổ chức của VNA (thời điểm 31/3/2025)



Nguồn: VNA

Biểu đồ 6: Cấu trúc quản trị VNA



Nguồn: VNA

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VNA, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VNA, có toàn quyền nhân danh VNA để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của VNA, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT phải có tối thiểu là ba (03) thành viên và không quá mười một (11) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế. Hiện tại, HĐQT của VNA gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, danh sách chi tiết như sau:

- Ông Đặng Ngọc Hòa Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Hồng Hà Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Tạ Mạnh Hùng Thành viên HĐQT
- Ông Lê Trường Giang Thành viên HĐQT
- Ông Hidekazu Isonoe Thành viên HĐQT
- Ông Đinh Việt Tùng Thành viên HĐQT
- Ông Trương Văn Phước Thành viên HĐQT độc lập

Ban kiểm soát (BKS)

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt các Cổ đông để giám sát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VNA, thực trạng tài chính của VNA và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do ĐHĐCĐ bầu, trong đó có hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hiện tại, BKS của VNA gồm 03 thành viên, danh sách chi tiết như sau:

- Bà Dương Thị Việt Thắm Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Lê Trúc Quỳnh Thành viên BKS
- Bà Nguyễn Thị Hồng Loan Thành viên BKS

Ban Giám đốc điều hành

Ban Giám đốc điều hành VNA là cấp quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của VNA, đứng đầu là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm một người trong số các thành viên HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo

pháp luật của VNA. Hiện tại, Ban Giám đốc điều hành của VNA gồm 07 thành viên, danh sách chi tiết như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| • Ông Lê Hồng Hà | Tổng Giám đốc |
| • Ông Đặng Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Chiến Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Tô Ngọc Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Văn Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Đức Cảnh | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Thế Bảo | Phó Tổng Giám đốc |

Các Tiểu ban giúp việc HĐQT

HĐQT đã thành lập và ủy quyền cho các Tiểu ban trực thuộc, giúp việc cho HĐQT, bao gồm:

- Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư: Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT trong công tác chiến lược, đầu tư; thực hiện thẩm định đối với các dự án lớn, quan trọng; đánh giá việc thực hiện chiến lược, đầu tư của VNA.
- Tiểu ban Lao động và Tiền lương: Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT về các định hướng, chính sách trung hạn, dài hạn; đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công tác tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các Tiểu ban này và cơ chế làm việc của các Tiểu ban do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Bộ máy giúp việc chung cho HĐQT và Tổng Giám đốc

Giúp việc chung cho HĐQT và Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương của VNA.

Cơ cấu tổ chức hoạt động của VNA bao gồm:

- 25 cơ quan, đơn vị trực thuộc
- 04 cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy
- 24 chi nhánh trong nước
- 22 chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài
- Các công ty con và công ty liên kết theo Điều lệ VNA

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, kèm theo thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

VNA được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, đại diện sở hữu phần vốn nhà nước tại VNA là Bộ Tài chính. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Bộ Tài chính tại VNA là 55,2%.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

5.2. Danh sách công ty con của VNA

Bảng 1: Danh sách các công ty con của VNA tại ngày 31/12/2023, ngày 31/12/2024 và ngày 31/03/2025

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2025 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/03/2025 (%)
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam (VIAGS)	100	100	100	100	100	100
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)	100	100	100	100	100	100
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	100	100	100	100	100	100
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam (VACS)	100	100	100	100	100	100
CTCP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)	55	55	55	55	55	55
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako (VINAKO)	65,05	65,05	65,05	65,05	65,05	65,05
CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (NCS)	60,17	60,17	60,17	60,17	60,17	60,17
CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)	55,13	55,13	55,13	55,13	55,13	55,13
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	51	51	51	51	51	51

Đã được kiểm tra và xác minh đúng đắn theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo tài chính và pháp luật về thuế.

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2025 (%)	Tỷ lệ biểu quyết tại 31/03/2025 (%)
CTCP Sabre Việt Nam (SABRE)	51,69	51,69	51,69	51,69	51,69	51,69
CTCP Cung ứng Lao động Hàng Không (ALSUCO)	51	51	51	51	51	51
CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)	51	51	51	51	51	51
CTCP Tin học viễn thông Hàng không (AITS)	52,73	52,73	52,73	52,73	52,73	52,73
CTCP Đảo tạo Bay Việt (VFT)	51,52	51,52	51,52	51,52	51,52	51,52
CTCP Hàng không Pacific Airlines (PA)	98,84	98,84	98,84	98,84	98,84	98,84

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2025

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

 Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam (VIAGS)

- Ngày thành lập: 01/01/2016
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0313587386 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/01/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/12/2024.
- Địa chỉ: 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3547 2288 Fax: (84-028) 3547 1188
- Website: <https://www.viags.vn/>
- Hoạt động kinh doanh chính: dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 250.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại Doanh nghiệp (31/03/2025): 100%

 Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)

- Ngày thành lập: 19/7/2010
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107638 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/7/2010; đăng ký thay đổi lần 9 ngày 13/5/2025.
- Địa chỉ: Số 202 phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38272316 Fax: (84-024) 38272317
- Website: <http://www.skypec.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 800.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 100%

 Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)

- Ngày thành lập: 02/4/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102713673 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/4/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/06/2021
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
 - Số điện thoại: (84-024) 38865532 Fax: (84-024) 38865532
- Website: <http://www.vaeco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 1.093.117.074.332 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 100%

 Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam (VACS)

- Ngày thành lập: 13/8/2013
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300691598 do Sở Kế hoạch đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/8/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/02/2023
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt nam
- Số điện thoại: (84-024) 38448367 Fax: (84-024) 38446719
- Website: [http:// www.vnaircaterers.com](http://www.vnaircaterers.com)
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 85.448.232.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 100%

 CTCP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)

- Ngày thành lập: 16/12/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301215249 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/12/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/07/2023
- Địa chỉ: Số 46-48 đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 38486489 Fax: (84-028) 38427944
- Website: <http://www.tcs.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 93.726.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 55%

 Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako (VINAKO)

- Ngày thành lập: 17/01/2007
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300587886 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/01/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/4/2018
- Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3848 5353 Fax: (84-028) 3848 5353
- Website: <http://www.vinakoforwarding.com>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 8.578.051.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 65,05%

 CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (NCS)

- Ngày thành lập: 07/7/2004
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101509403 do Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 8840289 Fax: (84-024) 3884 0199
- Website: <http://www.noibaicatering.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 179.490.980.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 60,17%

 CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)

- Ngày thành lập: 19/4/2005
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101640729 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/4/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06/01/2023
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 35840905 Fax: (84-024) 35840906
- Website: <http://www.noibaicargo.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 261.669.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 55,13%
- Tỷ lệ biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 55,13%

 Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)

- Ngày thành lập: 25/4/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304312360 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/5/2025.
- Địa chỉ: Số 6 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-028) 38110633 Fax: (84-028) 38115522
- Website: <http://www.tecs.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 51.430.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 51%

 CTCP Sabre Việt Nam (SABRE)

- Ngày thành lập: 13/5/2013
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100113825 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/5/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/6/2024
- Địa chỉ: Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) 39431975 Fax: (84-024) 39431972
- Website: <http://www.sabretn.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre, tổng đài chăm sóc khách hàng
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 5.200.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 51,69%

 CTCP Cung ứng Lao động Hàng Không (ALSUCO)

- Ngày thành lập: 23/06/2005
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108399 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 08/01/2025
- Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà VN3, số 200 phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38732383 Fax: (84-024) 38730624
- Website: <http://www.alsuco.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Cung ứng lao động
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 51%

 CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)

- Ngày thành lập: 5/4/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108254 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 5/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 05/5/2023
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài - xã Phú Minh - huyện Sóc Sơn - Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) 3.884.0085 Fax: (84-024) 3886 5555
- Website: www.nasco.com.vn
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết: Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không

- Vốn điều lệ (31/03/2025): 83.157.640.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 51%

 CTCP Tin học viễn thông Hàng không (AITS)

- Ngày thành lập: 11/11/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103019524 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2024
- Địa chỉ: Số 412 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 62521555 Fax: (84-024) 3873 0892
- Website: <http://www.aits.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: : Cung cấp sản phẩm dịch vụ CNTT, xử lý dữ liệu, dịch vụ tư vấn, đào tạo chuyển giao công nghệ
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 58.031.660.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 52,73%

 CTCP Đào tạo Bay Việt (VFT)

- Ngày thành lập: 11/6/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305790306 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/6/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/12/2024
- Địa chỉ: 117 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: +84 909345860
- Website: bayviet.com.vn
- Hoạt động kinh doanh chính: Đào tạo phi công
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 66.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 51,52%

 CTCP Hàng không Pacific Airlines (PA)

- Ngày thành lập: 12/12/1990 theo Quyết định số 2355/TCCB-LĐ của Bộ GTVT và Bru Điện
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301103030 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/10/1992; đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 08/4/2024
- Địa chỉ: 112 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3628 0058 Fax: (84-028) 35474515
- Website: <http://www.pacific-airlines.com>

- Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hành khách hàng không
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 3.522.081.420.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 98,84%

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

5.3. Danh sách những công ty mà VNA đang nắm giữ cổ phần không chi phối

Bảng 2: Danh sách công ty mà VNA nắm giữ cổ phần không chi phối

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ biểu quyết 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ biểu quyết 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ sở hữu 31/03/2025 (%)	Tỷ lệ biểu quyết 31/03/2025 (%)
CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)	32,48	32,48	32,48	32,48	32,48	32,48
CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO)	36,11	36,11	36,11	36,11	36,11	36,11
CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng không (AIRIMEX)	41,31	41,31	41,31	41,31	41,31	41,31
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không (APLACO)	30,41	30,41	30,41	30,41	30,41	30,41
Hãng hàng không Air Cambodia (K6) (i)	14	14	14	14	14	14
CTCP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) (i)	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2025

Ghi chú: (i) Các đơn vị khác (ngoài công ty con và công ty liên kết) mà VNA đầu tư góp vốn

 CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)

- Ngày thành lập: 08/10/2007
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102384108 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/11/2023
- Địa chỉ: Tầng 06, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-024) 3577 2225 Fax: (84-024) 35772270
- Website: <http://www.valc.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 63.315.837 USD
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 32,48%

 CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO)

- Ngày thành lập: 5/4/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400202045 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 5/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 09/7/2024
- Địa chỉ: sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: (84-0236) 3826680 Fax: (84-0236) 3826133
- Website: <http://www.masco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến và cung ứng suất ăn trên tàu bay
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 42.676.830.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 36,11%

 CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng không (AIRIMEX)

- Ngày thành lập: 18/5/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107934 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/5/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 13/01/2025
- Địa chỉ: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38271939 Fax: (84-024) 38271925
- Website: <http://www.airimex.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 31.112.830.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 41,31%

 Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không (APLACO)

- Ngày thành lập: 01/06/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108825 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/02/2024
- Địa chỉ: Ngõ 200 đường Nguyễn Sơn (Lâm Hạ), Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0968671586 Fax: 8730769
- Website: <http://www.aplaco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: công nghiệp nhựa cao cấp
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 44.708.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 30,41%

 Hãng hàng không Air Cambodia (K6)

- Ngày thành lập: 21/05/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Co 5834M/2009 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp lần đầu ngày 28/12/2011, đăng ký thay đổi ngày 22/11/2024
- Địa chỉ: 206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia
- Số điện thoại: 855 23 6666 787-789 Fax: 855 23 224264
- Website: <http://www.aircambodia.com>
- Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 100.000.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 14%

 CTCP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)

- Ngày thành lập: 17/10/1996
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300849034 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 20/10/2015
- Địa chỉ: Số 10 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 5444 9999 Fax: (84-028) 5404 0609
- Website: <http://www.spt.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Viễn thông
- Vốn điều lệ (31/03/2025): 1.203.917.290.000

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/03/2025): 0,36%

6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ

Từ khi thành lập tới thời điểm hiện tại, VNA chưa giảm vốn điều lệ. Thông tin về các đợt tăng vốn kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm thời điểm tăng vốn, giá trị vốn tăng, hình thức tăng vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có) của VNA như sau:

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

Bảng 3: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của VNA

STT	Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	04/2015		11.198.648.400.000		- Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần thứ 4 ngày 01/4/2015
2	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài	- Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015; - Công văn số 3340/UBCK-QLCB ngày 17/06/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ; - Công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 7/7/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ cổ phiếu của VNA. - Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016.

STT	Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
3	12/2018	1.907.570.690.000	14.182.908.470.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2017; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK ngày 04/04/2018 được gia hạn bởi Quyết định số 570/QĐ-UBCK ngày 29/06/2018 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho VNA. - Công văn số 146/UBCK-QLCB ngày 05/01/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của VNA. - Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2019.
4	09/2021	7.961.033.270.000	22.143.941.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2021; - Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 88/GCN-UBCK ngày 20 tháng 07 năm 2021. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1351/TCTHK-TCC ngày 22/09/2021; - Công văn số 5518/UBCK-QLCB ngày 24/9/2021 của UBCKNN v/v nhận được báo



STT	Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của HVN. Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2021.

Nguồn: VNA

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

 Lần 1: Triển khai công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 9.023.171.403.149 đồng;
- Thay đổi vốn điều lệ khi cổ phần hóa: Giữ nguyên phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Ngày quyết toán vốn bản giao sang công ty cổ phần: 31/3/2015;
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 11.198.648.400.000 đồng.

Căn cứ thực hiện:

- Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 291/VPCP-ĐMDN ngày 14/1/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa VNA;
- Công văn số 2129/VPCP-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Công văn số 3184/VPCP-ĐMDN ngày 07/5/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp VNA;
- Công văn số 315/BGTVT-TC ngày 9/1/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa VNA;
- Quyết định số 1807/QĐ-BGTVT ngày 14/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 3584/QĐ-BGTVT ngày 24/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu và địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần thứ 4 ngày 01/4/2015;
- Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về quyết toán số tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của VNA.

 Lần 2: Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược nước ngoài

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 11.198.648.400.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: chào bán riêng lẻ cho cổ đông nước ngoài;

- Cổ đông nước ngoài: ANA Holdings Inc.;
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 107.668.938 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 12.275.337.780.000 đồng;
- Ngày bắt đầu quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: 30/09/2014;
- Ngày phát hành báo cáo kiểm toán vốn: 20/06/2017;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong 05 năm kể từ ngày 01/07/2016;
- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.227.533.778 cổ phiếu.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất của VNA số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015;
- Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16 tháng 05 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP cho nhà đầu tư chiến lược;
- Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;
- Công văn số 3340/UBCK-QLCB ngày 17/06/2016 về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 07/07/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ cổ phiếu của VNA;
- Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016.
- *Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:* Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm tra tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán trên là phù hợp với phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ của VNA thông qua, theo Báo cáo kiểm toán “Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược” số 16-02-266 ngày 20/09/2016 của Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

** Lần 3: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 12.275.337.780.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 190.757.069 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 14.182.908.470.000 đồng;
- Ngày bắt đầu đợt chào bán: 7/5/2018;
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 14/12/2018;

- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.418.290.847 cổ phiếu.

Căn cứ thực hiện:

- Công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 và số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển đội bay của Tổng công ty Hàng không Việt Nam (trước cổ phần hóa) đến năm 2020;
- Quyết định 1611/QĐ-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16 tháng 05 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP cho nhà đầu tư chiến lược;
- Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của VNA số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2017;
- Nghị quyết số 1323/NQ-HĐQT-TCTHK ngày 14/7/2017 phê duyệt hồ sơ phát hành;
- Nghị quyết số 225/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 06/02/2018 của HĐQT bổ sung về phương án phát hành chi tiết;
- Quyết định số 480/QĐ-BGTVT ngày 12/03/2018 của Bộ GTVT phê duyệt phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần;
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/04/2018;
- Quyết định số 570/QĐ-UBCK ngày 29/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP;
- Công văn số 1466/VPCP-ĐMDN ngày 26/5/2017 của VPCP thông báo ý kiến của Phó Thủ Tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về phương án tăng vốn điều lệ của VNA;
- Nghị quyết 124/NQ-CP ngày 6/10/2018 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính Phủ thường kỳ tháng 9/2018 trong đó có nội dung Chính phủ thống nhất tiếp tục thực hiện chủ trương Cổ đông Nhà nước mua thêm cổ phần khi VNA phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Công văn số 146/UBCK-QLCB ngày 05/01/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của VNA.
- Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2019.

- Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm tra tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán trên là phù hợp với phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ của VNA thông qua, theo Báo cáo kiểm toán “Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu” số 18-02-168-19-1 ngày 17/01/2019 của Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

 Lần 4: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Vốn điều lệ trước khi chào bán: 14.182.908.470.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 796.103.327 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 22.143.941.740.000 đồng;
- Ngày bắt đầu đợt chào bán: 05/08/2021
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 14/09/2021;
- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 2.214.394.174 cổ phiếu.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Quốc hội đã nhất trí với đề nghị của Chính phủ cho phép VNA chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ khi đáp ứng quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và giao SCIC thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại VNA thuộc quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương thức chuyển giao quyền mua;
- Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31/12/2020 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA, trong đó có việc thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của VNA.
- Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp (cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại VNA) đã có ý kiến thông qua Phương án phát hành trước khi VNA tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của VNA số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2021;
- Nghị quyết HĐQT số 946/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 14/07/2021 v/v thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VNA
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 88/GCN-UBCK ngày 20 tháng 07 năm 2021.
- Công văn số 5518/UBCK-QLCB ngày 24/9/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của HVN.
- Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2021.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của VNA tại các doanh nghiệp khác

Trong các năm 2023, 2024 và đến thời điểm hiện tại, VNA không triển khai góp vốn và thoái vốn tại các doanh nghiệp khác có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của VNA tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Số lượng lưu hành: 2.214.394.174 cổ phiếu

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/05/2025 của VNA

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	24.044	2.012.096.427	2.012	90,86
1	Tổ chức	67	1.932.994.016	1.933	87,29
a.	Nhà nước	2	1.911.856.371	1.912	86,34
b.	Tổ chức khác	65	21.137.645	21	0,95
2	Cá nhân	23.977	79.102.411	79	3,57
II.	Nước ngoài	571	202.297.747	202	9,14
1	Tổ chức	45	200.449.334	200	9,05
	<i>Trong đó: Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ > 50% vốn điều lệ</i>	-	-	-	-
2	Cá nhân	526	1.848.413	2	0,08
	Tổng cộng	24.615	2.214.394.174	2.214	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của VNA chốt tại ngày 27/05/2025

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Công ty không có các chứng khoán khác đang lưu hành như trái phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quy định pháp luật

Hiện VNA đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022. Thông tin về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VNA đã được cập nhật tại Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh

ngành số 31576/22 ngày 27/01/2022 của Sở KHĐT TP. Hà Nội, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo đường link:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=aa>

Theo quy định tại Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, điều kiện nhà đầu tư nước ngoài đối với ngành nghề kinh doanh vận tải hàng không chiếm không quá 34% vốn điều lệ của VNA.

Trong ngành nghề đăng ký kinh doanh của VNA (theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 31576/22 ngày 27/01/2022 của Sở KHĐT TP. Hà Nội) có 08 mã ngành bị áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%⁶.

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25/6/2025, ĐHĐCĐ của VNA đã thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh. Theo đó, ĐHĐCĐ đã thông qua việc rút một số ngành nghề kinh doanh bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%. Hiện nay, VNA đang thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền. Sau khi được cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, VNA sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA được xác định theo quy định pháp luật.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Căn cứ danh sách cổ đông của VNA chốt tại ngày 27/05/2025, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài tại VNA là 9,14% vốn điều lệ VNA, trong đó cổ đông chiến lược ANA

⁶ 08 mã ngành gồm: (i) Mã ngành: 5223 Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội); (ii) Mã ngành: 5223 Hoạt động hàng không chung (Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế trực tuyến và tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay, tại các tỉnh, thành phố); (iii) Mã ngành: 4610 Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa: Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài; (iv) Mã ngành: 5310 Kinh doanh dịch vụ bưu chính; (v) Mã ngành: 4791, 4799 Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá), Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động v.v.. (loại trừ hoạt động đấu giá); (vi) Mã ngành: 3030 Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan: Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước; Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không; (vii) Mã ngành: 1811 In ấn trừ các loại hình nhà nước cấm; (viii) Mã ngành: 7830 Cung ứng và quản lý nguồn lao động, bao gồm: Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài); Xuất, nhập khẩu lao động.

sở hữu 5,62%⁷.

Trong đợt phát hành này, Hội đồng quản trị VNA đã thông qua phương án bảo đảm việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Nghị quyết số 979/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 17/6/2025.

10. Hoạt động kinh doanh

VNA là hãng hàng không hàng đầu Việt Nam. Trong hơn 30 năm qua, với tốc độ tăng trưởng trung bình luôn đạt mức hai con số, VNA đã không ngừng lớn mạnh và vươn lên trở thành một hãng hàng không có uy tín, tầm cỡ trong khu vực nhờ thế mạnh về đội bay hiện đại, mạng đường bay rộng khắp, lịch nối chuyến thuận lợi, dịch vụ đạt tiêu chuẩn 4 sao.

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

a. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, VNA với vai trò là hãng hàng không quốc gia không ngừng nỗ lực để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đa dạng có thể đáp ứng tốt các nhu cầu của khách hàng đi lại bằng đường hàng không. Các sản phẩm, dịch vụ chính của VNA gồm có:

- **Hoạt động vận tải hàng không:** Sản phẩm vận chuyển hành khách, hàng hóa (hàng hóa, hành lý, bưu kiện, bưu phẩm, thư...) trong nước, quốc tế và thuê chuyến; Dịch vụ mặt đất (đặt giữ chỗ, check-in, phòng chờ...) và dịch vụ trên không (suất ăn, giải trí không dây, dịch vụ WiFi kết nối Internet...).
- **Hoạt động phụ trợ vận tải:** Các sản phẩm, dịch vụ phụ trợ khác như phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất cho các hãng hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam (thường lệ và không thường lệ), hợp tác interlines với các hãng hàng không, cho thuê quảng cáo (trên một số ấn phẩm của VNA), cho thuê tài sản (máy bay, thuê nhà, mặt bằng, trang thiết bị...),
- **Các dịch vụ khác** (giao nhận, vận chuyển hành lý, bán hàng miễn thuế...).

b. Đặc điểm, quy trình sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ chính của VNA

Đặc điểm

⁷ Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài ANA Holdings Inc là 5,62% vốn điều lệ VNA tuân thủ theo các quy định về cổ phần hóa VNA: Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa VNA, Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16/5/2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại VNA cho nhà đầu tư chiến lược và Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của VNA. Ngoài ra, tại Thông báo số 10638 ngày 23/6/2016, Sở KHĐT TP. Hà Nội đã thông báo xác nhận ANA đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. (Tỷ lệ sở hữu của ANA giảm xuống 5,62% từ mức 8,71% theo phê duyệt Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18/5/2016 là do ANA không thực hiện quyền mua cổ phần trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được VNA thực hiện năm 2021).

- Phạm vi cung cấp sản phẩm, dịch vụ rộng khắp trong cả nước và quốc tế với các văn phòng đại diện ở 16 quốc gia, lực lượng lao động với nhiều lao động đặc thù (phi công, thợ kỹ thuật, ...) và có rất nhiều quốc tịch khác nhau trên khắp thế giới.
- Sản phẩm bao gồm nhiều công đoạn hợp thành, quá trình tiêu thụ sản phẩm đồng thời với quá trình sản xuất và cung ứng sản phẩm; Nguyên vật liệu chủ yếu trong sản xuất phần lớn là mua ngoài và tiêu thụ trực tiếp vào quá trình sản xuất như: nhiên liệu máy bay, suất ăn trên máy bay; các dịch vụ phục vụ cho sản xuất khác như: phục vụ kỹ thuật thương mại cho chuyến bay, chỉ huy bay, đại lý bán vé máy bay.
- Khách hàng luôn là trung tâm, mỗi khách hàng là một cá thể riêng biệt cần phải được lắng nghe, được phục vụ riêng biệt và mong muốn tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có khả năng đáp ứng nhu cầu của từng khách hàng. Do đó mọi quyết định kinh doanh đều được dựa trên cơ sở tổng hợp phân tích dữ liệu và hướng tới khách hàng để đem đến những giá trị hữu ích dài hạn.
- Hình thành nhiều mô hình hợp tác quốc tế song phương, đa phương: liên danh, liên doanh, liên minh, thanh toán quốc tế (interlines/SPA)... (để tối ưu hóa nguồn lực, công nghệ, mở rộng mạng bay, đa dạng hóa sản phẩm).
- Hoạt động thu chi kinh doanh bằng nhiều loại ngoại tệ. Bình quân thu bằng các loại ngoại tệ chiếm khoảng 48%, chi bằng ngoại tệ chiếm 62% (trong đó, riêng USD chiếm khoảng 10% dòng tiền thu kinh doanh và 52% dòng tiền chi kinh doanh); Các khoản vay nợ chủ yếu bằng ngoại tệ USD (để tài trợ cho các dự án phát triển đội bay các dự án có yêu cầu vốn đầu tư rất lớn).
- Điều hành sản xuất mang tính tập trung cao. Mặc dù quy mô hoạt động rộng khắp thế giới nhưng công việc điều hành liên quan đến khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, chính sách bán, quản lý chỗ... đều phải tập trung ở trụ sở chính.
- Tài sản lớn và quan trọng nhất mang lại doanh thu chính là đội tàu bay hoạt động khai thác của VNA. Đến hết năm 2024, đội bay khai thác của VNA là 103 chiếc, gồm các chủng loại tàu bay mới, hiện đại (B787-9, B787-10, A350, A321CEO, A321NEO, A320NEO, ATR72).
- Các sản phẩm dịch vụ dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tác động bên ngoài như tình hình chính trị, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai và các yếu tố kinh tế như lạm phát, giá nhiên liệu, biến động tỷ giá, tâm lý thị trường đều ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại giữa các khu vực thế giới cũng như trong nước...

Quy trình

Vietnam Airlines thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy chế, hướng dẫn trong hoạt động kinh doanh và các quy định pháp luật chuyên ngành về vận tải hàng không. Các nhóm văn bản VNA cần tuân thủ bao gồm ba nhóm chính:

Quy trình:

- Quy trình nhận tàu bay;

- Quy trình phục vụ chuyên cơ;
- Quy trình quản lý sửa chữa động cơ, càn và động cơ phụ;
- Quy trình xây dựng, điều hành và quản lý chiết khấu thương mại.

Quy định:

- Quy định phục vụ hành khách, Quy định phối hợp triển khai thực hiện các chuyến bay chở hàng của VNA;
- Quy định về đảm bảo trang thiết bị nội thất tàu bay;
- Quy định phát thanh;
- Quy định về hoàn, hủy, đổi chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý và xử lý chứng từ vận chuyển giấy đã xuất bị mất, Quy định đặt chỗ hành khách và quản lý chuyến bay.

Tài liệu hướng dẫn (manual):

- Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa;
- Hướng dẫn khai thác hàng hóa;
- Tài liệu hướng dẫn tiếp viên trong khoang máy bay (“Cabin crew procedures manual”);
- Tài liệu Cabin Crew Operations Manual, Quy định của Tổng công ty Hàng không Việt Nam về giải quyết khiếu nại, bồi thường đối với hàng hóa, hàng bưu chính;
- Điều lệ Chương trình Bông sen vàng.

c. Công nghệ áp dụng

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang tái định hình toàn bộ ngành hàng không, VNA khẳng định vị thế tiên phong với chiến lược chuyển đổi số toàn diện, đồng thời không ngừng đầu tư vào đội tàu bay hiện đại và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện trải nghiệm hành khách và tối ưu hóa hiệu quả vận hành.

VNA nhận thấy rằng chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu bắt buộc trong thời đại số hiện nay. Hãng đã và đang triển khai một loạt các giải pháp công nghệ hiện đại như Trí tuệ nhân tạo (AI), Phân tích nâng cao (Big Data), Học máy (Machine Learning), Sinh trắc học (Biometrics), Internet vạn vật (IoT), Dịch vụ đám mây (Cloud), Công nghệ Chuỗi khối (Blockchain) và Tự động hóa thông minh (Hyperautomation) nhằm xây dựng “Doanh nghiệp số” – một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và cạnh tranh trên trường quốc tế.

Song song với chuyển đổi số, VNA cũng chú trọng đầu tư phát triển đội tàu bay thế hệ mới, với các mẫu máy bay tiên tiến như B787 và A350. Những máy bay này không chỉ giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và khí thải, giảm chi phí bảo dưỡng mà còn mang đến trải nghiệm bay đẳng cấp với không gian rộng rãi và hệ thống giải trí hiện đại.

Trong năm 2024, VNA đã triển khai hệ thống quản lý bảo dưỡng mới AMOS của MRO-IT thay thế cho hệ thống AMASIS cũ, cùng với hệ thống quản lý thông tin kỹ thuật chung TIMS. Nhờ tích hợp các công nghệ AI, IoT, Big Data và tự động hóa, VNA đã nâng cao khả năng phân tích, dự đoán và theo dõi tình trạng tàu bay theo thời gian thực, đảm bảo đội máy bay luôn đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và hiệu quả vận hành.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực kỹ thuật, VNA hợp tác với các đối tác hàng đầu như Boeing, Airbus, General Electric và Rolls-Royce để ứng dụng các hệ thống giám sát trạng thái máy bay tiên tiến như: Aircraft Health Monitoring (AHM) cho máy bay Boeing, Aircraft Maintenance Analysis (AIRMAN) cho máy bay Airbus, Advanced Diagnostic and Engine Management (ADEM) cho động cơ máy bay.... Những hệ thống này giúp VNA theo dõi tình trạng kỹ thuật 24/7, tăng cường độ tin cậy và sẵn sàng khai thác của đội tàu bay hiện đại.

Để tối ưu hóa công tác khai thác bay, VNA đã thực hiện nâng cấp tổng thể các hệ thống điều hành hiện đại. Hệ thống thông tin phục vụ kế hoạch bay, ứng dụng di động cho tổ bay, hệ thống điều hành khai thác và hệ thống hỗ trợ lập kế hoạch (Network Planning) được triển khai nhằm tối ưu hóa việc sử dụng đội tàu bay, quản lý tổ bay hiệu quả, lập kế hoạch khai thác linh hoạt và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực.

Nhằm tạo ra trải nghiệm khách hàng, VNA đã hoàn thiện chuyển đổi hệ thống Phục vụ Hành khách (PSS). Hệ thống hỗ trợ bán (B2C, B2B) vé của VNA được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến của Salesforce, các công cụ kết hợp với các công cụ kết nối API, giúp tích hợp liền mạch với các hệ sinh thái bên ngoài. Ngoài ra, trang web thương mại điện tử và hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng (CDP) hiện đại được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hành khách.

VNA không ngừng cải tiến hạ tầng kỹ thuật số, mang lại sự tiện lợi tối đa cho hành khách thông qua thủ tục trực tuyến trên website, ứng dụng di động và quầy tự làm thủ tục Kiosk check-in tại các sân bay trong và ngoài nước. Phiên bản tiên tiến của ứng dụng di động từ năm 2019 tích hợp nhiều tính năng hiện đại như tìm kiếm chuyến bay, tra cứu hành trình, đặt vé trực tuyến, cập nhật ưu đãi và quản lý giao dịch qua tài khoản Bông Sen Vàng. Hệ thống còn hỗ trợ tra cứu 67 bản đồ kỹ thuật số của các sân bay nội địa và quốc tế. Tích hợp thanh toán QR code qua cổng Napas (ứng dụng Momo, Moca), VNPay và dịch vụ SOFORT Banking tại các thị trường quốc tế như Đức, Thụy Sĩ, Áo.

Nhằm đem đến trải nghiệm giải trí độc đáo trên chuyến bay, VNA đã giới thiệu ứng dụng Microsite, được liên kết với website của Hãng, cập nhật định kỳ với 8 ngôn ngữ (Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Hàn, Trung Quốc), cho phép hành khách tự tra cứu thông tin dịch vụ và lựa chọn chương trình giải trí yêu thích. Wireless Streaming là hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam trang bị hệ thống Wireless Streaming trên máy bay A321NEO, giúp hành khách với chuyến bay ngắn (dưới 03 giờ) có thể truy cập giải trí qua các thiết bị cá nhân như máy tính bảng, điện thoại thông minh và laptop.

Bên cạnh đó, VNA triển khai nhiều phần mềm công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ vận hành, quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như: Phân tích chất lượng an toàn khai thác, Quản lý kế toán thu (REVERA), Tối ưu hóa doanh thu (RMS), Quản lý và phân phối giá cước, Quản lý công tác hành chính (SkyOffice), nhân sự (SkyHR), quy trình (BPM) và hợp đồng (CMS). Những giải pháp này giúp VNA tối ưu hóa hiệu quả công tác hành chính số và nâng cao năng lực quản lý tổng thể của VNA.

Với chiến lược chuyển đổi số toàn diện và đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, Vietnam Airlines không chỉ khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành hàng không tại Việt Nam, mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển bền vững. Những bước tiến công nghệ đã và đang tạo

ra giá trị lớn cho hành khách và các đối tác, đồng thời khẳng định cam kết của VNA trong việc mang đến trải nghiệm bay an toàn, tiện nghi và hiện đại. Vietnam Airlines tiếp tục tiên phong, không ngừng cải tiến và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không số hàng đầu khu vực ASEAN và trên trường quốc tế.

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh vận tải nói chung và vận tải hàng không nói riêng là hoạt động mang nặng tính thời vụ. Tính thời vụ thể hiện rõ trong từng mùa, từng tháng, từng ngày, từng giờ và thậm chí từng chiều bay trong cùng khung giờ. Cao điểm của ngành vận tải hàng không trong năm tập trung vào giai đoạn Tết nguyên đán và các tháng nghỉ hè.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Tỷ trọng từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại của VNA chủ yếu phân loại theo ba lĩnh vực hoạt động chủ yếu là Hoạt động vận tải hàng không; Hoạt động phụ trợ vận tải và Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động khác.

a. Sản lượng sản phẩm từng nhóm dịch vụ:

Vận tải hành khách:

Sản lượng vận tải hành khách hàng không trong giai đoạn năm 2023-2024 và 3 tháng đầu năm 2025 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5: Kết quả hoạt động vận tải hành khách năm 2023–2024 và 3 tháng đầu năm 2025

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Khách (Triệu lượt khách)			
- Quốc tế	6,4	7,4	2,0
- Nội địa	14,7	15,4	4,2
Tổng mạng	21,0	22,8	6,2
Thị phần khách trên tổng thị trường (%) (*)			
- Quốc tế ⁹	20,0	18,0	17,2
- Nội địa ¹⁰	36,6	44,7	45,8
Tổng mạng	29,2	30,1	29,6
Khách luân chuyển (tỷ khách.km)			
- Quốc tế	21,9	25,6	7,1
- Nội địa	11,3	11,7	3,2
Tổng mạng	33,2	37,2	10,2
Ghế luân chuyển (tỷ ghế.km)			
- Quốc tế	28,6	32,4	8,5
- Nội địa	13,6	13,7	3,8
Tổng mạng	42,2	46,1	12,2

⁹ Tính trên tổng lượt khách đi và đến Việt Nam tại các chuyến bay quốc tế

¹⁰ Tính trên tổng lượt khách vận chuyển nội địa trong các điểm đi – đến tại Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Ghế suất (%)			
- Quốc tế	76,5	78,9	83,9
- Nội địa	83,2	84,8	83,7
Tổng mạng	78,7	80,7	83,8

Ghi chú: số liệu bao gồm VASCO; (*) bao gồm thuê chuyển

Nguồn: VNA

Tính chung cả giai đoạn từ năm 2023 đến hết Quý 1 năm 2025, VNA vận chuyển 50,0 triệu lượt khách, bằng 80% so với giai đoạn trước Covid (năm 2017 - Quý 1 năm 2019), trong đó tổng khách nội địa tăng 83% so với trước Covid, vận chuyển quốc tế tương đương 73% so với trước dịch do thị trường quốc tế hồi phục chậm hơn so nội địa. Khách vận chuyển đạt bình quân 22,2 triệu lượt khách mỗi năm.

Vận tải hàng hóa

Sản lượng vận tải hàng hóa hàng không trong giai đoạn năm 2023-2024 và 3 tháng đầu năm 2025 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6: Chi tiết kết quả vận tải hàng hóa

Chỉ tiêu	Thị trường	2023	2024	3 tháng đầu năm 2025
Số lượng hàng hóa luân chuyển (RTK, nghìn tấn km) ¹¹	Nội địa	107.452	138.696	39.565
	Quốc tế	641.761	878.603	222.520
	Tổng mạng	749.212	1.017.299	262.085
Tổng tải cung ứng km (ATK, nghìn tấn km) ¹²	Nội địa	275.513	260.242	68.516
	Quốc tế	1.004.322	1.104.748	279.782
	Tổng mạng	1.279.835	1.364.990	348.298
Hệ số chuyên chở hàng hóa (%) ¹³	Nội địa	34	48	58
	Quốc tế	62	73	80
	Tổng mạng	45	60	75
Sản lượng hàng hóa vận chuyển (tấn)	Nội địa	102.706	132.790	37.490
	Quốc tế	122.149	177.733	44.066
	Tổng mạng	224.855	310.522	81.711
Thị phần (%)	Nội địa	56	59	60
	Quốc tế	14	16	16

¹¹ Số lượng hàng hóa luân chuyển: Là khối lượng vận tải hàng hóa tính theo cả hai yếu tố: Khối lượng hàng hoá vận chuyển và cự ly vận chuyển thực tế.

¹² Tổng tải cung ứng km: Là khối lượng hàng hóa có thể cung ứng tính theo cả 2 yếu tố: Khối lượng hàng hóa cung ứng và cự ly vận chuyển.

¹³ Hệ số chuyên chở hàng hóa: Tỷ số giữa khối lượng vận chuyển thực tế với khối lượng vận chuyển định mức

Chỉ tiêu	Thị trường	2023	2024	3 tháng đầu năm 2025
	Tổng mạng	21	24	24

Nguồn: VNA

Trong giai đoạn 2022-2023, nhằm tận dụng nguồn lực dư thừa, do hoạt động vận chuyển hành khách bị ngưng trệ bởi Covid-19, VNA đã xác định hoạt động khai thác hàng hóa đóng vai trò chủ đạo, là phương án quan trọng để tối ưu doanh thu cũng như nguồn lực trong bối cảnh khắc phục khó khăn vượt đại dịch của VNA. Theo đó, VNA đã nhanh chóng chuyển đổi, dùng tàu bay chở khách để chuyên chở hàng hóa, triển khai vận chuyển hàng hóa trên khoang hành khách nhằm tối ưu hóa nguồn lực sẵn có và đóng góp một phần doanh thu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hãng. Bên cạnh hàng hóa phục vụ nền kinh tế và đời sống xã hội, VNA còn vận chuyển hàng phục vụ chiến dịch phòng, chống dịch Covid-19 gồm khẩu trang y tế, trang phục chống dịch, trang thiết bị, vật tư y tế.

Tính chung cả giai đoạn 2023-2024, sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt 535 nghìn tấn, bình quân mỗi năm hơn 268 nghìn tấn. Riêng năm 2024, sản lượng vận chuyển hàng hóa của VNA đạt 311 nghìn tấn, tăng trưởng 38% so với năm 2023 và bằng 89% so với năm 2019, hệ số chuyên chở hàng hóa đạt 60%.

Trong Quý I năm 2025, sản lượng vận chuyển hàng hóa đạt 81,7 ngàn tấn, tăng 16% so với cùng kỳ 2024 và tăng 1% so với cùng kỳ 2019, hệ số chuyên chở hàng hóa đạt 75% tăng 4% so với cùng kỳ 2024 và tăng 1% so với cùng kỳ 2019.

Phụ trợ vận tải và hoạt động khác:

Hoạt động Phụ trợ vận tải và Hoạt động Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động khác: VNA không thực hiện thống kê sản lượng cho hai hoạt động này do đây là các hoạt động kinh doanh đa ngành nghề được gộp chung, không có thống kê cụ thể về sản lượng.

b. Giá trị dịch vụ

Doanh thu hoạt động kinh doanh của VNA 2 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
1	Doanh thu thuần	91.539.865	105.941.972	30.550.973
1.1	Doanh thu vận chuyển hàng không	72.244.747	83.287.645	24.329.502
	<i>Tỷ trọng trong Doanh thu thuần</i>	78,92%	78,62%	79,64%
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ	3.066.820	3.993.654	1.143.923
	<i>Tỷ trọng trong Doanh thu thuần</i>	3,35%	3,77%	3,74%
1.3	Doanh thu bán hàng	15.055.240	17.442.845	4.633.857

STT	Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
	<i>Tỷ trọng trong Doanh thu thuần</i>	16,45%	16,46%	15,17%
1.4	Doanh thu khác	1.864.404	2.187.671	519.318
	<i>Tỷ trọng trong Doanh thu thuần</i>	2,04%	2,06%	1,70%
1.5	Các khoản giảm trừ doanh thu	(691.345)	(969.843)	(75.627)
	<i>Tỷ trọng trong Doanh thu thuần</i>	(0,76%)	(0,92%)	(0.25%)
2	Doanh thu tài chính	926.349	1.266.077	480.223
3	Thu nhập khác	710.170	5.498.181	44.665

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của VNA, doanh thu vận chuyển hàng không luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2023 doanh thu vận chuyển hàng không đạt hơn 72.244 tỷ đồng, tăng 40% so với năm trước và chiếm 79% doanh thu thuần. Năm 2024, doanh thu thuần của VNA đạt hơn 105.941 tỷ đồng, trong đó đóng góp lớn nhất vẫn đến từ doanh thu vận tải hàng không (chiếm 78,6%). Thu nhập khác năm 2024 tăng đột biến, đạt hơn 5.489 tỷ đồng do có 4.710 tỷ đồng từ khoản thu nhập do nhà cung cấp xóa nợ. Theo thỏa thuận với các bên cho thuê tàu bay, Pacific Airlines đã được xóa phần lớn nợ đối với các khoản chi phí tiền thuê và lãi phạt chậm trả tiền. Trong 3 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 30,6 nghìn tỷ tăng 9,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu vận tải hàng không chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu thuần, đạt khoảng 24,3 nghìn tỷ, chiếm 79,64% doanh thu thuần, tăng 7,9% so với cùng kỳ.

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
1	Doanh thu thuần	68.443.061	82.757.004	24.575.722
1.1	Doanh thu vận tải hàng không	67.971.898	82.523.126	24.356.810
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	99,31%	99,72%	99,11%
	<i>Quốc tế</i>	41.826.638	50.653.975	14.693.496
	<i>Nội địa</i>	24.485.100	29.643.324	8.977.603
	<i>Khác</i>	1.660.160	2.225.827	685.711
1.2	Doanh thu hoạt động phụ trợ vận tải	1.153.817	1.184.595	276.764
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	1,69%	1,43%	1,13%
1.3	Các khoản giảm trừ doanh thu	(682.654)	(950.717)	(57.852)
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	(1,00%)	(1,15%)	(0.24%)
2	Doanh thu tài chính	1.117.858	1.006.559	418.278

STT	Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
3	Doanh thu khác	288.272	713.991	24.580

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

Trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty mẹ VNA, doanh thu thuần đạt hơn 68.443 tỷ đồng năm 2023, trong đó doanh thu từ vận tải hàng không đạt 67.972 tỷ đồng, chiếm tới 99,31% tổng doanh thu thuần. Năm 2024, tổng doanh thu thuần tăng mạnh lên 82.757 tỷ đồng (tăng 21%), chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu vận tải hàng không (đạt hơn 82.523 tỷ đồng, chiếm 99,72% doanh thu thuần), nguồn thu chủ yếu đến từ các đường bay quốc tế – chiếm khoảng 61,4% tổng doanh thu vận tải trong năm 2024. Trong 3 tháng đầu năm 2025, doanh thu vận tải hàng không đạt 24.357 tỷ đồng, chiếm 99,11% tổng doanh thu thuần (24.576 tỷ đồng).

Tỷ lệ giá trị từng loại dịch vụ trong lợi nhuận gộp không có số liệu thống kê tại VNA do hoạt động kinh doanh của VNA là hoạt động liên kết chuỗi, mỗi hoạt động sử dụng chung nhiều nguồn thành tố chi phí.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của VNA theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc 2 năm tài chính gần nhất được tóm lược ở bảng sau:

Bảng 9: Tài sản cố định hợp nhất

	Nguyên giá			Giá trị còn lại		
	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tổng Tài sản cố định hữu hình	43.453.042	46.821.940	46.701.864	13.706.433	12.887.468	12.264.345
Máy bay, động cơ máy bay	32.722.384	35.957.412	35.957.412	10.837.019	10.312.554	9.763.572
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.979.614	2.986.896	2.877.756	1.362.507	1.271.649	1.252.346
Máy móc, thiết bị	4.304.783	4.340.934	4.335.166	712.165	590.088	570.630
Phương tiện vận tải mặt đất	2.006.176	2.083.157	2.086.466	546.351	514.263	497.184
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.096.276	1.111.777	1.103.542	141.534	102.637	87.564
Tài sản cố định hữu hình khác	343.808	341.764	341.522	106.857	96.277	93.049
Tổng Tài sản cố định thuê tài chính	39.060.643	33.114.627	33.114.627	20.503.753	16.464.198	15.919.505
Máy bay và động cơ máy bay	39.056.931	33.114.627	33.114.627	20.503.011	16.464.198	15.919.505
Máy móc, thiết bị văn phòng	3.712	-	-	742	-	-
Tổng tài sản cố định vô hình	826.771	958.829	962.240	148.371	239.339	231.906
Quyền sử dụng đất	73.846	73.846	73.846	69.464	69.351	69.322
Phần mềm máy tính	727.040	859.098	862.509	53.707	144.788	137.384
Khác	25.885	25.885	25.885	25.200	25.200	25.200

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 10: Tài sản cố định công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Loại tài sản	Nguyên giá			Giá trị còn lại		
	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
TSCĐ hữu hình	35.754.616	38.979.149	38.979.152	11.623.477	10.983.013	10.407.027
Máy bay, động cơ máy bay	32.722.384	35.957.411	35.957.411	10.837.019	10.312.554	9.763.572
Nhà cửa, vật kiến trúc	828.820	828.820	828.820	524.977	494.987	487.727
Máy móc thiết bị	1.607.398	1.607.398	1.607.398	167.468	111.226	107.158
Phương tiện vận tải mặt đất	119.889	118.352	118.355	18.807	13.534	11.918
Thiết bị dụng cụ quản lý	407.536	399.737	399.737	68.779	46.281	32.714
TSCĐ hữu hình khác	68.589	67.431	67.431	6.427	4.431	3.938
TSCĐ thuê tài chính	39.056.931	33.114.627	33.114.627	20.503.011.00	16.464.198	15.919.505
Máy bay và động cơ máy bay	39.056.931	33.114.627	33.114.627	20.503.011	16.464.198	15.919.505
TSCĐ vô hình	505.325	504.079	504.079	60.769	60.502	60.487
Quyền sử dụng đất	61.641	61.641	61.641	60.564	60.502	60.487
Phần mềm máy tính	443.683	442.438	442.438	205	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA
(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

Đối với khoản mục tài sản cố định, chiếm tỷ trọng lớn nhất là tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính. Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, khoản mục tài sản cố định hữu hình chiếm khoảng 43,55% giá trị còn lại của tài sản cố định; khoản mục tài sản cố định thuê tài chính chiếm khoảng 55,64% tài sản cố định. Trong khoản mục tài sản cố định, khoản mục máy bay và động cơ máy bay chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 90,49%.

10.2.2. Thông tin một số tài sản lớn

Tại ngày 31/03/2025, giá trị còn lại của các loại máy bay tại VNA như sau:

Bảng 11: Thông tin một số tài sản lớn của VNA tại 31/03/2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Mã đăng ký	MSN	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Máy bay sở hữu			34.308.442	9.688.580
1	Máy bay A321	A394	5.343	1.255.969	286.502
2	Máy bay A321	A398	5.427	1.256.084	368.610
3	Máy bay A321	A602	5.469	1.283.669	396.248
4	Máy bay A321	A608	5.916	1.430.160	519.532
5	Máy bay A321	A611	6.266	1.320.091	543.014
6	Máy bay A321	A612	6.344	1.318.578	556.726
7	Máy bay A321	A613	6.748	1.521.104	720.165
8	Máy bay B787	A867	39.287	3.333.908	2.058.831
9	Máy bay B787	A870	39.289	3.308.400	2.141.924
10	Máy bay AT72	B220	890	347.255	15.884
11	Máy bay AT72	B223	896	349.374	22.234
12	Máy bay A321	A353	3.022	904.228	-
13	Máy bay A321	A354	3.198	915.965	-
14	Máy bay A321	A356	3.315	911.335	-
15	Máy bay AT72	B225	897	363.924	25.582
16	Máy bay A321	A357	3.355	924.183	-
17	Máy bay A321	A358	3.600	975.427	-
18	Máy bay A321	A359	3.737	987.741	-
19	Máy bay A321	A363	4.136	1.095.010	98.735
20	Máy bay A321	A323	4.669	1.170.869	203.926
21	Máy bay A321	A324	4.703	1.178.159	212.563
22	Máy bay A321	A325	4.737	1.176.739	219.461
23	Máy bay A321	A326	4.783	1.180.100	227.448
24	Máy bay A321	A327	4.826	1.188.718	236.388
25	Máy bay A321	A329	4.863	1.186.718	257.310
26	Máy bay A321	A331	4.945	1.189.198	265.118
27	Máy bay A321	A332	4.971	1.197.570	266.990
28	Máy bay AT72	B218	877	342.912	7.574
29	Máy bay AT72	B221	892	348.279	19.250
30	Máy bay AT72	B219	886	346.775	18.563

STT	Tên tài sản	Mã đăng ký	MSN	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Máy bay thuê tài chính			33.114.627	15.919.505
1	Máy bay A321	A334	5.164	1.382.690	357.433
2	Máy bay A321	A335	5.241	1.390.990	375.902
3	Máy bay A321	A336	5.247	1.257.000	339.675
4	Máy bay A321	A390	5.297	1.366.821	385.351
5	Máy bay A321	A396	5.392	1.363.576	400.158
6	Máy bay A321	A605	5.699	1.424.697	482.992
7	Máy bay A321	A606	5.709	1.312.748	444.609
8	Máy bay A321	A609	5.958	1.435.849	535.391
9	Máy bay A321	A610	5.994	1.310.390	493.134
10	Máy bay A321	A614	6.810	1.508.912	735.430
11	Máy bay A321	A615	6.880	1.529.809	752.938
12	Máy bay B787	A861	35.151	3.569.573	2.071.795
13	Máy bay B787	A862	35.152	3.569.561	2.075.956
14	Máy bay B787	A863	35.153	3.700.229	2.164.411
15	Máy bay B787	A864	35.154	3.650.035	2.164.215
16	Máy bay B787	A868	39.288	3.341.749	2.140.116

Nguồn: VNA

10.2.3. Đất đai

Tổng số diện tích đất VNA đang sử dụng tại thời điểm 31/03/2025 là 264.096,5 m², cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu đất đai VNA đang quản lý

TT	Phân loại đất	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất được Nhà nước giao	8.367,8	3,17	8.367,8	3,17	8.367,8	3,17
<i>a</i>	<i>Có thu tiền sử dụng đất lâu dài</i>	8.367,8	3,17	8.367,8	3,17	8.367,8	3,17
<i>b</i>	<i>Không thu tiền sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-	-
2	Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm	255.728,7	96,83	255.728,7	96,83	255.728,7	96,83
	Tổng cộng	264.096,5	100	264.096,5	100	264.096,5	100

Nguồn: VNA

Đến thời điểm 31/03/2025, VNA đang quản lý, sử dụng một số cơ sở đất đai lớn như sau:

Bảng 13: Danh mục một số cơ sở đất đai lớn VNA đang quản lý, sử dụng tại ngày 31/03/2025

STT	Tên lô đất	Địa chỉ lô đất	Tổng diện tích	Hình thức sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở VNA	Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Văn phòng Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP)	27.379,4	Đất thuê trả tiền hàng năm	Trụ sở văn phòng VNA
2	412 Nguyễn Văn Cừ	Số 412 Nguyễn Văn Cừ (100 Nguyễn Văn Cừ cũ) phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Kho hàng hóa)	5.110,8	Đất thuê trả tiền hàng năm	Trụ sở làm việc của đơn vị và kho hàng hóa của VNA
3	Trụ sở VASCO phía Bắc	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Công ty VASCO)	1.924,6	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành phía Bắc của VASCO
4	114 Bạch Đằng	Số 114 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM	5.798,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành sản xuất kinh doanh của VASCO
5	Trụ sở Đoàn bay Phía Bắc	Số 121 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Đoàn bay phía Bắc)	21.699,9	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn bay 919 - Miền Bắc
6	01 Hồng Hà	Số 01 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	18.733,1	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn bay 919 - Miền Nam
7	108 Hồng Hà	Số 108 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	3.126,3	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành khởi khai thác phía Nam của VNA
8	Trụ sở Đoàn tiếp viên phía Bắc	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Đoàn tiếp viên phía Bắc)	9.497,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn Tiếp viên miền Bắc
9	25 Tràng Thi	25 Tràng Thi, phường Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (Chi nhánh VNA miền Bắc)	309,3	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Hà Nội

STT	Tên lô đất	Địa chỉ lô đất	Tổng diện tích	Hình thức sử dụng đất	Ghi chú
10	7 Lê Nin	Trung tâm thương mại Hàng không - số 7 đường Lê Nin, TP. Vinh, Nghệ An	604,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Vinh - Nghệ An
11	23 Nguyễn Văn Cừ	Văn phòng đại diện tại 23 Nguyễn Văn Cừ - Phường Vĩnh Ninh - TP. Huế	842,0	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Huế
12	Lô B2-2	39 Điện Biên Phủ, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	331,5	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Đà Nẵng
13	Lô đất A2	Nhà Văn phòng tại 27 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Đà Nẵng	5.219,2	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch, bán vé máy bay kết hợp nơi nghỉ PC/TV trước và sau chuyến bay
14	35 Trần Hưng Đạo	Văn phòng đại diện và phòng bán vé tại số 35 Trần Hưng Đạo - Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	487,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng giao dịch và bán vé
15	17&19 Nơ Trang Long'	Văn phòng đại diện và phòng bán vé tại số 17&19 Nơ Trang Long, TP. Buôn Ma Thuột	185,8	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng giao dịch và bán vé
16	15 Bis Đinh Tiên Hoàng	Số 15Bis Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	449,5	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay
17	64-66 Nguyễn An Ninh	Phòng vé số 64-66 Nguyễn An Ninh - Phường Tân An - Quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ.	159,3	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Cần Thơ

Nguồn: VNA

10.3. Thị trường hoạt động

Kinh doanh vận tải hàng không là hoạt động cơ bản mang lại phần lớn nguồn thu cho VNA. Kết quả hoạt động vận tải hàng không tại VNA gồm kết quả từ hoạt động thực hiện vận chuyển hàng không thường lệ, hoạt động chuyên cơ, thuê chuyên do Hãng hàng không quốc gia Việt Nam thực hiện và từ hoạt động bay phục vụ một số ngành kinh tế - kỹ thuật (chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, trồng rừng...) do Công ty bay dịch vụ Hàng không VASCO - một đơn vị trực thuộc VNA đảm nhiệm.

Thị trường của VNA có thể được phân tách thành hai nhóm chính là thị trường nội địa và thị trường quốc tế. Do đặc thù hoạt động kinh doanh, thống kê doanh thu và lợi nhuận theo từng thị trường của VNA chỉ được ghi nhận cho hoạt động vận tải hành khách. Số liệu doanh thu lợi nhuận trên hai thị trường quốc tế và nội địa được trình bày tại Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ.

a. Năm 2023

Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát hoàn toàn, tuy nhiên lại là một năm có bối cảnh kinh tế rất khó khăn trên toàn thế giới. Tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ đạt 3% trong năm 2023. Đối với thị trường vận tải hàng không quốc tế, sản lượng khách luân chuyển trong năm 2023 chỉ phục hồi được 88,5% so 2019. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực có tốc độ phục hồi chậm nhất, đặc biệt là nhóm các thị trường Đông Bắc Á. Tổng khách VNA vận chuyển cả năm đạt 21,03 triệu khách, trong đó khách nội địa đạt 14,7 triệu, vượt 6,3% so với năm 2019, khách quốc tế đạt 6,35 triệu khách, bằng 70% so với năm 2019.

Về mạng đường bay, đến cuối năm 2023, trên mạng bay quốc tế, VNA khai thác 56 đường bay thường lệ (tương đương 90% số đường bay so 2019) đến 28 điểm đến trên 18 quốc gia. Ngoài ra, VNA tiếp tục triển khai việc mở rộng mạng bay thông qua mở đường bay mới Hà Nội/Tp.HCM - Mumbai (tháng 5/2023), Hà Nội - Melbourne (tháng 6/2023), Tp.HCM - Perth (tháng 12/2023). Trên mạng bay nội địa, VNA đã khai thác 45 đường bay (phục hồi hoàn toàn so 2019) tới 21 điểm đến.

b. Năm 2024

Năm 2024, môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen. Trong đó, thị trường hàng không quốc tế tiếp tục xu hướng phục hồi và tăng trưởng nhưng sức mua tại thị trường nội địa có suy yếu, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và nhà sản xuất động cơ Pratt - Whitney phải triệu hồi hàng loạt các động cơ của tàu A321 NEO đã tạo ra một cuộc khủng hoảng liên quan đến nguồn lực tàu bay trên toàn thế giới. Tổng khách vận chuyển quốc tế đạt 41 triệu khách, tăng 29,4% so cùng kỳ (CK), giảm 0,5% so 2019. Trong các nhóm đường bay thường lệ, tăng trưởng mạnh nhất là nhóm đường bay Úc và Ấn Độ do các hãng tăng cường khai thác thông qua việc mở nhiều đường bay mới. Nhóm đường bay phục hồi chậm nhất là Trung Quốc, Hongkong (mới phục hồi khoảng 55% so trước COVID). Khách tổng thị trường nội địa đạt 34,4 triệu khách, giảm 14,4% so CK và giảm 8% so 2019.

Tính chung cả năm 2024, VNA khai thác 139 nghìn chuyến bay, tăng 7,8% so 2023, đạt kế hoạch và thấp hơn 4,5% so 2019. Sản lượng khách vận chuyển đạt 22,7 triệu lượt hành khách, tăng 8,2% so 2023, đạt kế hoạch và thấp hơn 1% so 2019. Trong đó, sản lượng khách quốc tế đạt hơn 7,3 triệu khách (bao gồm thuê chuyến), tăng 16% so 2023, thấp hơn 3% so kế hoạch và phục hồi 82% so năm 2019. Sản lượng khách nội địa năm 2024 đạt 15,4 triệu khách, tăng 4,6% so 2023, vượt 2,3% so kế hoạch và tăng 11,1% so với năm 2019. Mạng đường bay của VNA về cơ bản đã phục hồi hoàn toàn và có tăng trưởng so với giai đoạn trước dịch, với 57 đường bay quốc tế đến 30 điểm đến trên 18 quốc gia và có 39 đường bay nội địa đến 22 điểm đến.

c. 3 tháng đầu năm 2025

3 tháng đầu năm 2025 đã đi qua với nhiều yếu tố tích cực trong nước nhưng cũng nhiều thách thức từ môi trường quốc tế. Tình hình kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng mạnh với sự thúc đẩy đầu tư công, hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistic, tăng trưởng xuất khẩu. Ở chiều hướng ngược lại, tình hình chính trị trên thế giới vẫn còn nhiều bất ổn như giữa Nga-Ukraine, khu vực Trung Đông dẫn đến nhiều rủi ro đối với nền kinh tế thế giới; giá nhiên liệu, tỷ giá vẫn ở mức cao, cùng với việc thiếu hụt nguồn lực tàu bay, đứt gãy chuỗi cung ứng phụ tùng vật tư vẫn chưa có nhiều cải thiện so với năm 2024 là những yếu tố chính có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hãng hàng không.

Trong 3 tháng đầu năm, khách tổng thị trường quốc tế (bao gồm thuê chuyến) ước đạt 11,7 triệu lượt khách, tăng 15% so cùng kỳ 2024. Trong các nhóm đường bay thường lệ, tăng trưởng mạnh nhất là nhóm đường bay Trung Đông với mức tăng 28,5%, chủ yếu do Qatar Airways (QR) tăng tần suất khai thác trên Hà Nội/Tp.HCM - Doha so với cùng kỳ 2024 năm ngoái. Tiếp theo là nhóm đường bay Châu Âu tăng trưởng 27,4% do VN tăng tần suất khai thác đến Frankfurt, mở mới Hà Nội/Tp.HCM – Munich so cùng kỳ 2024. Nhóm đường bay Ấn Độ cũng có mức tăng trưởng ấn tượng lên đến 21,3% so cùng kỳ 2024 nhờ việc VN sử dụng tàu bay thân rộng trên các đường bay Hà Nội/Tp.HCM – Delhi và VJ mở thêm các đường bay mới.

Trong 3 tháng đầu năm, khách tổng thị trường nội địa đạt 9,05 triệu khách, tăng 2,9% so cùng kỳ 2024. Trong đó, Tp.HCM – Đà Nẵng có mức tăng mạnh nhất so cùng kỳ 2024, lên đến 11,6%. Tiếp theo là Hà Nội – Đà Nẵng với mức tăng trưởng 9,5%. Các nhóm đường bay còn lại bao gồm Hà Nội – Tp.HCM, Trục lẻ, Du lịch cũng tăng trưởng 2% - 3,5%. Duy chỉ có nhóm đường bay Địa phương là tương đương cùng kỳ 2024.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư

 Đầu tư phát triển đội tàu bay

Trong giai đoạn 2023-2024, tuy dịch bệnh Covid đã được kiểm soát hoàn toàn nhưng đây lại là giai đoạn ngành hàng không chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô thế giới như kinh tế tăng trưởng chậm, bất ổn chính trị khiến chi phí đầu vào gia tăng, thị trường Trung Quốc phục hồi chậm hơn dự kiến, v.v. Bên cạnh đó, vấn đề động cơ của nhà sản xuất Pratt&Whitney đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên đội tàu bay của các hãng hàng không nói chung và Việt Nam nói riêng. Năm 2023, tổng thị trường quốc tế phục hồi 77% so với 2019, trong khi thị trường nội địa giảm nhẹ so với 2022. Năm 2024, thị trường hàng không quốc tế đi đến Việt Nam tiếp tục phục hồi, đạt mức 85% mức trước đại dịch, trong khi thị trường hàng không nội địa giảm nhẹ do nhu cầu yếu và thiếu hụt nguồn lực của các hãng hàng không trong nước. Đến hết Quý I/2025, số lượng tàu bay của VNA cụ thể như sau:

Bảng 14: Số lượng tàu bay tại thời điểm 31/03/2025

Tàu bay	Thuê	Sở hữu	Tổng
ATR72	-	6	6
A321CEO	10	33	43
A321NEO	20	-	20
A320NEO	3	-	3
A350	14	-	14
B787-9	4	7	11
B787-10	6	-	6
Tổng cộng	57	46	103

Nguồn: VNA

Để đáp ứng nhu cầu phát triển đội tàu bay trong giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến 2040, VNA đã báo cáo các cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp, bao gồm báo cáo Thủ tướng Chính phủ có ý kiến đồng ý về mặt chủ trương đầu tư Dự án này, làm cơ sở để triển khai việc lập và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án 50 tàu bay thân hẹp của VNA.

Đầu tư trang thiết bị

Do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19, trong giai đoạn 2021-2024, VNA chỉ triển khai các dự án đầu tư cấp thiết trực tiếp phục vụ hoạt động SXKD, đặc biệt các dự án nhằm tăng cường sức cạnh tranh cho VNA và các doanh nghiệp thành viên để chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng bứt phá cho giai đoạn ngành không được phục hồi khi dịch Covid-19 được kiểm soát. Để phục vụ khai thác an toàn và hiệu quả đội bay hiện tại cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, VNA đã và đang triển khai đầu tư các thiết bị huấn luyện phi công, tiếp viên thế hệ mới (thiết bị CEET để huấn luyện an toàn bay cho phi công, tiếp viên, mô hình huấn luyện thoát hiểm/chữa cháy cho tàu bay....), đầu tư bổ sung/thay thế ULD để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng vận chuyển hàng hóa/hành khách, thực hiện đầu tư chuyển đổi cấu hình các tàu bay A321CEO sở hữu để nâng cao hiệu quả khai thác. Bên cạnh đó, VNA tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ theo xu hướng cách mạng công nghệ 4.0, phát triển ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực để tăng năng lực quản trị điều hành, đảm bảo an toàn bay tuyệt đối, nâng cao năng suất lao động, tăng doanh thu, giảm chi phí.

Đầu tư xây dựng

Bên cạnh việc xây mới và sửa chữa, nâng cấp các công trình, văn phòng làm việc, các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh cũng đã được quan tâm chú trọng. Giai đoạn này, VNA tập trung nghiên cứu, xây dựng các phương án, chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng tham gia các dự án đầu tư xây dựng và khai thác các cơ sở hạ tầng tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành, nhằm đảm bảo cung ứng dịch vụ đồng bộ cho hoạt động vận tải hàng không của VNA cũng như các hãng hàng không khác trong khu vực, bao gồm các lĩnh vực: cung ứng nhiên liệu hàng không, phục vụ kỹ thuật mặt đất, cung ứng suất ăn, dịch vụ hàng hóa, trung tâm logistic hàng không, đảm bảo khai thác đồng bộ các hạng mục khi Cảng hàng không quốc tế Long Thành đi vào hoạt động.

Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Hiện nay, VNA có 21 danh mục đầu tư, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực vận tải hàng không và dịch vụ đồng bộ, trong đó có 15 công ty con, 4 công ty liên kết và 2 danh mục đầu tư dài hạn khác (K6, SPT). Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của VNA theo sổ cổ đông, chứng nhận góp vốn là 6.916,5 tỷ đồng tại ngày 31/03/2025. Hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đã được VNA chỉ đạo sát sao và giám sát chặt chẽ, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được phát triển theo đúng định hướng đầu tư của VNA và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA, cụ thể: Doanh thu hoạt động tài chính của VNA từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp góp vốn năm 2023 là 626,1 tỷ đồng, năm 2024 là 380,9 tỷ đồng (không bao gồm phần lợi nhuận tạm để lại tại 04 Công ty TNHH MTV nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư phát triển của các doanh nghiệp, trong đó chủ yếu phục vụ triển khai các dự án tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành).

10.4.2. Báo cáo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Với sứ mệnh là Hãng hàng không quốc gia, VNA luôn nhận thức đầy đủ và triển khai có trách nhiệm khi được giao quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà nước và các cổ đông.

Trong 3 năm 2022-2024, với việc kết hợp tổng thể các giải pháp, hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện nhanh hơn so với kế hoạch, đồng thời giúp VNA duy trì hoạt động liên tục, tránh được nguy cơ phá sản do các tác động hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19. Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính dần cải thiện, giảm lỗ qua các năm: năm 2022 Công ty mẹ giảm lỗ 25% so với năm 2021, tương đương giảm 2.995 tỷ đồng; năm 2023 giảm lỗ 46% so với năm 2022, tương đương giảm 4.055 tỷ đồng và năm 2024 đã có lãi trở lại với lợi nhuận sau thuế là 2.775 tỷ đồng (theo BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán), và 7.958 tỷ đồng (theo BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán). Kết thúc 3 tháng đầu năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh của VNA đạt 3.044 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ) tăng 103% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của VNA trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 3.486 tỷ đồng giảm 21,5% so với cùng kỳ năm 2024 do tại quý 1/2024, công ty con là Pacific Airlines có phát sinh thu nhập khác do được đối tác xóa nợ trên 3.030 tỷ đồng. Tuy nhiên lợi nhuận gộp quý 1/2025 (hợp nhất) của VNA tăng hơn 53,5% (tương đương tăng hơn 2.186 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước do Công ty mẹ và các công ty con (trừ Pacific Airlines) đều kinh doanh có lãi.

VNA đang phải đối mặt với thách thức vừa phải khắc phục các hậu quả nặng nề của đại dịch để lại, vừa phải đáp ứng những yêu cầu về đầu tư phát triển trong khi nguồn lực tài chính suy giảm. Theo Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế Công ty mẹ và hợp nhất lần lượt là 29.747 tỷ đồng và 33.614 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu Công ty mẹ âm 5.602 tỷ đồng, hợp nhất âm 9.344 tỷ đồng. Tại ngày 31/03/2025, lỗ lũy kế của công ty mẹ và hợp nhất lần lượt là 26.703 tỷ đồng và 30.216 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của công ty mẹ và hợp nhất lần lượt là âm 2.559 tỷ đồng và âm 5.854 tỷ đồng.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

10.5. Các hợp đồng lớn, nhà cung cấp lớn

Thông tin về các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung trong bảng sau:

Bảng 15: Danh sách các hợp đồng lớn

STT	Tên Hợp Đồng	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của VNA
1	Hợp đồng bán 03 tàu A321ceo	-	2023	2023-2024	03 tàu bay A321ceo	Guangzhou Hangrun Aero-Tech Co., Ltd.	Không
2	Hợp đồng bảo dưỡng trọn gói liên quan đến các động cơ hiệu Trent XWB	-	2015	2015- 2027	Bảo dưỡng động cơ máy bay A350 theo giờ	Roll-Royces Holdings Plc	Không
3	Hop đồng bảo dưỡng động cơ B787-9	-	2018	2018-2030	Bảo dưỡng động cơ máy bay B787-9 theo giờ	KONINKLIJKE LUCHTVAART MAATSCHAPPIJ N.V (KLM)	Không
4	Hop đồng bảo dưỡng động cơ	-	2018	2018-2031	Bảo dưỡng động cơ máy bay A321-Neo theo giờ	IAE International Aero Engines AG	Không
5	Hợp đồng dịch vụ phụ tùng vật tư (PTVT) trọn gói cho đội bay B787	-	2015	2015-2028	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói B787	Societe Airfrance	Không
6	Hợp đồng dịch vụ PTVT trọn gói cho đội bay A350	-	2015	2015-2027	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT	Airbus Flight Hours Services Ltd	Không

BIÊN BẢN
KHÔNG TỒN
10/

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại được thống kê như sau:

Bảng 16: Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ¹⁴	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
1	AerCap Holdings N.V.	-	2015-2032	2 A350 3 B787-9	Không
2	Aviation Capital Group	-	2018-2034	6 A321NEO	Không
3	Air Lease Corporation	-	2019-2036	12A321NEO 6 B787-10	Không
4	Avolon	-	2015-2035	3 A350	Không
5	BBAM Aircraft Leasing & Management	-	2018-2034	2 A350	Không
6	AVIC International Holding Corporation	-	2017-2033	1 A350	Không
7	Clover Aviation Capital	-	2017-2033	1 B787-9	Không

¹⁴ Các giao dịch với các đối tác nhà cung cấp được thống kê là chi phí hoặc tài sản cố định nên không có số liệu

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ¹⁴	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
8	Dubai Aerospace Enterprise	-	2016-2033	2 A350	Không
9	ICBC Aviation Leasing Co.,Ltd	-	2018-2036	2 A321NEO 3 A320NEO	Không
10	Jackson Square Aviation	-	20019-2034	1 A350	Không
11	SVP	-	2016-2032	3 A350	Không
12	Vietnam Aircraft Leasing Company	-	2012-2025	10 A321CEO 1 ATR72-500	Không
13	Roll-Royces	-	18/08/2015- 27/07/2027	Bảo dưỡng động cơ máy bay A350 theo giờ	Không
14	KONINKLIJKE LUCHTVAART MAATSCHAPPIJ N.V (KLM)	-	1/1/2018-31/12/2030	Bảo dưỡng động cơ máy bay B787-9 theo giờ	Không
15	IAE INTERNATIONAL AERO ENGINES AG	-	9/4/2018-9/4/2031	Bảo dưỡng động cơ máy bay A321-Neo theo giờ	Không

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ¹⁴	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
16	SOCIETE AIR FRANCE	-	01/06/2015-31/7/2028	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói B787	Không
17	AIRBUS FLIGHT SERVICES LTD HOURS	-	15/06/2015-4/10/2027	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói A350	Không
18	ST ENGINEERING AEROSPACE SUPPLIES PTE LTD (Tên cũ: ST Aerospace Supplies Pte Ltd)	-	26/04/2018-31/12/2031	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói đội tàu bay A321	Không
19	The Shell Company of Thailand Limited	-	01/07/2024-30/06/2026	Cung cấp nhiên liệu tại sân bay CDG, FRA & LHR	Không
20	Vitol Aviation	-	01/07/2024-30/06/2026	Cung cấp nhiên liệu tại một số sân bay	Không
21	Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	-	2022, tự động gia hạn hàng năm	Cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất tại các sân bay địa phương VN (trừ Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Cam Ranh, Vân Đồn)	Không
22	China Eastern Airlines Co., Ltd	-	28/3/2010-tự động gia hạn	Dịch vụ phục vụ mặt đất tại Thượng Hải	Không

Nguồn: VNA

10.7. Vị thế của VNA trong ngành hàng không

10.7.1. Vị thế của VNA trên thị trường nội địa

VNA là hãng hàng không có mạng đường bay nội địa lớn nhất, ngoài ra có mạng đường bay khai thác và hợp tác với các hãng, khai thác khách quốc tế đi kết hợp nội địa. Thị trường nội địa được cạnh tranh chủ yếu bởi các hãng hàng không là Vietjet Air, ngoài ra còn có các hãng hàng không như Bamboo Airways, Vietravel.

Vietjet Air được định vị là hãng hàng không giá rẻ, Bamboo Airways là hãng hàng không lai ghép giữa mô hình hàng không giá rẻ và hàng không truyền thống. Pacific Airlines là công ty con của VNA, hoạt động theo mô hình hãng hàng không chi phí thấp, khai thác trên các đường bay nội địa và quốc tế khu vực có cạnh tranh giá rẻ và phối hợp chặt chẽ với VNA về sản phẩm và hỗ trợ chia sẻ các nguồn lực khai thác.

Đến cuối năm 2024, VNA duy trì thị phần đứng đầu tại thị trường nội địa Việt Nam về vận tải hành khách (thị phần VNA hợp nhất là 45,4%, riêng VNA là 43,1%) và vận tải hàng hóa hàng không (24%). Trong quý 1 năm 2025, thị phần vận tải hành khách của VNA là 45,8%, vận tải hàng hóa là 24%. Thông tin chi tiết về thị phần vận tải hành khách được nêu tại Bảng 5 và vận tải hàng hóa tại Bảng 6.

Vị thế về thương hiệu và chất lượng dịch vụ: Thương hiệu VNA – Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã được hình thành và phát triển gắn liền cùng với quá trình trưởng thành của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam. Đến nay, từ một hãng hàng không nhỏ bé, VNA đã trở thành một hãng hàng không có thương hiệu uy tín, được khách hàng trong nước và quốc tế biết đến. Trong khoảng 20 năm trở lại đây, VNA đã có những bước phát triển quan trọng. Năm 2006, sau khi được đạt chứng chỉ uy tín về an toàn khai thác (IOSA) của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), VNA đã chính thức trở thành thành viên của IATA và khẳng định chất lượng dịch vụ mang tiêu chuẩn quốc tế của mình. Ngày 10/6/2010, VNA chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu - SkyTeam. Sau khi gia nhập liên minh, mạng đường bay của VNA được mở rộng lên tới hơn 1000 điểm đến trên toàn cầu. Năm 2015, VNA trở thành hãng hàng không thứ hai trên thế giới đồng thời đưa vào khai thác hai dòng máy bay hiện đại Boeing 787-9 và Airbus A350-900. Năm 2016, VNA chính thức được Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không quốc tế SkyTrax trao chứng chỉ công nhận hãng Hàng không 4 sao. VNA đã khẳng định vị trí trên bản đồ hàng không khu vực và thế giới với hình ảnh một hãng hàng không trẻ, hiện đại, năng động và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Hiện nay, VNA là hãng hàng không truyền thống duy nhất tại Việt Nam với sản phẩm nội địa có sự khác biệt hóa (hạng Thương gia, hạng Phổ thông đặc biệt, chương trình Khách hàng thường xuyên - LotuSmiles).

Vị thế về mạng lưới đường bay trong nước: Vị trí số một Việt Nam của hãng còn thể hiện ở mạng bay nội địa rộng khắp mọi vùng miền của đất nước, tần suất khai thác dày đặc, lịch nối chuyến thuận tiện và mạng đường bay quốc tế mở rộng nhanh chóng. Với việc tiếp nhận hãng hàng không chi phí thấp (Low Cost Carrier - LCC) Pacific Airlines và phối hợp với Pacific Airlines thực hiện chiến lược “thương hiệu kép – dual brands”, VNA cạnh tranh và chiếm lĩnh khách doanh thu cao và trung bình trong khi Pacific

Airlines sẽ cạnh tranh trực tiếp với các hãng hàng không chi phí thấp khác và chiếm lĩnh tăng trưởng của phân khúc khách nhạy cảm về giá. Chiến lược này sẽ càng củng cố thêm vị thế của VNA trên thị trường. Ngoài ra, chiến lược “thương hiệu kép” được cụ thể hóa bằng phối hợp toàn diện về sản phẩm, mạng bay, chính sách bán, tiếp thị, ... tập trung trên các đường bay trực nhằm bao phủ dải sản phẩm, phục vụ mọi đối tượng khách hàng thông qua mạng bay và tần suất phối hợp, đảm bảo mục tiêu thị phần của VNA Group (gồm VNA, Pacific Airlines và Vasco).

Vị thế về đội bay: Tính đến 31/03/2025, so với các hãng hàng không trong nước, VNA có số lượng tàu bay nhiều nhất, với 103 chiếc. Tỷ lệ máy bay hiện đại, tiên tiến trên tổng số tàu bay cao so với các hãng hàng không trong khu vực và trên thế giới, chủ yếu do hai hãng sản xuất tàu bay thương mại hàng đầu là Boeing (Mỹ) và Airbus (Châu Âu) chế tạo.

Đội bay của VNA đã phát triển ổn định và hiện đại hóa không ngừng. Đặc biệt, VNA là hãng hàng không đầu tiên trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương khai thác đồng thời 2 dòng tàu bay thân rộng hiện đại, thế hệ mới của Airbus (A350) và Boeing (B787). Hiện tại, VNA đang từng bước thay thế đội tàu bay A321 thế hệ cũ (A321 CEO) bằng đội tàu bay A321 thế hệ mới (A321 NEO).

10.7.2. Vị thế của VNA trên các thị trường quốc tế

Với vị trí địa lý nằm giữa Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu, Nam Thái Bình Dương và Trung Quốc, Việt Nam được coi là cửa ngõ của các khu vực. Tính đến tháng 3/2025, VNA đã khai thác trên 60 đường bay quốc tế đến 31 điểm và 40 đường bay nội địa đến 22 điểm. Vị thế của VNA trên từng thị trường quốc tế như sau:

Thị trường khu vực Đông Dương:

Mạng đường bay rộng khắp tại khu vực Đông Dương (gồm: Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam) cũng là thế mạnh của VNA, đặc biệt so với các đối thủ cạnh tranh khác. VNA có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực Đông Dương. Ngoài ra, VNA kết hợp sản phẩm với K6 để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến. Mạng đường bay trong tiểu vùng vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của VNA trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là khai thác các đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu, Úc do có sản phẩm nối chuyến tốt.

Thị trường khu vực Châu Âu, Mỹ:

Ngoại trừ các đường TP. Hồ Chí Minh - Pháp, VNA là hãng bay thẳng duy nhất trên đường bay TP. Hà Nội - Pháp, TP. Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh – Đức, TP. Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh – Anh và TP. Hồ Chí Minh – San Francisco. Bên cạnh đó, do đặc tính khách du lịch đường dài thường đi kết hợp nhiều điểm đến, mạng đường bay hỗ trợ tần suất cao đến các điểm của khu vực Đông Dương, Đông Nam Á và nội địa Việt Nam là thế mạnh của VNA.

Thị trường khu vực Đông Bắc Á:

VNA có sản phẩm tần suất cao, hầu hết là 1-2 chuyến/ngày; số lượng điểm đi/đến quốc tế lớn hơn so với các hãng khai thác cạnh tranh trực tiếp, mạng đường bay hỗ trợ tần suất

cao đến các điểm đến của CLMV, SEA và nội địa Việt Nam cũng là thế mạnh của VNA tại khu vực này.

VNA tiếp tục mở thêm các đường bay mới nối các thị trường Đông Bắc Á với các điểm đến tiềm năng Miền Trung Việt Nam, gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Khu vực Đông Nam Á, Úc:

Trong bối cảnh nhu cầu du lịch tăng mạnh sau Covid-19, VNA tiếp tục phát triển mạng bay đến khu vực Đông Nam Á, khai thác nhiều tần suất trên các đường bay đi/đến Singapore/Thái Lan/Malaysia, tạo cơ hội nối chuyến thuận lợi 2 chiều đến các thị trường nguồn. Đối với Úc, VNA có thể mạnh là hãng hàng không full service duy nhất trên thị trường.

10.7.3. Triển vọng phát triển của ngành

a. Triển vọng phát triển ngành hàng không thế giới

Về triển vọng: tại thời điểm tháng 07/2024, tổ chức IMF dự kiến GDP toàn cầu năm 2025 tăng trưởng 3,3%, tăng 0,1 điểm so với dự kiến tăng trưởng năm 2024. Về tình hình kinh tế Việt Nam, tổ chức WorldBank (WB) nhận định kinh tế Việt Nam năm 2025 phục hồi sự tăng trưởng ở mức 6,5% với sự thúc đẩy đầu tư công, hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistic, tăng trưởng xuất khẩu. Ngày 12/11/2024, Quốc hội đã nhất trí mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 sẽ đạt 6,5% - 7%; Thủ tướng Chính phủ cam kết phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt trên 8%. Về cơ bản, các chỉ số kinh tế vĩ mô đều đạt mức tăng trưởng ổn định.

Về khó khăn, theo các báo cáo của IATA và các tổ chức khác: Thị trường ngành hàng không thế giới đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng chưa từng có tiền lệ do đại dịch Covid-19 gây ra. Mặc dù tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát từ năm 2022, tuy nhiên một loạt các yếu tố vĩ mô khác tiếp tục tác động tiêu cực tới sự phục hồi của ngành hàng không thế giới và khu vực, tiêu biểu bao gồm:

- Tình hình bất ổn địa chính trị, các cuộc xung đột như Nga-Ukraine và tại Trung Đông mới đây đã ảnh hưởng tới nhu cầu đi lại và làm tăng chi phí cho các hãng HK, đặc biệt giá nhiên liệu bay duy trì ở mức cao làm tăng đáng kể chi phí trọng yếu trong hoạt động vận chuyển của các hãng.
- Tình hình lạm phát gia tăng sau đại dịch khiến các Chính phủ thắt chặt chính sách tiền tệ, làm giảm tăng trưởng kinh tế thế giới. Đồng USD tăng giá so với các đồng ngoại tệ khác làm tăng chi phí cho các hãng HK và giảm nhu cầu du lịch ra nước ngoài tại các nước có bản tệ mất giá (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc ...).
- Thị trường Trung Quốc phục hồi chậm hơn nhiều so với kỳ vọng sau khi mở cửa ảnh hưởng tới tình hình phục hồi chung của thị trường hàng không Châu Á.
- Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng trong ngành hàng không hậu đại dịch làm tăng chi phí, kéo dài thời gian sửa chữa. Đặc biệt vấn đề đối với động cơ Pratt Whitney trên toàn cầu làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới thị trường tàu bay.
- Các chính sách về nhiên liệu hàng không bền vững (Sustainable Aviation Fuel) ở một số nơi trên thế giới bắt đầu được triển khai từ năm 2025, diễn hình là chính

sách ReFuelEU của Liên minh Châu Âu làm Tổng Công ty có thể sẽ phát sinh thêm trên 100 tỷ đồng.

- Theo báo cáo mới nhất (Tháng 12/2024), ngành hàng không toàn cầu dự kiến lãi 31,5 tỷ USD trong năm 2024, ROS đạt 3,3%; trong đó thị trường châu Á – Thái Bình Dương dự kiến có lãi 3,2 tỷ USD, tương đương ROS 1,3%, chỉ cao hơn mức ROS của khu vực châu Phi. Dự kiến năm 2025, ngành hàng không toàn cầu tiếp tục tăng lãi lên mức kỷ lục 36,6 tỷ USD, ROS đạt 3,6%. Tuy nhiên, lợi nhuận và ROS khu vực Châu Á – Thái Bình Dương năm 2025 chỉ tăng nhẹ lần lượt lên mức 3,6 tỷ USD và 1,4%, thấp hơn mức trung bình của hầu hết các khu vực¹⁵.

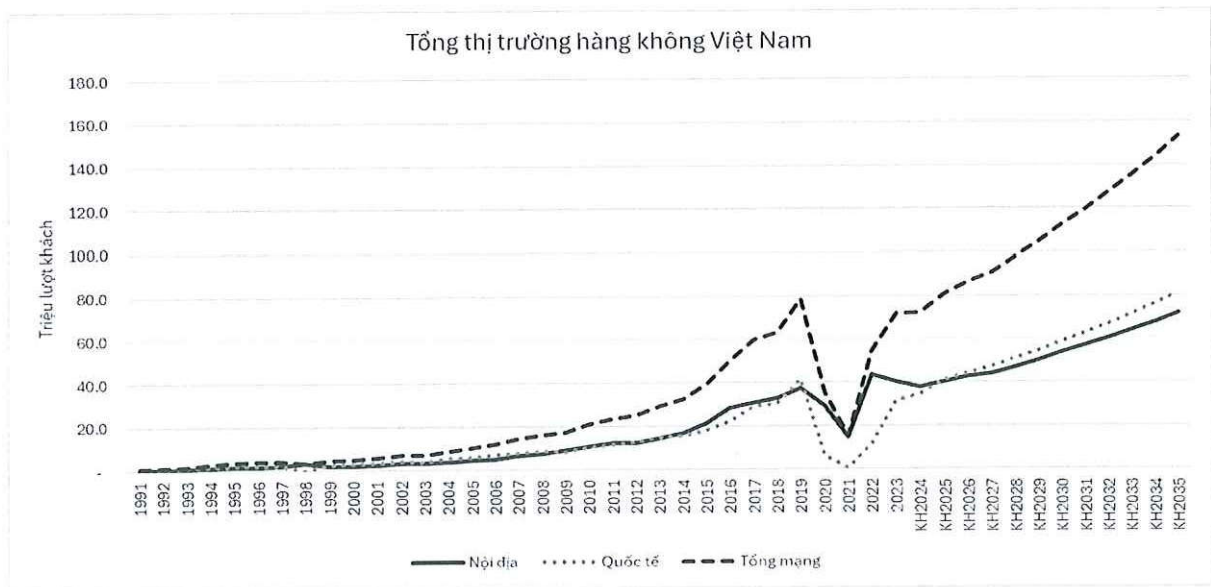
b. Triển vọng ngành hàng không tại Việt Nam

Thị trường quốc tế: dự báo đến 2025, thị trường quốc tế sẽ hồi phục về mức năm 2019. Giai đoạn 2026-2030 thị trường quốc tế dự kiến tăng trưởng bình quân 7,4%/năm, giai đoạn 2031-2035, tốc độ tăng trưởng dự kiến chậm lại, tuy nhiên vẫn đạt mức bình quân 6,0%/năm.

Thị trường nội địa: Thị trường đã phục hồi về mức cao hơn 2019 từ 2023 (106,7%), tuy nhiên giảm nhẹ trong năm 2024 do nhu cầu yếu và thiếu hụt nguồn lực của các hãng hàng không trong nước và dự kiến thị trường sẽ tăng trưởng trở lại từ 2025. Giai đoạn 2026-2030 thị trường nội địa dự kiến tăng trưởng bình quân 6%/năm và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng này trong giai đoạn 2031-2035.

Biểu đồ 6: Tổng thị trường hàng không Việt Nam 2021-2035

Đơn vị: Triệu lượt khách



Nguồn: VNA

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 7/6/2023 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu đến năm 2030 đưa vào khai thác 30 cảng hàng không, trong đó có 14

¹⁵ Nguồn: <https://www.iata.org/cn/iata-repository/publications/economic-reports/global-outlook-for-air-transport-december-2024/>

cảng quốc tế và 16 cảng nội địa, hướng đến phục vụ 275 triệu hành khách/năm và 4,1 triệu tấn hàng hóa/năm, Tầm nhìn đến 2050, hệ thống cảng hàng không được quy hoạch phát triển lên đến 33 cảng, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu quốc phòng – an ninh.

Triển vọng ngành hàng không Việt Nam theo Quyết định 648/QĐ-TTg là rất tích cực, với định hướng mở rộng quy mô hạ tầng, đẩy mạnh kết nối vùng, thúc đẩy xã hội hóa đầu tư và ứng dụng công nghệ trong quản lý – khai thác. Đồng thời, Chính phủ chú trọng phát triển hàng không xanh, bền vững, hướng tới giảm phát thải khí nhà kính theo xu thế quốc tế.

10.7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VNA so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của VNA là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn; giữ vững vị thế là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam. Các hãng hàng không trong hệ thống VNA (VNA, Pacific Airlines, VASCO) giữ thị phần số một tại nội địa Việt Nam, trong đó Công ty mẹ sẽ nắm vai trò chủ đạo, dẫn dắt và hiệu quả, các hoạt động phụ trợ sẽ do các công ty con thực hiện.

Về định hướng phát triển của ngành, ngành vận tải hàng không Việt Nam nói chung còn nhiều cơ hội để phát triển dựa trên nhu cầu du lịch, giao thương kinh tế trên cả thị trường nội địa, và quốc tế cũng như định hướng phát triển của Chính Phủ (quy hoạch mở và nâng cấp sân bay, kết nối với các loại hình giao thông, v.v.). Tuy nhiên, đây là cơ hội chung cho tất cả các hãng hàng không trên thị trường Việt Nam. VNA xây dựng các kịch bản định hướng phát triển dựa trên xu thế chung của thế giới, quy hoạch, định hướng của Chính phủ, Bộ Xây dựng để đảm bảo tính khả thi, duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường, tận dụng những thế mạnh của VNA.

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam, theo đó VNA sẽ được phát triển để giữ vai trò nòng cốt của lực lượng vận tải hàng không Việt Nam, có năng lực cạnh tranh quốc tế thuộc nhóm hàng đầu khu vực ASEAN.

Căn cứ Quyết định 648/QĐ-TTg ngày 7/6/2023, Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2030 khai thác 30 cảng hàng không, phục vụ 275 triệu hành khách và 4,1 triệu tấn hàng hóa/năm; tầm nhìn đến 2050 phát triển lên 33 cảng hiện đại, đồng bộ, đạt chuẩn quốc tế. Ngành hàng không được định hướng mở rộng hạ tầng, tăng kết nối vùng, thu hút đầu tư xã hội hóa, ứng dụng công nghệ và phát triển bền vững, giảm phát thải theo xu hướng toàn cầu. Vietnam Airlines với vai trò hãng hàng không quốc gia, đang theo đuổi chiến lược phát triển đội tàu bay hiện đại, mở rộng mạng bay quốc tế – nội địa, đồng thời đầu tư chuyển đổi số và giảm phát thải CO₂. Những định hướng này nhìn chung phù hợp với chiến lược ngành theo Quyết định 648/QĐ-TTg, đặc biệt là trong các khía cạnh: nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và tăng cường kết nối các vùng miền. Tuy nhiên, để thích ứng kịp với tốc độ phát triển hạ tầng và nhu cầu thị trường,

Vietnam Airlines cần tiếp tục cải thiện hiệu quả vận hành, tăng cường năng lực tài chính, và đẩy mạnh hợp tác công – tư trong đầu tư hạ tầng và dịch vụ hàng không.

Như vậy, có thể thấy định hướng phát triển của VNA là phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và định hướng về chính sách, quy hoạch của Nhà nước.

10.8. Hoạt động Marketing, truyền thông

Nổi tiếp hình ảnh thương hiệu hãng hàng không chất lượng 4 sao đẳng cấp quốc tế, VNA tập trung phát triển thương hiệu Vietnam Airlines với định hướng “lấy khách hàng làm trung tâm” cho mọi hoạt động của Hãng:

Định hướng chính

- Thương hiệu nhân bản (Human branding) là thổi hồn cho thương hiệu, biến thương hiệu thành một con người, có tính cách và có khả năng giao tiếp, kiến tạo những mối quan hệ với khách hàng, đối tượng liên quan, để trở thành một con người được yêu thương, tôn trọng và có ảnh hưởng đến nhóm đối tượng mục tiêu.
- Sự khác biệt hóa thương hiệu: Dịch vụ xuất sắc và bản sắc văn hóa Việt.
- Khẳng định vị thế so với các đối thủ: hãng hàng không quốc gia, hướng tới chuẩn 5 sao quốc tế.
- Phát triển bền vững, tham gia và đồng hành với trách nhiệm xã hội.

Mục tiêu thương hiệu

Mục tiêu Vietnam Airlines là thương hiệu trẻ trung, năng động, sáng tạo; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, quyết liệt chuyển đổi số, đồng thời cam kết hành động vì một Việt Nam phát triển bền vững.

Định vị và giá trị cốt lõi thương hiệu Vietnam Airlines

- Định vị thương hiệu: Hướng tới hãng hàng không quốc gia 5 sao tiêu chuẩn quốc tế.
- Giá trị cốt lõi: Hãng hàng không quốc gia đi đầu với dịch vụ xuất sắc tôn vinh bản sắc Việt.
- Lời hứa thương hiệu: Cam kết mang lại trải nghiệm bay trọn vẹn mang đậm bản sắc Việt trong hành trình bền vững.

Giải pháp chính

- Cập nhật các công cụ truyền thông mới theo xu thế phát triển của môi trường công nghệ, số hóa và có tính tương tác cao với khách hàng (đại sứ thương hiệu ảo, chatbot...). Đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng digital, mạng xã hội, Social Listening theo hướng cá nhân hóa đến từng nhóm khách hàng mục tiêu, thu hút sự tương tác và lan tỏa tới khách hàng.
- Xây dựng và triển khai sâu rộng và toàn diện các chương trình ESG vì mục tiêu phát triển bền vững - Vietnam Airlines cam kết kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, đã và đang đồng hành phát triển cùng đất nước hướng đến tương lai bền vững.
- Tiếp tục mở rộng hợp tác với các Tỉnh/thành phố, tập đoàn, công ty lớn để mở rộng hệ sinh thái của VNA, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Bảng 17: Các nhãn hiệu đã được VNA đăng ký bản quyền

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
1	Vietnam Airlines, hình bông sen vàng	 Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	68	68
2	Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	1	1
3	Hình Bông sen		Vietnam Airlines	1	1
4	Vietnam Airlines, hình bông sen vàng	 Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	26	23
5	Chữ Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	1	1
6	Golden Lotus Plus, hình bông sen		Vietnam Airlines	26	25
7	Lotus Lounge	Lotus Lounge	Vietnam Airlines	1	1
8	Phòng chờ Bông sen vàng	Phòng chờ Bông sen vàng	Vietnam Airlines	1	1
9	Phòng khách Bông sen	Phòng khách Bông sen	Vietnam Airlines	1	1
10	Bông sen vàng	Bông sen vàng	Vietnam Airlines	1	1
11	Lotusmiles	LOTUSMILES	Vietnam Airlines	33	30
12	Lotustar	LOTUSTAR	Vietnam Airlines	33	30

STT	Tên Nhân hiệu	Hình Nhân hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
13	Lotushop		Vietnam Airlines	34	26
14	Viet Air		Vietnam Airlines	2	1
15	Heritage	HERITAGE	Heritage	1	1
16	Heritage Fashion	HERITAGE FASHION	Heritage	1	1
17	Vasco, hình		Vietnam Airlines	1	1
18	Hình con cò		Vietnam Airlines	1	1
19	VIETNAM AIRLINES, hình con cò		Vietnam Airlines	1	1
20	Viet Airways	VIET AIRWAYS	Vietnam Airlines	1	1
21	NIAGS, hình		Niags	1	1
22	Pacific Airlines, hình (nhấn ngang)		Vietnam Airlines	1	1
23	Pacific Airlines, hình (nhấn dọc)		Vietnam Airlines	1	1

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
24	VNAirlines, hình bông sen vàng		Vietnam Airlines	1	1
25	VNAirlines (chữ)	VNAirlines	Vietnam Airlines	1	1
26	VNAMAZING, Muôn trải nghiệm, triệu chuyến đi		Vietnam Airlines	1	1
27	VNAMAZING		Vietnam Airlines	1	1
28	Vietnam Airlines Cargo		Vietnam Airlines	1	1
29	LOTUSDELI	LOTUSDELI	Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết
30	VNAXPRESS (Tiếng Việt)		Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết
31	VNAXPRESS (tiếng Anh)		Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết
32	Lotus Premier Lounge (nhãn dọc)	LOTUS PREMIER Lounge	Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết
33	Lotus Premier Lounge (nhãn ngang)	LOTUS PREMIER LOUNGE	Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết
34	Lotus Club	LOTUS CLUB	Vietnam Airlines	1	1
35	VNAMALL		Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
36	VNAMALL, tagline	 Hàng chất mùa ngay, giao nhanh như bay	Vietnam Airlines	1	Đang giải quyết

Nguồn: VNA

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công tác Đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của VNA, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành hàng không. Các cấp Lãnh đạo Tổng công ty luôn nhấn mạnh: "Không ngừng Đổi mới sáng tạo, trên cơ sở bảo đảm an toàn là mục tiêu hàng đầu, tích cực cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh." Nhận thức rõ tầm quan trọng này, VNA đã xác định Đổi mới sáng tạo không chỉ là một xu hướng mà còn là yếu tố sống còn, giúp hãng tối ưu hóa quy trình hoạt động, nâng cao trải nghiệm khách hàng và phát triển bền vững. Để thúc đẩy hoạt động Đổi mới sáng tạo, ngoài việc xây dựng cơ chế, chính sách, VNA còn thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua khuyến khích người lao động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cải tiến, đổi mới sản phẩm, quy trình, phương pháp làm việc nhằm nâng cao năng suất, nâng tầm chất lượng dịch vụ, giảm lãng phí như Lotus Ideas, Cánh sen vàng...

Dựa trên nền tảng công nghệ số được đầu tư nâng cấp, VNA xác định hoạt động Đổi mới sáng tạo thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0. Hoạt động Chuyển đổi số được xác định là một trong những khâu đột phá của VNA, với các mục tiêu cụ thể như: "Ứng dụng mạnh mẽ, sáng tạo cách mạng công nghiệp 4.0, thực hiện đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số." Chuyển đổi số cần gắn liền với chiến lược kinh doanh của VNA, với mục tiêu Vietnam Airlines sẽ trở thành hãng Hàng không số hàng đầu khu vực. Chính sách nghiên cứu và phát triển của VNA được thiết lập nhằm thực hiện đồng bộ và toàn diện chuyển đổi số trong các lĩnh vực như kỹ thuật máy bay, khai thác, thương mại, dịch vụ và quản lý với các mục tiêu: nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiếp cận được nhiều khách hàng và tăng doanh thu; nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí; lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

VNA tiếp tục triển khai phát triển đội bay theo hướng lựa chọn những loại tàu bay thế hệ mới hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu, tiết kiệm chi phí khai thác, chi phí bảo dưỡng thấp và góp phần bảo vệ môi trường như Airbus A350-900, Boeing 787-9 Dreamliner, Boeing 787-10 Dreamliner.

Trong lĩnh vực kỹ thuật, VNA đã làm chủ công nghệ bảo dưỡng sửa chữa các loại máy bay và các thiết bị hiện đại của ngành hàng không. Hiện nay, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO) - công ty do VNA sở hữu 100%, là tổ chức bảo dưỡng lớn nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng các loại máy bay, động cơ và thiết bị máy bay cho VNA và các Hãng hàng không khác trên thế

giới. VNA đã được nhà sản xuất máy bay hàng đầu thế giới Airbus vinh danh thuộc top 5 hãng hàng không đạt độ tin cậy cất cánh máy bay Airbus A350 XWB cao nhất thế giới (Top Operational Reliability Trend).

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Chiến lược phát triển

Tâm nhìn – Sứ mệnh

- Giữ vững vị thế của VNA là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.
- Tập đoàn các hãng hàng không – VNA Group (Vietnam Airlines, Pacific Airlines, Vasco) giữ thị phần số 1 tại nội địa Việt Nam.
- VNA là Hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại VN, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn.
- Cung cấp dịch vụ hàng không chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tạo dựng được môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, nhiều cơ hội phát triển cho người lao động.
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Chúng tôi thấu hiểu sự phát triển của tổ chức đi cùng với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới, chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.
- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội là nhân tố đầu vào then chốt để đưa ra quyết định trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA.

Mục tiêu

- Mục tiêu văn hóa an toàn (VHAT) tiệm cận mức 5.0 Generative (tiên tiến) từ năm 2025.
- Trở thành hãng hàng không Full Service đạt nhóm 03 về quy mô trong khu vực Đông Nam Á.
- VNA đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.
- Cung cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa VNA đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.

- VNA giữ vững vai trò tiên phong là Hãng hàng không công nghệ số tiên tiến, hiện đại trong ngành vận tải hàng không Việt Nam, đồng thời nằm trong nhóm dẫn đầu về CDS của ngành hàng không ASEAN, có khả năng cạnh tranh với các Hãng hàng không lớn trong khu vực và thế giới.
- Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.
- Bảo đảm thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục; từng bước cải thiện, phục hồi năng lực tài chính; đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư.

10.11.2. Nguồn vốn dự kiến

Trong giai đoạn 2025-2026, VNA dự kiến thực hiện 2 đợt phát hành cổ phiếu để bổ sung nguồn vốn và dòng tiền với quy mô phát hành tối đa 22.000 tỷ đồng theo quy định tại Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội, trong đó đợt phát hành năm 2025 có quy mô 9.000 tỷ đồng. Để tiếp tục bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu củng cố năng lực tài chính, đảm bảo an toàn nguồn vốn và dòng tiền trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều rủi ro trước các diễn biến khó lường của dịch Covid-19, VNA dự kiến sẽ xin ý kiến ĐHĐCĐ và các cấp có thẩm quyền để tiếp tục phát hành cổ phiếu giai đoạn 2 trong năm 2026 với quy mô tối đa 13.000 tỷ đồng. Với dự kiến hoạt động sản xuất kinh doanh khởi sắc từ năm 2024 và kết quả từ các giải pháp tái cơ cấu tài sản, phát hành tăng vốn, quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ dự kiến đến cuối năm 2030 đạt trên 40 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ đạt 44.144 tỷ đồng.

Ngoài các giải pháp để tăng vốn chủ sở hữu, VNA cũng sẽ triển khai các giải pháp sử dụng công cụ nợ khác để bổ sung nguồn vốn. Hoạt động vay vốn cho các dự án đầu tư tài sản mặt đất và dự án đầu tư tàu bay được triển khai phù hợp theo tiến độ của từng dự án đầu tư cụ thể.

Ngoài ra, VNA tiếp tục sử dụng linh hoạt công cụ tín dụng ngắn hạn để điều tiết cân bằng dòng tiền, kịp thời bổ sung nguồn vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh trong giai đoạn thâm hụt dòng tiền. VNA tăng cường công tác dự báo và quản lý chặt chẽ cân đối dòng tiền bao gồm quản lý dòng tiền thu, chi, vay ngắn hạn và hoạt động cơ cấu nợ, trả nợ các nhà cung cấp.

Bảng 18: Dự kiến các nguồn vốn của Công ty mẹ giai đoạn 2026-2030 như sau

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu nguồn vốn	2026	2027	2028	2029	2030
1.VCSH công ty mẹ	17.216	27.354	31.186	36.063	40.693
2.Nợ phải trả	29.787	28.243	32.208	29.287	34.704
<i>Trong đó, tổng dư nợ vay:</i>	<i>4.770</i>	<i>3.180</i>	<i>6.530</i>	<i>3.055</i>	<i>8.329</i>
3.Quy mô VSCH/Vốn vay	0,58	0,97	0,97	1,23	1,17
4.Tỷ trọng VCSH/Tổng nguồn vốn	0,37	0,49	0,49	0,55	0,54

Nguồn: VNA

Ghi chú: Số liệu dự kiến giai đoạn 2026-2030 theo Đề án Tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid19 để VNA sớm phục hồi và phát triển bền vững

giai đoạn 2021-2035 (báo cáo Quốc hội T11/2024). Số liệu Đề án được xây dựng trên cơ sở giả định hoàn thành tăng vốn 9.000 tỷ đồng năm 2025, hoàn thành tăng vốn 13.000 tỷ đồng năm 2026, kết quả lợi nhuận giai đoạn 2024-2030 như dự kiến tại Đề án.

10.11.3. Nguồn lực dự kiến

Để thực hiện được các mục tiêu tổng quát trên, VNA xây dựng kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí. Đến năm 2030, tổng số lao động dự kiến là 9.719 lao động gồm 8.995 lao động Việt Nam và 724 lao động nước ngoài. Trong đó:

- Đối với phi công: VNA tiếp tục xác định nguồn lực phi công là nguồn lực quan trọng để tập trung phát triển với định hướng lực lượng phi công Việt Nam dần thay thế phi công nước ngoài, mỗi năm đưa vào khai thác từ 60-80 phi công cơ bản; thực hiện huấn luyện nâng cấp lái chính, chuyển loại để thay thế phi công nước ngoài nhằm duy trì tỷ lệ phi công Việt Nam đạt trên 85% giai đoạn 2026-2030.
- Đối với tiếp viên: giữ lực lượng Tiếp viên trưởng, tiếp viên hạng C làm nòng cốt; tăng cường sử dụng tiếp viên thuê ngoài để đáp ứng nhu cầu tăng, giảm của thị trường, nâng cao hiệu quả.
- Đối với nguồn lực lao động gián tiếp: duy trì tỷ lệ hợp lý, tăng cường công tác huấn luyện đào tạo để người lao động đa năng, thực hiện nhiều công việc, nhiều vị trí, tăng sự linh hoạt trong sử dụng nguồn lực; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý.

Trong giai đoạn 2026-2030, chỉ tiêu đánh giá năng suất lao động là tải luân chuyển/lao động (RTK/LĐ) tăng hàng năm, đạt 765 nghìn tấn.km/người vào năm 2030.

Bảng 19: Chỉ tiêu năng suất lao động dự kiến

Chỉ tiêu	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030
RTK/LĐ	1000 tấn.km/người	693	722	753	760	765
% năng suất lao động	%	1,5	4,3	4,2	1,0	0,6

Nguồn: VNA

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Điều kiện về vốn pháp định:

VNA đã đáp ứng quy định về mức vốn tối thiểu để duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không theo quy định tại Điều 8.1 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020).

Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được nêu chi tiết tại mục 9 Phần IV. Hiện nay, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài bao gồm cả ANA là 7,79%. Trong đợt phát hành này, VNA xin cam kết không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty so với thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu, đồng thời sau khi hoàn thành việc phát hành sẽ tiếp tục báo cáo cấp có thẩm quyền xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo đúng quy định.

Điều kiện về giấy phép chuyên ngành:

VNA đã và đang thực hiện xin cấp phép và tiếp nhận nội dung cấp phép hợp lệ cho toàn bộ các giấy phép, đăng ký, chứng chỉ, chứng nhận, chấp thuận, ủy quyền, tiêu chuẩn (trong mục này gọi chung là Giấy Phép) cần thiết cho hoạt động khai thác tàu bay, kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan đến hàng không. Các Giấy Phép đã được cấp hiện vẫn còn hiệu lực đầy đủ.

Trong phạm vi hiểu biết tốt nhất của VNA, các Công ty TNHH MTV do VNA nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty con) đã xin cấp phép và tiếp nhận nội dung cấp phép hợp lệ cần thiết cho toàn bộ các Giấy Phép cung cấp dịch vụ liên quan đến hàng không theo quy định của pháp luật có liên quan. Các Giấy Phép này hiện vẫn còn có hiệu lực đầy đủ.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động

Tổng số lao động trong danh sách tại thời điểm 31/03/2025 của VNA (công ty mẹ) là 7.192 người, với 58% có trình độ đại học trở lên, trình độ sơ cấp, phổ thông trung học (PTTH) chỉ chiếm 5% Số lao động thực tế sử dụng trong năm 2024 là 7.173 lao động.

Bảng 20: Cơ cấu lao động¹⁶

Tiêu chí	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo Trình độ đào tạo	7.057	100	7.173	100	7.192	100
Đại học và trên đại học	4.115	58	4.193	58	4.203	58
Cao đẳng, trung cấp	2.541	36	2.644	37	2.653	37
Sơ cấp, PTTH	401	6	336	5	336	5
Theo loại HDLĐ	7.057	100	7.173	100	7.192	100
Hợp đồng lao động trực tiếp	5.096	72	5.114	71	5.121	71
Hợp đồng thuê dịch vụ	1.961	28	2.059	29	2.071	29
Theo tính thời vụ của Người lao động	7.057	100	7.173	100	7.192	100
Lao động thường xuyên	7.057	100	7.173	100	7.192	100
Lao động thời vụ	-	-	-	-	-	-

Nguồn: VNA

¹⁶ Đối tượng thống kê:

- Lao động Việt Nam trực tiếp giao kết Hợp đồng lao động,
- Phi công nước ngoài, tiếp viên nước ngoài, nhân viên chi nhánh nước ngoài
- Phi công, tiếp viên Việt Nam đang khai thác bay cho K6, PA

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương, thưởng, chế độ đãi ngộ, trợ cấp

Với tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt “Người lao động là tài sản quý giá nhất”, Lãnh đạo VNA luôn quan tâm sâu sắc, chỉ đạo không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế trả lương, trả thưởng và xây dựng môi trường văn hóa làm việc gắn kết, hạnh phúc, phát triển tối đa năng lực của người lao động.

Trong những năm qua, VNA đã tiến hành nhiều đợt cải cách tiền lương đối với người lao động, trong đó tập trung ưu tiên vào lực lượng lao động đặc thù phi công, thợ kỹ thuật, lao động thương mại, lao động chất lượng cao. Chính sách phân phối tiền lương dần được hoàn thiện nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động, trách nhiệm với công việc. Từ năm 2022, VNA đã triển khai phương thức trả lương mới theo hướng đơn giản hóa, giảm tỷ trọng tiền lương cố định, tăng tỷ trọng tiền lương năng suất theo doanh thu/KPIs/kết quả thực hiện công việc của người lao động và tiền lương theo giờ bay khai thác thực tế. VNA có chính sách khuyến khích và sẵn sàng trả mức lương thu hút, cạnh tranh đối với lao động có mức độ hoàn thành KPIs cao, làm việc hiệu suất, chất lượng và trách nhiệm với công việc.

Về chế độ phúc lợi cho người lao động, VNA triển khai hệ thống phúc lợi mang tính dài hạn: Chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe; chế độ vé máy bay miễn giảm cước; chế độ làm việc – nghỉ ngơi; đào tạo; thăm quan nghỉ dưỡng, du lịch, công trình công cộng, chế độ tuyển dụng ưu tiên...

Chính sách tuyển dụng:

VNA triển khai đa dạng chính sách tuyển dụng phù hợp đặc điểm, nhu cầu của từng loại nguồn lực. Đối với nguồn lực phi công, thực hiện chủ trương xã hội hóa đào tạo nguồn lực theo các giai đoạn huấn luyện, thực hiện tuyển chọn học viên phi công cơ bản ký cam kết tuyển dụng sau đào tạo phi công cơ bản. Đối với nguồn lực tiếp viên, thực hiện tạo nguồn rộng rãi các vùng miền trong cả nước, xã hội hóa đào tạo tiếp viên cơ bản để phát triển mạnh mẽ số lượng và chất lượng nguồn lực.

Đối với nguồn lực chuyên môn, chú trọng tái cơ cấu, tổ chức lại các quy trình công việc, tinh giản lao động và thực hiện tuyển dụng các vị trí từ nguồn lực nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn vị trí. Bên cạnh đó, kết hợp sử dụng có trọng tâm dịch vụ tuyển dụng của các công ty sẵn đầu người đối với các vị trí cán bộ quản lý, chuyên gia có kinh nghiệm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Chính sách nhân công thuê ngoài “Outsourcing”

Với đặc thù vận tải hàng không mang tính chu kỳ, VNA đã xây dựng và sử dụng hiệu quả lao động thuê ngoài. Thực hiện thuê ngoài các đối tượng lao động giản đơn như lao động bảo vệ, vệ sinh, tạp vụ hay chăm sóc khách hàng qua điện thoại, công nghệ thông tin, tiếp viên nhằm sử dụng lao động hiệu quả, tăng năng suất và tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

Chính sách phát triển nghề nghiệp

Phát triển nghề nghiệp nhằm xây dựng mục tiêu công việc của người lao động tương thích với nhu cầu phát triển của VNA. Xây dựng kế hoạch luân chuyển và phát triển nghề nghiệp giúp người lao động mở rộng, hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng và làm việc hiệu quả hơn; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có kế hoạch phát triển lên vị trí cao hơn hoặc chuyển tới vị trí công việc phù hợp năng lực, sở thích. Quy hoạch, lựa chọn, sàng lọc các lớp nguồn cán bộ quản lý các cấp; đào tạo trong công việc kết hợp với đào tạo cơ bản, dài hạn chính quy ở nước ngoài.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

VNA đã phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu mở rộng, tăng trưởng nhanh của sản xuất kinh doanh trong giai đoạn trước khi ảnh hưởng của dịch Covid 19. Lực lượng lao động đặc thù như người lái, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được quan tâm, chú trọng đầu tư cho phát triển, từng bước giảm số lao động phải thuê nước ngoài, đặc biệt là phi công. Đội ngũ cán bộ được tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo một cách hệ thống, toàn diện, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng.

Hàng năm, VNA triển khai đào tạo, huấn luyện, huấn luyện lại cho toàn bộ hệ thống, đặc biệt là lực lượng khai thác nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà chức trách và duy trì các hệ số an toàn cao, nghiêm ngặt trong khai thác. Đẩy mạnh việc áp dụng E-learning vào trong đào tạo, tăng thời gian, số lượng được đào tạo, tăng hiệu quả và giảm tối đa chi phí, nguồn lực.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, năm 2022-2024, VNA đã điều hành linh hoạt nguồn lực vừa đáp ứng yêu cầu giảm quy mô sử dụng lao động nhưng đồng thời duy trì năng định, chứng chỉ cho toàn bộ nguồn lực, nhằm đảm bảo tốt nhất, sẵn sàng đầy đủ lực lượng có cơ hội sản xuất kinh doanh và chiếm lĩnh thị trường khi thị trường vận tải hàng không dần phục hồi.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Không có

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Tổng Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2023: VNA hoạt động kinh doanh phát sinh lỗ và còn lỗ lũy kế. Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 quyết định không chia trả cổ tức các năm 2023 của VNA.

Năm 2024: VNA hoạt động kinh doanh có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025, VNA sẽ không chia cổ tức năm 2024.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không tiến hành chào bán ra công chúng trong vòng 02 (Hai) năm trở lại đây.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Về tranh chấp, kiện tụng liên quan đến VNA: theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của VNA tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của VNA, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Về nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tình hình tài chính của VNA bị suy yếu nghiêm trọng, dòng tiền bị thâm hụt lớn. Số công nợ phải trả quá hạn của VNA (công ty mẹ) đến 31/12/2024 là 7.056 tỷ đồng, tại 31/3/2025 là 6.335,6 tỷ đồng (chủ yếu là nợ tiền thuê máy bay, sửa chữa bảo dưỡng, chi phục vụ chuyến bay v.v...). Điều này có khả năng gây ra các rủi ro kiện tụng về mặt pháp lý cho VNA do các khoản nợ quá hạn trên nếu VNA không bố trí được tiền trả nợ.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

VNA cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VNA trong năm 2023, 2024 và Quý I năm 2025 như sau:

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất của VNA từ 2023 đến nay
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm)	3 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	57.716.931	58.186.614	0,81%	59.838.315
Doanh thu thuần	91.539.865	105.941.972	15,73%	30.550.973
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.977.736)	3.198.514	-	3.585.818
Lợi nhuận khác	615.127	5.217.128	748,14%	38.982
Lợi nhuận trước thuế	(5.362.609)	8.415.642	-	3.624.800
Lợi nhuận sau thuế	(5.631.748)	7.957.563	-	3.486.018
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh công ty mẹ của VNA từ 2023 đến nay
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm)	3 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	49.932.433	49.460.666	(0,94%)	51.934.824
Doanh thu thuần	68.443.061	82.757.004	20,91%	24.575.722
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.077.057)	2.289.704	-	3.019.061
Lợi nhuận khác	287.872	497.373	72,78%	24.462
Lợi nhuận trước thuế	(4.789.185)	2.787.077	-	3.043.523
Lợi nhuận sau thuế	(4.798.553)	2.775.409	-	3.043.523
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Năm 2023

Năm 2023, đại dịch COVID - 19 đã bị đẩy lùi, nhưng thế giới phải đối mặt với rất nhiều vấn đề mới về các xung đột chính trị cũng như tình hình suy thoái kinh tế. Theo số liệu phân tích từ nhiều tổ chức như Tổ chức hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến chỉ đạt 3% trong năm 2023, là mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Trong đó, tăng trưởng GDP của các nhóm các nước kinh tế phát triển chỉ đạt 1,3% do chịu tác động

nặng nề của việc thắt chặt chính sách tiền tệ và xung đột chính trị Nga - Ukraine. Tăng trưởng GDP ở nhóm các nước kinh tế đang phát triển đạt 3,9% nhưng phải chịu áp lực nhiều từ vấn đề nợ công.

Cùng chung các nhận định trên, Ngân hàng thế giới (WB) nhận định nền kinh tế toàn cầu vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và Ukraine cùng chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiềm chế lạm phát. Những động lực giúp phục hồi kinh tế toàn cầu những tháng đầu năm 2023 có sự suy giảm trong các tháng cuối năm.

Giá nhiên liệu bay năm 2023 ở mức 105,38 USD/thùng. Tại mức giá này, chi phí nhiên liệu năm 2023 tăng so với năm 2019 do yếu tố giá và tỷ giá khoảng hơn 6.100 tỷ đồng.

Tỷ giá bình quân (TGBQ) TH2023 USD/VND là 23.816, cao hơn TGBQ 2022 khoảng 1,7%. Tỷ giá VND/USD đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm 2023 là 24.240 đồng, tăng 670 đồng so với đầu năm. Tại mức tỷ giá này, chênh lệch chi - thu tỷ giá năm 2023 cao hơn 2019 là 549 tỷ đồng.

Mặt bằng lãi suất vay dài hạn USD trong năm 2023 duy trì ở mức cao do Ngân hàng dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) vẫn tiếp tục tăng lãi suất để chống lạm phát, tuy nhiên tại thị trường trong nước lãi suất vay bằng VND bình ổn dần dưới các tác động chính sách của NHNN. Do lãi suất tăng và tăng sử dụng tín dụng ngắn hạn, giãn hoãn nợ nhà cung cấp, chi phí lãi vay, LC và chi phí tài chính năm 2023 tăng so với năm 2019 hơn 400 tỷ đồng (mặc dù dư nợ vay dài hạn đã giảm mạnh do hoạt động trả nợ vay).

Trong năm 2023, phục hồi thị trường hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam diễn ra khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Tuy nhiên nhìn chung tốc độ phục hồi ở các tháng cuối năm đang diễn biến chậm hơn so dự kiến đầu năm, đặc biệt ở khu vực Đông Bắc Á. Khu vực Úc và Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất so 2019 khi các hãng hàng không liên tục đổ tải vào khu vực này với một loạt đường bay mới và tăng tần suất so cùng kỳ 2019. Khách tổng thị trường khu vực Châu Âu và Đông Bắc Á (bao gồm cả khách thuê chuyến chỉ đạt mức độ phục hồi lần lượt là 45% và 64% so 2019. Nguyên nhân chính là do chưa khai thác trở lại các đường bay đến Nga và sự phục hồi chậm từ các thị trường nguồn Hàn Quốc, Trung Quốc, Hongkong. Tại Đông Nam Á, thị trường diễn biến sôi động, mức độ phục hồi lên đến 99% so trước dịch đồng thời có sự dịch chuyển điểm đến tới các điểm thu hút du lịch tại Thái Lan và Indonesia. **Tính chung trong năm 2023, khách tổng thị trường (bao gồm thuê chuyến) đạt 31,6 triệu lượt khách, bằng 2,7 lần so với cùng kỳ, bằng 76,8% so 2019, và đạt 88,3% so dự báo đầu năm.**

Đối với nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại trong năm nay, mặc dù Q1/2023 có sự phục hồi rất tốt và tăng trưởng mạnh tới 18% so 2019, tuy nhiên thị trường chững lại ngay ở trong thời gian cao điểm hè và yếu dần trong các tháng thấp điểm, buộc các hãng phải có những điều chỉnh tải cung ứng để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, đảm bảo cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh. **Tính chung trong cả năm 2023, khách tổng thị trường nội địa đạt 40,14 triệu lượt khách giảm 6,9% so 2022 và tăng 7,5% so 2019, đạt 85,9% so dự báo đầu năm.**

Năm 2024

Trong năm 2024, môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen. Trong đó, thị trường hàng không quốc tế tiếp tục xu hướng phục hồi và tăng trưởng nhưng sức mua tại thị trường nội địa có suy yếu. Ngoài ra, các yếu tố vĩ mô và chi phí đầu vào có nhiều diễn biến bất lợi. Cụ thể:

- Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp như xung đột chính trị giữa Nga – Ukraine; giữa Israel – Hamas cũng như các biến động về tỉ giá các đồng tiền quan trọng;
- Giá nhiên liệu bay năm 2024 ở mức 96,32 USD/thùng. Tại mức giá này, chi phí nhiên liệu 2024 giảm 1.914 tỷ đồng so với KH.
- Tỷ giá bình quân (TGBQ) 2024 USD/VND là 24.989, cao hơn TGBQ 2023 khoảng 4,9%. Tỷ giá VND/USD đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm 2024 khoảng 25.505 đồng, tăng 1.265 đồng so với đầu năm. Với diễn biến tỷ giá như trên, chênh lệch chi – thu chênh lệch tỷ giá ghi nhận trong kết quả SXKD năm 2024 là 1.289 tỷ đồng, cao hơn KH khoảng 21 tỷ đồng.
- Mặt bằng lãi suất vay dài hạn USD tiếp tục duy trì mức cao trong 9 tháng đầu năm 2024 và chỉ bắt đầu giảm từ giữa tháng 9 khi FED hạ lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2022, tiếp đó trong các tháng cuối năm 2024 FED giảm lãi suất thêm 2 lần (tổng cộng cả năm giảm 1 điểm). Tại thị trường trong nước, lãi suất vay bằng VND trong quý 1 tương đối bình ổn, tuy nhiên lãi suất tăng trở lại từ cuối quý 2. Trong bối cảnh TCT phải vay nợ và nợ quá hạn nhà cung cấp với quy mô lớn do hậu quả của dịch Covid, việc lãi suất duy trì mức cao tiếp tục tạo áp lực lớn lên chi phí và kết quả SXKD của TCT.
- Việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu khiến và vấn đề triệu hồi động cơ của Pratt Whitney khiến giá thuê tàu, vật tư phụ tùng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng cao.
- Về tình hình thị trường hàng không đi/đến Việt Nam, Khách tổng thị trường quốc tế (bao gồm cả khách thuê chuyến) đạt 41 triệu khách, tăng 29,4% so cùng kỳ, thấp hơn 0,5% so 2019. Trong các nhóm đường bay thường lệ, tăng trưởng mạnh nhất là nhóm đường bay Úc và Ấn Độ do các hãng tăng cường khai thác thông qua việc mở nhiều đường bay mới. Nhóm đường bay phục hồi chậm nhất là Trung Quốc, Hongkong (mới phục hồi khoảng 55% so trước COVID).
- Khách tổng thị trường nội địa đạt 34,35 triệu khách, giảm 14,4% so cùng kỳ và giảm 7,9% so 2019. Nguyên nhân chủ yếu do vấn đề thiếu hụt tàu bay và sức mua của thị trường có suy yếu.

3 tháng đầu năm 2025

3 tháng đầu năm 2025 đã đi qua với nhiều yếu tố tích cực trong nước nhưng nhiều thách thức từ môi trường quốc tế. Tình hình kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng mạnh với sự thúc đẩy đầu tư công, hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistic, tăng trưởng xuất khẩu. Về cơ bản, các chỉ số kinh tế vĩ mô đều đạt mức tăng trưởng ổn định. Đây là tiền đề quan trọng để Việt Nam tiếp tục trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách quốc tế. Theo dữ

liệu từ Google, trong nửa đầu tháng 2 năm 2025, lượng tìm kiếm về du lịch Việt Nam tăng từ 30% đến 45% so với cùng kỳ năm trước. Các quốc gia có lượng tìm kiếm nhiều nhất bao gồm Hoa Kỳ, Úc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Anh, Canada, Đức và Malaysia. Đặc biệt, thành phố Hồ Chí Minh được tạp chí Condé Nast Traveler xếp vào danh sách "25 điểm đến tốt nhất năm 2025", nhấn mạnh sự phát triển về thiết kế và ẩm thực của thành phố.

Mặt khác, tình hình chính trị trên thế giới vẫn còn nhiều bất ổn như giữa Nga-Ukraine, khu vực Trung Đông dẫn đến nhiều rủi ro đối với nền kinh tế thế giới; giá nhiên liệu, tỷ giá vẫn ở mức cao, cùng với việc thiếu hụt nguồn lực tàu bay, đứt gãy chuỗi cung ứng phụ tùng vật tư vẫn chưa có nhiều cải thiện so với năm 2024 là những yếu tố chính có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hãng hàng không.

Về tình hình thị trường hàng không đi/đến Việt Nam, trong Quý 1/2025, khách tổng thị trường quốc tế (bao gồm thuê chuyến) ước đạt 11,7 triệu lượt, tăng 13,3% so cùng kỳ. Trong đó, tất cả các thị trường đều có mức tăng trưởng tốt so cùng kỳ, đặc biệt là nhóm thị trường Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất tiếp theo là nhóm Trung Đông.

Đối với thị trường nội địa, khách tổng thị trường quý I đạt 9,05 triệu lượt, tăng 3,6% so cùng kỳ. Các nhóm đường bay đều đạt tăng trưởng tốt, trong đó tăng mạnh nhất là đường bay Hà Nội – Đà Nẵng và TP.Hồ Chí Minh – Đà Nẵng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 23: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm)	31/03/2025
Vốn chủ sở hữu	(17.025.926)	(9.344.243)	(45,12%)	(5.854.243)
Vốn góp của chủ sở hữu	22.143.942	22.143.942	-	22.143.942
Thặng dư vốn cổ phần	1.220.498	1.220.498	-	1.220.498
Vốn khác của chủ sở hữu	241.355	241.355	-	241.355
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.153.004)	(1.153.004)	-	(1.153.004)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	154.285	209.550	35,82%	216.118
Quỹ đầu tư phát triển	933.114	933.114	-	933.114
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.024	2.024	-	2.024
Lỗ lũy kế	(41.057.410)	(33.614.194)	(18,13%)	(30.215.840)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	489.270	672.472	37,44%	757.549
Nợ phải trả	74.742.857	67.530.857	(9,65%)	65.692.558
Nợ ngắn hạn	61.171.298	57.159.225	(6,56%)	56.939.165

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm)	31/03/2025
Nợ dài hạn	13.571.558	10.371.632	(23,58%)	8.753.393
Tổng nguồn vốn	57.716.931	58.186.614	0,81%	59.838.315

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 24: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm)	31/03/2025
Vốn chủ sở hữu	(8.377.830)	(5.602.421)	(33,13%)	(2.558.898)
Vốn góp của chủ sở hữu	22.143.942	22.143.942	-	22.143.942
Thặng dư vốn cổ phần	1.220.498	1.220.498	-	1.220.498
Quỹ đầu tư phát triển	779.931	779.931	-	779.931
LNST chưa phân phối	(32.522.201)	(29.746.792)	(8,53%)	(26.703.269)
Nợ phải trả	58.310.263	55.063.087	(5,57%)	54.493.722
Nợ ngắn hạn	45.296.130	45.227.929	-	46.302.488
Nợ dài hạn	13.014.133	9.835.158	(24,43%)	8.191.234
Tổng nguồn vốn	49.932.433	49.460.666	(0,94%)	51.934.824

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị đã hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động theo mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là giá ưu đãi không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do tình thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức lợi ích được tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bảng 25: Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải mặt đất	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Trong giai đoạn 2020-2022, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2020-2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay} \\
 = \\
 \text{Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường} \\
 \times \\
 \text{Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay} \\
 \hline
 \text{Tổng giờ khai thác theo kế hoạch của loại máy bay đó}
 \end{array}$$

Từ năm 2023, VNA ngừng áp dụng chính sách khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng máy bay, động cơ theo giờ bay thực tế theo hướng dẫn kế toán riêng mà các cơ quan thẩm quyền đã phê duyệt áp dụng cho các năm 2020, 2021, 2022.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính như sau:

- Đối với chi phí khấu hao máy bay, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được phê duyệt riêng nêu trên tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

- Đối với chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, phần chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp phân bổ được phê duyệt riêng nêu trên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

b. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu thỏa các điều khoản của hợp đồng. Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán nêu trên.

Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 30 năm. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy vi tính: Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bảy năm.

2.1.3. Mức lương bình quân

Năm 2023-2024: Đại dịch covid đã chấm dứt, tuy nhiên hoạt động SXKD vẫn rất khó khăn. VNA đảm bảo duy trì và ổn định thu nhập cho người lao động, mức lương bình quân của VNA dần phục hồi về mức trước Covid-19, tăng tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành hàng không tại Việt Nam. Trong 3 tháng đầu năm 2025: Với dự báo kế hoạch SXKD năm 2025, ngay từ đầu năm, VNA đã điều chỉnh tăng chính sách tiền lương cho người lao động so với thực hiện 2024.

Bảng 26: Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)

Chức danh	2023	2024	Quý 1/2025
TLQB chung	37,6	47,3	40,8
Phi công	114,3	130,7	120,3
Tiếp viên	22,2	27,5	23,4
Cán bộ, nhân viên (trừ HĐQT và BGD)	23,4	30,0	20,8

Nguồn: VNA

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 27: Tổng công nợ hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tổng các khoản phải thu	7.753.968	9.190.202	10.374.783
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.121.737	7.322.324	8.467.781
Các khoản phải thu dài hạn	1.632.231	1.867.878	1.907.002
Tổng các khoản phải trả	74.742.857	67.530.857	65.692.558
Nợ ngắn hạn	61.171.298	57.159.225	56.939.165
Nợ dài hạn	13.571.558	10.371.632	8.753.393

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 28: Tổng công nợ công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tổng các khoản phải thu	5.310.790	6.697.574	7.755.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.706.304	4.848.326	5.868.277
Các khoản phải thu dài hạn	1.604.486	1.849.248	1.886.948
Tổng các khoản phải trả	58.310.263	55.063.087	54.493.722
Nợ ngắn hạn	45.296.130	45.227.929	46.302.488
Nợ dài hạn	13.014.133	9.835.158	8.191.234

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

Các khoản phải thu

Bảng 29: Các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.121.737	7.322.324	8.467.781
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.474.694	4.656.849	5.262.821
Trả trước cho người bán ngắn hạn	220.120	536.077	550.715
Phải thu ngắn hạn khác	1.758.027	2.453.682	2.996.678

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(331.104)	(324.283)	(342.434)
Các khoản phải thu dài hạn	1.632.231	1.867.878	1.907.002
Phải thu dài hạn của khách hàng	2.016	1.896	1.730
Phải thu dài hạn khác	1.632.370	1.870.611	1.909.735
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	(2.154)	(4.629)	(4.463)
TỔNG CỘNG	7.753.969	9.190.202	10.374.783

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Năm 2023, tổng nợ phải thu là khoảng 7.754 tỷ đồng, tăng 19,21% so với năm 2022 do sự gia tăng mạnh của Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng như Khoản phải thu ngắn hạn khác.

Năm 2024, tổng nợ phải thu hợp nhất là khoảng 9.190 tỷ đồng, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng 79,68%, còn lại là các khoản phải thu dài hạn. Trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn phần lớn là các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác. Phải thu dài hạn khác chiếm 20,32% với giá trị khoảng 1.868 tỷ đồng.

Kết thúc Quý I/2025, tổng các khoản phải thu hợp nhất của VNA đạt 10.375 tỷ đồng, tăng 12,89% so với đầu kỳ. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, đạt 8.468 tỷ đồng, tương đương 81,6% tổng nợ phải thu. Mức tăng này chủ yếu đến từ: (i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng đạt 5.263 tỷ đồng, tăng 13,01% so với đầu kỳ; và (ii) Phải thu ngắn hạn khác tăng mạnh lên mức 2.997 tỷ đồng, tăng 22,13%. Về các khoản phải thu dài hạn, giá trị ghi nhận tại ngày 31/03/2025 là 1.907 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,10% so với cuối năm trước. Trong đó, phải thu dài hạn khác tiếp tục chiếm phần lớn với giá trị 1.910 tỷ đồng.

Bảng 30: Các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.706.305	4.848.327	5.868.277
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.597.955	2.559.472	3.039.346
Trả trước cho người bán ngắn hạn	74.245	347.082	346.618
Phải thu ngắn hạn khác	1.314.094	2.215.893	2.774.667
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(279.990)	(274.120)	(292.353)
Các khoản phải thu dài hạn	1.604.486	1.849.248	1.886.948
Phải thu dài hạn khác	1.604.486	1.849.248	1.886.948
TỔNG CỘNG	5.310.790	6.697.575	7.755.226

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

Năm 2023, tổng nợ phải thu là hơn 5.310 tỷ đồng, tăng 31,34% so với năm 2022 (tương ứng với tăng 1.267 tỷ đồng). Tổng nợ phải thu năm 2023 tăng chủ yếu ở các khoản mục: phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 27,23% (tương đương 556 tỷ đồng) chủ yếu do khoản phải thu bán vé từ các đại lý bán và các hãng hàng không khác tăng mạnh, phải thu ngắn hạn và dài hạn khác tăng 40,66% (tương đương 843 tỷ đồng) chủ yếu do tăng các khoản công nợ phải thu quỹ đại tu, bồi thường bảo hiểm, phải thu khác).

Các khoản phải thu công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 đạt 6.698 tỷ đồng, tăng 26,1% so với năm 2023, chủ yếu gia tăng ở khoản mục phải thu khác ngắn hạn khác và các khoản phải thu dài hạn. Trong đó các khoản phải thu ngắn hạn chiếm khoảng 72,39%, phải thu dài hạn chiếm 27,61%.

Tính đến ngày 31/03/2025, tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ đạt 7.755 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cuối năm 2024 chủ yếu ở khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác. Trong cơ cấu các khoản phải thu, các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 5.868 tỷ đồng (tương đương 75,67% tổng nợ phải thu). Về các khoản phải thu dài hạn, giá trị ghi nhận ở mức 1.887 tỷ đồng, chiếm 24,33% tổng nợ phải thu. Trong đó, toàn bộ là khoản phải thu dài hạn khác, tăng nhẹ 2,04% so với cuối năm 2024.

VNA thực hiện công tác quản lý công nợ phải thu, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý nợ khó đòi theo quy định hiện hành của Nhà nước và chính sách của VNA.

Tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và ngày 31/03/2025, VNA có khoản phải thu quá hạn như sau:

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

Bảng 31: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Đối tác	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	263.052	(141.091)	121.961	319.374	(219.802)	99.572	321.344	(236.373)	84.971
Air Fast Ticket Group	5.429	(5.429)	0	2.965	(2.965)	0	3.098	(3.098)	0
Các đối tượng khác	239.643	(186.737)	52.906	112.130	(106.144)	5.986	110.570	(107.453)	3.117
Tổng	508.125	(333.258)	174.867	434.469	(328.912)	105.557	435.012	(346.924)	88.088

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán của VNA, số liệu tài chính của VNA

Bảng 32: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Đối tác	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	263.052	(141.091)	121.961	319.374	(219.802)	99.572	321.344	(236.373)	84.971
Air Fast Ticket Group	5.429	(5.429)	0	2.965	(2.965)	0	3.098	(3.098)	0
Các đối tượng khác	181.638	(133.469)	48.169	53.603	(51.353)	2.251	55.254	(52.882)	2.372
Tổng	450.120	(279.990)	170.130	375.943	(274.120)	101.822	379.696	(292.353)	87.343

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán của VNA, số liệu tài chính của VNA

VNA xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31/12/2024, theo báo cáo tài chính hợp nhất, VNA có các khoản phải thu khó đòi với tổng giá gốc là 434 tỷ đồng, trong đó số có khả năng thu hồi là 106 tỷ đồng. Công ty mẹ có số phải thu khó đòi 376 tỷ đồng, trong đó số có khả năng thu hồi là 102 tỷ đồng. Nguyên nhân lớn nhất phát sinh phải thu quá hạn trong VTHK do một số đối tác là các hãng hàng không đã phá sản, một số đại lý bán vé (BSP) đã ngừng hoạt động nên không có khả năng thu hồi.

Tại ngày 31/03/2025, các khoản phải thu khó đòi hợp nhất và công ty mẹ lần lượt tăng thêm khoảng 0,54 và 3,75 tỷ đồng, trích lập dự phòng tăng thêm 18,01 và 18,23 tỷ đồng. Giá trị có thể thu hồi hợp nhất là 88 tỷ đồng, công ty mẹ là 87 tỷ đồng.

Các khoản phải trả

Bảng 33: Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	61.171.298	57.159.224	56.939.165
Phải trả người bán ngắn hạn	30.797.349	30.504.307	28.286.186
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	211.266	216.644	208.420
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	321.377	365.666	340.239
Phải trả người lao động	1.214.048	1.764.495	1.433.132
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.869.933	7.038.029	9.689.857
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.215.909	1.666.062	1.686.408
Phải trả ngắn hạn khác	1.300.451	684.734	780.616
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.561.781	14.311.200	13.976.034
Dự phòng phải trả ngắn hạn	8.685	9.151	13.501
Quỹ khen thưởng phúc lợi	670.500	598.936	524.772
Nợ dài hạn	13.571.558	10.371.632	8.753.393
Phải trả người bán dài hạn	763.215	268.738	134.687
Chi phí phải trả dài hạn	1.528.272	2.326.103	1.442.340
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.379	3.114	6.489
Phải trả dài hạn khác	1.315.649	1.377.452	1.297.950
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.806.279	6.171.600	5.647.409
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	156.764	224.625	224.518
NỢ PHẢI TRẢ	74.742.857	67.530.856	65.692.558

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến hết quý 1 năm 2025, tổng nợ phải trả hợp nhất giảm liên tục trong cả năm 2024 và quý I/2025 (tổng giảm 12,1% so với cuối 2023). Tại thời điểm 31/3/2025, tổng nợ phải trả hợp nhất của VNA đạt 65.693 tỷ đồng, giảm 1.838 tỷ đồng (tương đương giảm 2,72%) so với cuối năm 2024 và giảm 9.050 tỷ đồng (tương đương giảm 12,1%) so với cuối năm 2023. Nợ phải trả hợp nhất giảm chủ yếu do việc thanh toán các khoản nợ vay và thuê tài chính, việc thanh toán dần nợ quá hạn tại công ty mẹ và xóa nợ quá hạn tại công ty con Pacific Airlines; trong khi các khoản công nợ phải trả khác có xu hướng tăng trở lại theo qui mô SXKD phục hồi. Trong cơ cấu nợ phải trả tại 31/3/2025, nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn chiếm 86,7% tổng nợ phải trả (đạt 56.939 tỷ đồng), nợ dài hạn chiếm 13,3% tổng nợ phải trả (đạt 8.753 tỷ đồng).

Bảng 34: Các khoản phải trả công ty mẹ
Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	45.296.130	45.227.929	46.302.488
Phải trả người bán ngắn hạn	23.277.560	26.277.774	25.374.524
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	77.069	78.667	80.507
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.014	50.902	71.637
Phải trả người lao động	552.114	800.589	755.464
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.712.790	4.653.041	7.084.075
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.211.245	1.656.954	1.675.328
Phải trả ngắn hạn khác	889.680	256.254	279.729
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.964.591	10.970.216	10.529.244
Quỹ khen thưởng phúc lợi	571.065	483.533	451.980
Nợ dài hạn	13.014.133	9.835.159	8.191.234
Phải trả người bán dài hạn	763.215	268.738	134.687
Chi phí phải trả dài hạn	1.528.272	2.326.103	1.442.340
Phải trả dài hạn khác	1.260.909	1.321.154	1.243.334
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.461.737	5.919.164	5.370.873
NỢ PHẢI TRẢ	58.310.263	55.063.088	54.493.722

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

Theo số liệu BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, nợ phải trả của VNA tại thời điểm 31/12/2023 là 58.310 tỷ đồng, tăng 0,97% so với năm 2022. Trong đó nợ phải trả dài hạn là 13.014 tỷ đồng, giảm 32,19%, nợ phải trả ngắn hạn là 45.296 tỷ đồng, tăng 17,48% so với năm 2022. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2023, nợ phải trả dài hạn chiếm 22,32%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 77,68%.

Theo số liệu BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán, tình hình nợ phải trả của VNA có biến động nhỏ so với 2023. Tại thời điểm 31/12/2024 tổng nợ phải trả là 55.063 tỷ

đồng, giảm 5,66% so với năm 2023. Trong đó nợ phải trả dài hạn giảm còn 9.835 tỷ đồng, giảm 24,43%, nợ phải trả ngắn hạn là 45.228 tỷ đồng, giảm 0,15% so với năm 2023.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/3/2025 là 54.494 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,04% so với cuối năm 2024. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn tăng nhẹ lên 46.302 tỷ đồng (+2,37%), tiếp tục chiếm phần lớn tổng nợ phải trả (84,95%);
- Nợ dài hạn giảm còn 8.191 tỷ đồng, tương ứng giảm 16,72% so với cuối kỳ trước.

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Tại thời điểm 31/12/2024, VNA không có nợ vay quá hạn tại các Tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, VNA (công ty mẹ) có phát sinh các khoản công nợ quá hạn là 7.056 tỷ đồng. Tổng số nợ quá hạn này bao gồm nợ quá hạn của các hóa đơn từ 1 – trên 12 tháng (phát sinh từ khi đại dịch Covid-19 xảy ra), tỷ trọng nợ quá hạn chủ yếu nằm trong nhóm nợ từ 1-6 tháng (chiếm 85,2% tổng số nợ quá hạn). Nguyên nhân phát sinh nợ quá hạn do tác động ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, VNA phải dừng toàn bộ đường bay quốc tế thường lệ, chỉ thực hiện các chuyến bay giải cứu công dân, một số chuyến bay chở hàng trong khi vẫn phải thanh toán các khoản chi phí cố định (thuê tàu bay, phí đỗ tàu bay, bảo dưỡng sửa chữa...). Trên đường bay nội địa, doanh thu cũng bị sụt giảm nghiêm trọng.

Phương án xử lý các khoản công nợ quá hạn: VNA chủ động giãn hoãn và đàm phán, thỏa thuận giãn hoãn thanh toán với các đối tác. VNA cân đối từ các nguồn để thanh toán số nợ chủ động với nguyên tắc thanh toán dần các khoản nợ cũ để rút ngắn thời gian nợ với các đối tác.

Thông tin chi tiết các khoản công nợ quá hạn tại ngày 31/03/2025 như sau:

Bảng 35: Thông tin các khoản nợ quá hạn tại 31/03/2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	NHÀ CUNG CẤP	Số nợ phải trả tại 31/3/2025	Dự kiến thời hạn trả nợ
I	NỢ QUÁ HẠN	6.336	Năm 2025-2026
1	DỊCH VỤ KỸ THUẬT, NHIÊN LIỆU, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG		
1.1	Rolls Royce PLC	970,07	
1.2	KLM ENGINEERING & MAINTENANCE	211,13	
1.3	INTERNATIONAL AERO ENGINES,LLC	190,67	
1.4	IAE/MTU/AMECO	517,74	
1.5	PRAT & WHITNEY	127,28	
1.6	PWEL	74,93	

STT	NHÀ CUNG CẤP	Số nợ phải trả tại 31/3/2025	Dự kiến thời hạn trả nợ
1.7	ST ENGINEERING AEROSPACE SYSTEMS PTE LTD	25,15	
1.8	WILLIS	79,17	
1.9	AIR FRANCE, AFHS	15,96	
1.10	CÁC CÔNG TY KHÁC	143,64	
2	DỊCH VỤ CHUYẾN BAY		
2.1	TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (ACV)	2.633,20	
2.2	CIT/AVOLON	494,02	
2.3	DAE	176,75	
2.4	CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)	463,4	
3	CÁC ĐỐI TÁC KHÁC	212,45	

Về giải pháp khắc phục, VNA sẽ sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phần này để thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn, nợ đến hạn, trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn (chi tiết tại *Bảng 51: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến*).

Tổng dư nợ vay qua các năm

Bảng 36: Chi tiết các khoản vay hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (1+2+3)	17.561.780	14.311.200	13.976.034
Trong đó:			
1. Vay ngắn hạn	12.055.763	10.102.265	9.785.436
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.379.819	1.977.206	1.977.206
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.395.093	3.961.387	3.417.807
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.389.577	1.651.199	1.676.838
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	584.131	421.232	555.528

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	623.376	446.539	548.553
Kestrel Aviation Ireland No. 1 Limited	222.156	233.018	234.367
Ngân hàng Quân Đội	346.132	231.275	123.227
Ngân hàng HSBC Việt Nam	45.454	108.975	109.606
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	-	55.523	61.170
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	15.911	24.910
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	1.196.055	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	580.697	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	-	56.224
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	293.273	-	-
2. Vay dài hạn đến hạn trả	1.542.128	1.263.858	1.462.341
3. Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.963.889	2.945.077	2.728.257
II. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (1+2-3)	9.806.279	6.171.600	5.647.409
Trong đó:			
1. Nợ thuê tài chính dài hạn	10.153.309	6.512.423	5.758.968
Ngân hàng Citibank	2.269.233	1.223.387	1.039.030
Ngân hàng JP Morgan Chase	660.241	-	-
Ngân hàng HSBC	814.237	471.305	377.846
Tập đoàn ING	5.349.097	3.925.057	3.504.061
Ngân hàng MUFG	1.060.500	892.675	838.031
2. Vay dài hạn	5.158.988	3.868.112	4.079.038
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.923.157	2.166.078	2.391.278
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	831.546	505.456	508.715
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	582.691	511.243	511.944
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	323.698	232.563	205.444

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	198.743	167.452	167.681
Ngân hàng TNHH Indovina	167.023	140.726	140.920
Ngân hàng TMCP Quân Đội	43.667	54.689	71.655
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	28.671	13.148	7.592
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	27.964	56.698	51.813
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	24.122	14.186	11.702
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	7.707	5.873	10.294
3. Trừ các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	5.506.017	4.208.935	4.190.599
Tổng cộng (I+II)	27.368.060	20.482.800	19.623.443

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 37: Chi tiết các khoản vay Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (1+2+3)	13.964.591	10.970.216	10.529.244
Trong đó:			
1. Vay ngắn hạn	8.641.366	6.941.067	6.786.952
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.379.819	1.977.206	1.977.206
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.694.823	2.963.889	2.609.774
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.739.972	999.972	999.972
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	1.196.055	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	580.697	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000	-	-

Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	200.000
2. Vay dài hạn đến hạn trả	1.359.336	1.084.072	1.014.035
3. Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.963.889	2.945.077	2.728.257
II. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (1+2-3)	9.461.737	5.919.163	5.370.873
Trong đó:			
1. Nợ thuê tài chính dài hạn	10.153.309	6.512.423	5.758.969
Ngân hàng Citibank	2.269.233	1.223.387	1.039.030
Ngân hàng JP Morgan Chase	660.241	-	-
Ngân hàng HSBC	814.237	471.305	377.846
Tập đoàn ING	5.349.097	3.925.057	3.504.061
Ngân hàng MUFG	1.060.500	892.675	838.031
2. Vay dài hạn	4.631.653	3.435.889	3.354.196
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.900.547	2.146.308	2.062.846
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	782.650	470.160	470.805
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	582.691	511.243	511.944
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	198.743	167.452	167.681
Ngân hàng TNHH Indovina	167.023	140.726	140.920
3. Trừ các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	5.323.225	4.029.148	3.742.292
Tổng cộng (I+II)	9.461.737	5.919.163	15.900.117

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 38: Các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Thuế GTGT	77.849	40.764	49.833
Thuế TNDN (*)	126.015	189.807	137.777
Thuế thu nhập cá nhân	52.543	70.617	89.718
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.503	6.090
Thuế bảo vệ môi trường	53.590	54.248	55.776
Thuế nhà thầu	8.427	1.723	1.028
Thuế, Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.953	5	16
Tổng cộng	321.377	365.666	340.238

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 39: Các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Thuế GTGT	347	341	238
Thuế thu nhập cá nhân	31.483	49.267	70.538
Thuế nhà thầu	8.185	1.294	861
Tổng cộng	40.015	50.902	71.637

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

VNA luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Cụ thể, VNA luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế bao gồm thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế bảo vệ môi trường, thuế nhà thầu và các khoản thuế khác theo quy định của Nhà nước.

2.1.6. Trích lập các quỹ

Bảng 40: Tình hình trích lập các quỹ (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (cuối kỳ)	670.500	598.936	524.772
Số dư đầu kỳ	756.601	670.500	598.936

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Trích lập trong năm	82.943	112.316	-
Sử dụng trong năm	(168.487)	(183.547)	(74.164)
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ	(558)	(333)	-
Quỹ Đầu tư phát triển (cuối kỳ)	993.114	993.114	993.114
Tổng	1.633.614	1.592.050	1.517.886

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của VNA

Bảng 41: Tình hình trích lập các quỹ (công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (cuối kỳ)	571.065	483.533	451.980
Số dư đầu kỳ	659.560	571.065	483.533
Trích lập trong năm	184	187	-
Sử dụng trong năm	(88.688)	(87.719)	(31.553)
Quỹ Đầu tư phát triển (cuối kỳ)	779.931	779.931	779.931
Tổng	1.350.996	1.263.464	1.231.911

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý I/2025 của VNA

Do tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn năm 2023, ĐHĐCĐ thường niên 2024 quyết định không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi.

VNA thực hiện việc trích lập các quỹ theo Quyết định của ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và các quy định khác về trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, bao gồm:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của VNA kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2024

Giá nhiên liệu biến động

Việc biến động của chi phí nhiên liệu có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA, nếu giá nhiên liệu bay trung bình/năm thay đổi 1 USD sẽ khiến chi phí khai thác của VNA thay đổi khoảng 265 tỷ đồng/năm. Nhiên liệu máy bay sử dụng cho

ngành hàng không được sản xuất bằng cách chưng cất dầu thô. Triển vọng tăng giá dầu được hỗ trợ bởi những dự báo lạc quan về nhu cầu tiêu thụ, khi kinh tế Mỹ, Trung Quốc và châu Âu đều đang phục hồi nhanh từ cú sốc mà đại dịch Covid-19 gây ra. Những nhận định tích cực từ liên minh OPEC+ và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) trong tuần này cũng góp phần quan trọng đưa dầu tăng giá. Giá dầu SingJet Kerosene trung bình năm 2025 được dự báo khoảng 83-85 USD/thùng, giảm 11,3 USD/thùng so với cùng kỳ.

Tỷ giá USD/VND

VNA chịu sức ép về biến động tỷ giá do có nhiều khoản vay bằng đồng ngoại tệ, đặc biệt các khoản vay bằng đồng USD. Trong năm 2025, trước những biến động của kinh tế thế giới và đặc biệt là sự bất ổn trong chính sách thuế quan của Mỹ, tỉ giá USD/VND trên thị trường Việt Nam đang có những biến động khó dự đoán, tuy nhiên mức độ biến động tỷ giá USD/VND trong giai đoạn tới còn phụ thuộc nhiều vào các diễn biến tiếp theo về thương mại, thuế quan và các chính sách của FED và NHNN. Những biến động bất thường của tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD có thể tác động đáng kể đến kết quả SXKD của VNA.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,24	0,30
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,19	0,24
<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	1,29	1,16
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	(4,39)	(7,23)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	1,55	1,83
+ Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Lần	6,73	6,58
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	27,80	27,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	-	7,51
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	-	13,73
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	-	-
+ Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	(2.678)	3.416

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán của VNA

Bảng 43: Các chỉ tiêu tài chính công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,15	0,18
+ Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,14	0,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	1,17	1,11
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	(6,96)	(9,83)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	1,31	1,67
+ Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Lần	11,20	11,12
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	234,27	245,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	-	3,35

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	-	5,58
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán của VNA

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2023 được kiểm toán của VNA ngày 29/03/2024

3.1.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến nhấn mạnh lưu ý người đọc tới:

Thuyết minh số 2 (c) phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của VNA vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 38.646 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của VNA là 8.859 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 8.378 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, VNA có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 4.799 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu hiện đang được các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính riêng này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 3.

3.2. Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của VNA ngày 29/3/2024

3.2.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến nhấn mạnh lưu ý người đọc tới:

Thuyết minh số 2 (c) phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của VNA và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 46.287 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của VNA và các công ty con là 13.743 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 17.026 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, VNA và các công ty con có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 5.632 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu hiện đang được các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tổ chức kiểm toán cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính riêng này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 3.

3.3. Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 được kiểm toán của VNA ngày 31/03/2025

3.3.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến nhấn mạnh lưu ý người đọc tới:

Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính riêng này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 36.995 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty là 7.056 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 5.602 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính riêng này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 3. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại các Thuyết minh số 12, 13 và 15 của báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của các vấn đề cần nhấn mạnh trên.

3.4. Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán của VNA ngày 31/03/2025

3.4.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.4.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến nhấn mạnh lưu ý người đọc tới:

Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.822 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con đến hạn trả là 10.812 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 9.394 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu

vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Những điều kiện này, cùng các yếu tố khác được trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 3. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại các Thuyết minh số 12, 13 và 17 của báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Bảng 44: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024 (Tỷ đồng)	Năm 2025	
		Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/ giảm KH 2025 so với TH 2024
Vốn chủ sở hữu hợp nhất	(9.344)	4.475	-
+ <i>Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ</i>	(5.602)	7.566	-
Tổng Doanh thu hợp nhất	112.777	116.715	103,49%
+ <i>Tổng doanh thu Công ty mẹ</i>	84.478	93.283	110,42%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	7.958	5.119	64,33%
+ <i>Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	2.775	4.168	150,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Tổng Doanh thu hợp nhất	7,06%	4,39%	62,15%
+ <i>Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Tổng Doanh thu Công ty mẹ</i>	3,28%	4,47%	136,02%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu hợp nhất	-	114,39%	-

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024 (Tỷ đồng)	Năm 2025	
		Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/ giảm KH 2025 so với TH 2024
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ	-	55,09%	-
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-

Nguồn: Báo cáo Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025 của VNA

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại Báo cáo Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025 (chi tiết tại Tờ trình số 1046/TTr-TCCHK-HĐQT ngày 24/6/2025). ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của VNA đã thông qua một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của VNA năm 2025 tại Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nói trên

Năm 2025, dự kiến quy mô thị trường vận tải hàng không sẽ tiếp tục hồi phục, tuy nhiên mức độ cạnh tranh cũng tăng lên do hãng HK nội địa nhận thêm tàu bay từ cuối năm 2024 và các hãng HK quốc tế cũng đang phục hồi mạnh tải cung ứng. Do đó, sản lượng dự kiến tăng so với số liệu năm 2024. Dự kiến các yếu tố đầu vào như tỷ giá và giá nhiên liệu vẫn tiềm ẩn nhiều khả năng biến động phức tạp. Trên cơ sở thận trọng, VNA dự kiến điều chỉnh tỷ giá bình quân 2025 khoảng 25.750 VND/USD, dự kiến giá nhiên liệu bay ở mức bình quân khoảng 84,6 USD/thùng.

Bảng 45: Kế hoạch sản lượng thực hiện năm 2025 của VNA

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025
I. Hành khách		
1. Số chuyến bay	nghìn chuyến 2 chiều	156,5
2. Khách vận chuyển	triệu lượt khách	25,39
3. Khách luân chuyển (RPK)	tỷ HK.km	41,84
4. Ghế luân chuyển (ASK)	tỷ ghế.km	51,12
5. Ghế suất	%	81,8%
6. Tấn thực hiện (RTK)	Tỷ tấn.km	4,89
II. Hàng hóa		
1. Sản lượng hàng hóa	Nghìn Tấn	346,2
2. Hàng hóa luân chuyển (RFTK)	Triệu tấn.km	1.129

Nguồn: Báo cáo Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025 của VNA

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, VNA đã đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

4.2.1. Giải pháp về thương mại

Các giải pháp về thương mại của VNA gồm:

- Chủ động xây dựng các phương án điều hành theo các kịch bản kế hoạch; Nâng cao năng lực quản trị, điều hành về sản phẩm, giá, chỗ bám sát diễn biến thị trường để tận dụng phát huy tối đa quy mô của Tổng Công ty.
- Xây dựng và điều hành KPI cho từng thị trường bám sát theo các phân thị mục tiêu, và các giả định tại thời điểm lập kế hoạch, tăng cường công tác đánh giá, giám sát, điều chỉnh chính sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu tổng mạng.
- Chủ động trong công tác tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh hoạt động sales visit để tăng cơ hội bán thuê chuyến đặc biệt vào những khoảng trống của tàu được cập nhật hàng tuần.
- Đảm bảo công tác quản trị slot nội địa tối ưu, hiệu quả, phù hợp với các quy định của Cục hàng không; xây dựng quy trình quản lý slot phù hợp với cơ chế mới của Cục hàng không.
- Rà soát kỹ kênh lớp mạng bán tối ưu theo tập quán tại thị trường và đảm bảo mạng lưới đại lý bán cho VNA đóng góp ít nhất 80% trên toàn thị trường; mở rộng mạng bán tới các khu vực thị trường mới.
- Chuyển đổi và ứng dụng hiệu quả hệ thống quản trị doanh thu theo O&D tối ưu doanh thu toàn mạng; đồng thời làm chủ và phát huy tốt các tính năng của hệ thống PSS mới, nâng cao hiệu quả công tác bán. Tăng cường bán khách doanh thu cao qua việc truyền thông quảng cáo nhấn mạnh vào quyền lợi của khách; triển khai bán Pre Eco Nội địa; đẩy mạnh truyền thông chương trình CA Loyalty LotusBiz dành cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác bán mạng thông qua: đẩy bán sản phẩm nội địa hỗ trợ cho quốc tế (sản phẩm kết hợp đến các điểm đến biển CXR/PQC...), tăng bán thương quyền 6 để lấp đầy chuyến bay mùa thấp điểm; linh hoạt điều hành bán cross border sales (thương mại xuyên biên giới); mở rộng bán hợp tác, SPA, Interline và các hình thức hợp tác khác trên sản phẩm của đối tác kèm chỉ tiêu KPI điều hành.
- Phát huy và tăng cường công tác bán chủ động xa ngày vừa là quản trị doanh thu vừa là thông điệp tới khách hàng có thói quen lập kế hoạch mua sớm sẽ thuận tiện cho hãng hàng không dễ dàng linh hoạt hơn trong điều hành; luân phiên triển khai các chương trình bán sớm, bán lịch đầu dành cho OTA và kênh bán online; triển khai các chương trình bán ưu đãi để lấp đầy chuyến bay tối muộn, sáng sớm.
- Tăng cường công tác bán theo chân khách thông qua xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp, đúng nhu cầu của từng đối tượng khách đặc thù (tour, lao động, thuyền viên, du học,...) để tăng khả năng lấp đầy trong thấp điểm.
- Ứng dụng, phát huy hiệu quả công cụ B2B/B2C salesforce để quản trị, tương tác, kết nối với hành khách, khách hàng lớn CA, đại lý, công ty du lịch; nắm rõ/chắc các nguồn khách hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả bán ổn định, lâu dài; cá nhân hóa quá trình bán và phục vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Nâng cấp, sửa đổi chính sách và chương trình B2B chi trả Chiết khấu thương mại booker theo hướng chi trả trực tiếp và nhanh chóng cho người bán, tạo động lực khuyến khích người bán trực tiếp tăng bán cho Tổng Công ty. Khuyến khích cán bộ

công nhân viên tham gia quá trình bán vé và phục vụ khách hàng trực tiếp vừa tạo thêm thu nhập vừa là những thành viên tích cực tiếp thị truyền thông sản phẩm của Tổng Công ty tới khách hàng.

- Triển khai bán qua hình thức phân phối mới NDC nhằm tiết kiệm chi phí GDS và hướng tới trải nghiệm thân thiện, hiện đại hơn cho khách hàng.
- Từng bước nghiên cứu triển khai thu phí GDS tại các thị trường, thí điểm đầu tiên tại thị trường Việt Nam.
- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các địa phương, đối tác hợp tác toàn diện/chiến lược, đặc biệt là các đơn vị trọng điểm trong ngành du lịch để cùng phát động kích cầu du lịch, triển khai các chương trình ưu đãi, tăng sức hấp dẫn cho các điểm đến nội địa Việt Nam; xây dựng và tham gia chia sẻ kinh phí tại các hội chợ roadshow quốc tế, các sự kiện xúc tiến do Tổng Công ty cũng như các đối tác tổ chức; qua đó tăng sự kết nối, nâng cao lan tỏa, nâng tầm thương hiệu của Tổng Công ty.
- Tăng cường ký thỏa thuận/hợp đồng hợp tác CA với các doanh nghiệp lớn tại thị trường và phát triển đối tượng khách hàng trọng tâm này.
- Tiếp tục mở rộng và nâng cấp hợp tác bạn hàng: Mở rộng hợp tác với thêm với các OTA/TMC toàn cầu để chủ động lấp đầy các chuyến bay thấp điểm thông qua bán mạng và tăng bán khách doanh thu cao;
- Sử dụng linh hoạt, hiệu quả chi Hoa hồng & Chiết khấu thương mại (CKTM) để phát động bán khi cần thiết: giảm hoa hồng về mức tối thiểu, thay bằng CKTM trên toàn mạng; Tiếp tục gia tăng ưu đãi dành cho đại lý để khuyến khích bán và nâng tỷ trọng khách doanh thu cao;
- Chính sách chăm sóc khách hàng quan trọng: Phát huy chính sách bạn hàng Platinum Agent tại thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài, Tiếp tục mở rộng các Đại lý cấp độ khu vực, cấp độ toàn cầu và Mở rộng hình ảnh tại thị trường quốc tế.
- Tiếp tục phát triển hội viên Bông sen vàng. Đẩy mạnh hợp tác hàng không, phi hàng không và nâng cao chất lượng phục vụ hội viên đồng thời mở rộng các kênh phân phối bán dặm, thẻ Bông sen vàng.
- Không ngừng ưu tiên đẩy mạnh công tác bán online (web/app) để theo kịp xu thế thương mại điện tử trên thế giới và cũng để tiết giảm chi phí bán.
- Triển khai xây dựng website mới thân thiện, thông minh nắm được chân khách để đưa ra những lời chào mời hấp dẫn đến mỗi cá nhân khách hàng.
- Tập trung khai thác các tệp khách hàng định danh mua qua kênh online (website/mobile App) của TCT.
- Mở rộng kênh bán online thông qua việc kết nối với các sàn thương mại điện tử, ví điện tử, meta search, các ứng dụng thương mại điện tử khác.
- Triển khai công tác Digital Marketing trên hầu hết các nền tảng số: SEO, SEM, Affiliate Marketing, Wifi Marketing, Display trên Metasearch, OTT...

- Tiếp tục mở rộng hình thức thanh toán ở các thị trường nước ngoài: 2C2P, Apple Pay...
- Hoàn thiện chuỗi dịch vụ self-service cho khách hàng trên kênh online.
- Đẩy mạnh doanh thu bán các sản phẩm bổ trợ (Ancillary): Đối với dịch vụ chọn trước chỗ ngồi, tiếp tục gỡ Q block đường bay nội địa, bán dịch vụ trong luồng check-in, đẩy mạnh hoạt động truyền thông quảng cáo, gia tăng quyền lợi cho người bán; Đối với nâng hạng, triển khai bán nâng hạng giờ chót, nghiên cứu việc hợp tác với đối tác bán đấu giá nâng hạng; Xây dựng thêm các sản phẩm và chương trình bán gói dịch vụ bao gồm vé máy bay và sản phẩm bổ trợ; Tiếp tục mở rộng bán hành lý sân bay tại các sân bay trong và ngoài nước.
- Hoạt động thương mại hàng hóa:
 - Quốc tế: Tiếp cận các nguồn hàng lớn trên thị trường và đàm phán ký kết hợp tác trực tiếp/gián tiếp với các nhà sản xuất tại các khu công nghiệp lớn; Tăng cường hợp tác 3 bên giữa Vietnam Airlines, Công ty giao nhận và Nhà sản xuất; Tăng cường hợp tác với các khách hàng Global như Nippon/ Fast Retailing/ DHL Express/ Kuehne Nagel/ Schenker... nhằm tăng tỷ trọng các global FWD trong kênh bán VN để duy trì ổn định nguồn hàng, tạo tiền đề cho hợp tác toàn cầu; Đa dạng hóa sản phẩm bằng việc hợp tác với các hãng (TK, FX, NH, UPS, KE...); Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Xây dựng, triển khai module Quản trị Doanh thu trên nền tảng Salesforce (CRM); Tập trung triển khai E-Awb tại các thị trường nước ngoài.
 - Nội địa: Tăng cường quản trị giá bình quân trên các chuyến bay khung giờ sáng sớm, tối muộn trên đường trục Hà Nội-Tp.HCM-Hà Nội; Đẩy mạnh bán hàng PKT nhằm lấp đầy chuyến bay khung giờ từ 10h-19h trên Hà Nội-Tp.HCM-Hà Nội; Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả kênh bán nội địa, đặc biệt mở rộng hệ thống kênh bán tại các sân bay địa phương; Tăng cường hoạt động tiếp thị chủ động đến các nông trại, vừa thủy sản...

4.2.2. Giải pháp khai thác

- Các giải pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động Khai thác bay:
 - Tăng cường quản lý, nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn, thường xuyên khuyến cáo về các rủi ro tiềm ẩn, gây uy hiếp an toàn.
 - Nâng cao số lượng, chất lượng điều tra, giảng bình các sự vụ an toàn khai thác
 - Bám sát các chương trình đánh giá LOSA, AOC, IOSA để hoàn thiện và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn trong hoạt động khai thác và huấn luyện bay.
 - Tăng cường kiểm tra đánh giá việc cập nhật thông tin an toàn khai thác bay của phi công.
 - Nâng cao nhận thức và vai trò của cán bộ nhân viên về văn hóa an toàn, báo cáo tự nguyện.
- Các giải pháp điều hành:

- Điều hành hiệu quả theo KPI, định mức, MCMR; tối ưu hóa nguồn lực, hành trình máy bay, tổ bay.
- Tiếp tục nghiên cứu, làm việc với Nhà chức trách rút ngắn đường bay, phương thức bay.
- Duy trì chất lượng điều hành lịch bay, đạt chỉ số đúng giờ OTP đi/đến đạt 85%/82%.
- Các giải pháp đảm bảo nguồn lực, đào tạo, phát triển phi công, Điều phái:
 - Xây dựng chính sách thu nhập đủ sức cạnh tranh với thị trường để duy trì nguồn lực PC hiện có.
 - Tăng cường huấn luyện chuyển loại B787 để đảm bảo nguồn lực khai thác.
 - Triển khai kế hoạch áp dụng Phương thức đào tạo mới đánh giá dựa trên bằng chứng và năng lực (EBT/CBTA) cho phi công theo tiến độ đã báo cáo CHK.
 - Rà soát, đánh giá năng lực điều phái, bổ sung nguồn dự phòng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho điều phái, huấn luyện nguồn TBT.
- Các giải pháp quản trị:
 - Tiếp tục hoàn thiện mô hình điều phái tập trung nâng cao chất lượng điều phái, năng suất lao động:
 - Chuyển đổi số: Đưa vào khai thác hệ thống Ứng dụng MOPlus mới (dự kiến tháng 3/2025), sử dụng toàn bộ tài liệu KHB điện tử, eBriefing.
 - Đổi mới Trung tâm Briefing, quy trình briefing (joint briefing phi công, tiếp viên)
 - Rà soát đánh giá lại lực lượng điều phái hiện có chứng chỉ của Cục HK để sử dụng hiệu quả
 - Đánh giá định kỳ tiến độ kết quả Kế hoạch quản trị và tối ưu hóa chi phí khai thác bay, hoàn thiện đo lường, xây dựng KPI các cost driver (tổ bay).
- Chuyển đổi số:
 - Triển khai đưa vào khai thác các chương trình chuyển đổi trọng điểm (Operations Core Systems).
 - Hệ thống Flight Planning mới (integrated and automation)
 - Tail Assignment & Ops Control
 - Mobile Operations Plus
 - Hệ thống Quản lý Nhiên liệu và Khí phát thải
 - Hệ thống quản trị cảnh báo trong điều hành khai thác (IOH).
 - Phối hợp đơn vị tư vấn khảo sát, xây dựng kế hoạch tổng thể lộ trình cụ thể số hóa các quy trình nghiệp vụ.

4.2.3. Giải pháp kỹ thuật

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối:
- + Đảm bảo bộ chỉ số an toàn khối Kỹ thuật đạt mục tiêu đề ra;

- + Tỷ lệ độ tin cậy cất cánh DR của A321 (99.63%), A350 (99.44%) và ATR72 (99.65%) và DR của B787 (99.36%);
 - + Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ SAG tại các đơn vị (VAECO, VASCO), giảm thiểu các vụ việc mất an toàn do sai lỗi con người.
 - Đảm bảo nguồn lực tàu bay:
 - + Tỷ lệ tàu bay sẵn sàng ARL 94,39%;
 - + Cung ứng phụ tùng vật tư kịp thời (Return time đáp ứng yêu cầu Hợp đồng pooling);
 - + Tối ưu hóa kế hoạch và nội dung sửa chữa workpack định kỳ/ workscope động cơ, làm việc với VAECO/ MROs để giảm TAT, phối hợp chặt chẽ với nhà sản xuất tàu bay, OEMs đánh giá tình trạng kỹ thuật từng tàu bay tìm giải pháp cho các vấn đề kỹ thuật phát sinh đảm bảo KH khai thác của TCT.
 - Tăng cường chất lượng hệ thống:
 - + Tăng cường giám sát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, càng, phụ tùng vật tư thiết bị ở các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa trong và ngoài nước;
 - + Kiểm soát toàn diện và nâng cao hiệu quả của các trạm bảo dưỡng ngoại trường
 - + Hoàn thiện chương trình phục hồi nội thất các đội tàu bay và nâng cấp ghế đội bay A321;
 - + Giám sát và quản lý hợp đồng thuê tàu bay hiệu quả;
 - + Triển khai công tác liên quan đưa 10 tàu A321 gia hạn của VALC vào khai thác hiệu quả, và SLB 6 tàu A321; Thực hiện nhận lại 3 tàu A321 cho PA thuê khô/ 1 tàu ATR72 cho K6 thuê khô; Hoàn thành đưa đội bay mới vào khai thác (1 B787 + 2 A320NEO).
 - Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số:
 - + Tối ưu sử dụng hệ thống quản lý bảo dưỡng AMOS trong công tác quản lý bảo dưỡng;
 - + Hoàn thành đưa vào sử dụng phần mềm TIMS2 và E-Techlog.
- Chủ động đàm phán và yêu cầu hỗ trợ/ tín dụng từ các Nhà sản xuất tàu bay/ động cơ/ thiết bị với mục tiêu:
- + Đối tác KLM đền bù tiền thuê động cơ 51 tỷ;
 - + Giảm 10% rate đóng FH đối với các hợp đồng thuê động cơ của Willis 30.5 tỷ;
 - + Giảm đơn giá giờ công với VAECO giảm 65 tỷ đã ghi vào KH2025

4.2.4. Giải pháp dịch vụ

- Về sản phẩm dịch vụ:
 - + Đối với đường bay quốc tế trung, dài, đường trục Hà Nội-Tp.HCM - Định hướng sản phẩm là “full services”: Xây dựng tiêu chuẩn với chất lượng sản phẩm dịch vụ cao cấp, có sức cạnh tranh tốt giúp duy trì và mở rộng phân khúc khách hàng giá cao.
 - + Đối với các đường bay quốc tế ngắn, đường bay nội địa ngoài trục - Định hướng sản phẩm là “best cost”: Tái cơ cấu sản phẩm dịch vụ theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp

giá thành; Lược bỏ những dịch vụ mà không làm ảnh hưởng đến sức mua của phân khúc giá rẻ nhằm tiết kiệm chi phí.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng 5 sao, triển khai thực hiện chương trình Uplifting Service giai đoạn 3.

- Chủ động nghiên cứu các giải pháp nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí: Thực hiện quản trị chi phí theo CASK, áp dụng mô hình Cost Driver; Hoàn thiện và kiểm soát hệ thống KPI về chỉ số tiết kiệm, chi phí định mức, tập trung tránh lãng phí, kiểm soát tiêu hao.

- Xây dựng chỉ tiêu KPI phát triển bền vững theo định hướng của TCT cùng với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.

4.2.5. Giải pháp công nghệ thông tin & chuyển đổi số

- Tiếp tục duy trì và nâng cao KPI về đảm bảo hoạt động các hệ thống CNTT và đảm bảo ANTT.
- Đẩy nhanh quá trình ứng dụng CNTT và CDS để phát triển VNA Group theo hướng Digital Airlines.
- Ứng dụng công nghệ số trong quản trị, thực hiện số hóa dữ liệu và các quy trình nghiệp vụ. Hoàn thành số hóa, tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, tăng năng suất lao động, tối ưu hóa công tác quản trị chi phí, tăng cường năng lực cạnh tranh.
- Tập trung khai thác và làm giàu dữ liệu của VNA
- Tiếp tục chuyển đổi các giải pháp CNTT lên môi trường điện toán đám mây để tối ưu hóa tài nguyên, tiết kiệm và khai thác hiệu quả. Hoàn thiện và đảm bảo an ninh thông tin cho VNA
- Đánh giá toàn diện các hệ thống CNTT và dự án CDS của VNA
- Quản trị tốt chi phí CNTT, ứng dụng các giải pháp công nghệ để tiết giảm chi phí CNTT.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác, Tập đoàn, TCT về CNTT; đẩy mạnh công tác đào tạo và tái đào tạo nguồn lực CNTT và nhận thức về an ninh thông tin.

4.2.6. Giải pháp quản trị tài chính

- Triển khai gói tăng vốn 9.000 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn và dòng tiền cho TCT. Xây dựng KH giải ngân và thực hiện giải ngân khoản tiền thu tăng vốn hợp lý, đúng quy định và đúng theo phương án tăng vốn được phê duyệt.
- Triển khai giải pháp bán/SLB tàu bay A321 nhằm bổ sung dòng tiền và thu nhập.
- Triển khai các giải pháp tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo Đề án được duyệt để bổ sung thu nhập và dòng tiền cho doanh nghiệp.
- Đề xuất, kiến nghị kéo dài các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước trong khuôn khổ chương trình phục hồi kinh tế xã hội sau dịch Covid với chung các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch Covid và với ngành HK (giảm thuế bảo vệ môi trường, giảm một số loại thuế phí..).

- Tiếp tục thực hiện triệt để các giải pháp tiết kiệm, tăng cường công tác quản trị, tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đặc biệt là đội máy bay để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tiếp tục quản lý chặt chẽ dòng tiền, cân đối sử dụng nguồn tiền thu tăng vốn hợp lý, đúng quy định và đúng phương án tăng vốn được duyệt, đảm bảo cân đối dòng tiền tổng thể đáp ứng được nhu cầu thanh khoản cho hoạt động SXKD, trả nợ và bố trí vốn cho các hoạt động đầu tư trọng yếu, cần thiết.
- Xây dựng phương án và triển khai các giải pháp thu xếp vốn, huy động vốn cho các dự án đầu tư theo tiến độ phê duyệt và triển khai các dự án đầu tư.
- Sử dụng linh hoạt, hiệu quả hạn mức tín dụng ngắn hạn; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thanh toán; hoàn thiện triển khai thanh toán điện tử; triển khai các công nghệ thanh toán hiện đại trong hoạt động thu bán và thanh toán, các công cụ kiểm soát thanh toán hiệu quả, tiên tiến; đẩy mạnh các ứng dụng tự động hóa trong ghi chép, hạch toán và báo cáo.
- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực TCKT”, bổ sung nâng cấp các hệ thống CNTT và các ứng dụng chuyển đổi số phục vụ công tác quản trị, điều hành và kiểm soát tài chính. Nghiên cứu chuyển đổi, nâng cấp hệ thống kế toán lõi (gas); chuẩn bị việc chuyển đổi các hệ thống tài chính kế toán, thông tin quản trị, quy trình công việc tương ứng với việc chuyển đổi hệ thống kế toán lõi và định hướng về chuyển đổi số, tự động hóa trong lĩnh vực TCKT.

4.2.7. Giải pháp tổ chức và lao động

- Tiếp tục triển khai công tác tổ chức theo Đề án Tái cơ cấu và định hướng tinh gọn bộ máy của cấp trên.
- Tiếp tục Phát triển nhân lực đặc thù cho kế hoạch dài hạn.
- Mở rộng hợp tác sử dụng, phát triển nguồn lực với ANA.
- Triển khai xây dựng Khung năng lực cho các vị trí.
- Chuyển đổi số các quy trình nhân sự.
- Từng bước hoàn thiện công tác quản trị lao động, tiền lương, chính sách các CNNN.
- Đẩy mạnh các chương trình tiết kiệm và giải pháp quản trị, tối ưu hóa chi phí nhân công nhằm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho người lao động, đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả SXKD.
- Đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nguồn, giáo viên (giáo viên PC, TV); đẩy mạnh đào tạo Văn hóa Dịch vụ nâng tầm (Uplifting Service).

4.2.8. Giải pháp tái cơ cấu

- Tăng cường kết nối, trao đổi thảo luận với các nhà đầu tư; tham gia tích cực các hội thảo, chương trình xúc tiến đầu tư do các bộ ngành tổ chức để tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư tiềm năng lớn có nhu cầu, quan tâm đến việc đầu tư vào cổ phiếu của TCT cũng như đầu tư vào các doanh nghiệp thành viên của TCT.

- Chủ động tích cực làm việc với các cơ quan bộ ngành liên quan tham gia xây dựng hoàn thiện khung pháp lý cần thiết để triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT theo Kết luận Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ: sửa Nghị định 140, Nghị định 155, xử lý thuế tồn đọng của PA.
- Làm việc, phối hợp chặt chẽ với các công ty tư vấn hoàn thành định giá, xây dựng phương án, báo cáo xin phê duyệt và triển khai phương án thoái vốn tại các DNTV đảm bảo tiến độ và đạt mục tiêu thu hồi vốn đã báo cáo trong các đề án.
- Tiếp tục áp dụng triệt để các giải pháp để cắt giảm chi phí, triển khai mạnh mẽ công tác Quản trị và Tối ưu hóa chi phí trên tất cả các Khối/Lĩnh vực.
- Triển khai rà soát chức năng nhiệm vụ các cơ quan đơn vị, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, sử dụng tối đa công nghệ để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, triệt để cắt giảm các công việc không hiệu quả, tập trung cho nhiệm vụ then chốt, bảo đảm sau sắp xếp bộ máy tổ chức gọn nhẹ, đáp ứng công việc trong bối cảnh tình hình mới.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất theo hướng điều chỉnh mục đích sử dụng, tìm phương án hợp tác đầu tư, khai thác đối với một số cơ sở đất để phục vụ SXKD, tăng thêm nguồn thu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- Xây dựng lộ trình, phương án, chương trình hành động cụ thể triển khai các giải pháp tái cơ cấu toàn diện doanh nghiệp thuộc Đề án tổng thể đã được cấp có thẩm quyền thông qua trên các lĩnh vực: Tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy; Kiện toàn tổ chức bộ máy điều hành; Đổi mới quản trị điều hành trong các lĩnh vực; Đầu tư hiện đại hóa đội tàu bay; Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng đổi mới CNTT và chuyển đổi số; Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế quản lý.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của VNA do Tổng Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch, VNA đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho MBS và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động của VNA.

Chúng tôi nhận thấy VNA có đội ngũ cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Công ty.

Năm 2024 cũng cho thấy được sự phục hồi rõ rệt của VNA. Trong năm 2024, VNA khai thác 139 nghìn chuyến bay an toàn, tăng 7,8% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch năm 2024 đề ra. Số chuyến bay an toàn năm 2024 đã phục hồi được 96,5% so với năm 2019. Tính đến cuối năm 2024, mạng bay của VNA về cơ bản đã phục hồi và có tăng trưởng so với giai đoạn trước dịch, với 57 đường bay quốc tế đến 30 điểm đến trên 18 quốc gia và có 39 đường nội địa đến 22 điểm đến.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, dựa trên kết quả kinh doanh của năm 2024 và triển vọng sắp tới của ngành vận tải hàng không, chúng tôi cho rằng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2025 là khả thi nếu không có các diễn biến bất lợi nghiêm trọng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Không có

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 27/5/2025 như sau:

Bảng 46: Thông tin về cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ trọng % vốn điều lệ
1	Nhà nước (Bộ Tài chính)	1.222.368.291	55,2%
	Trong đó người đại diện phần vốn:		
-	Ông Đặng Ngọc Hòa	444.471.775	20,07%
-	Ông Lê Hồng Hà	333.424.742	15,06%
-	Ông Tạ Mạnh Hùng	222.235.887	10,04%
-	Ông Lê Trường Giang	222.235.887	10,04%
2	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	689.488.080	31,14%
	Trong đó người đại diện phần vốn:		
-	Ông Đinh Việt Tùng	689.488.080	31,14%
3	ANA Holdings Inc.	124.438.698	5,62%
	Trong đó người đại diện phần vốn:		
-	Ông Hidekazu Ison	124.438.698	5,62%
	Tổng cộng	2.036.295.069	91,96%

Nguồn: VNA, Danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/5/2025

2.2. Bộ Tài chính

- Năm thành lập: 1945
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 2220 2828
- Website: <https://www.mof.gov.vn>
- Chức năng: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngân quỹ nhà nước; nợ công; thuế; phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; dự trữ nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; tài sản công theo quy định của pháp luật); hải quan; kế toán; kiểm toán độc lập; giá; chứng khoán; bảo hiểm; hoạt động dịch vụ tài chính và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc bộ theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ sở hữu của Bộ Tài chính tại VNA tại thời điểm nhận bàn giao từ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là 55,2%. Tại đợt phát hành này, Bộ Tài Chính sẽ chuyển giao quyền mua cổ phiếu của cổ đông Nhà nước (Bộ Tài chính là đại diện phần vốn của cổ đông Nhà nước) cho SCIC để SCIC thực hiện đầu tư theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 26/04/2025 của Chính Phủ. Do vậy, sau đợt phát hành này, tỷ lệ sở hữu của Bộ Tài chính tại VNA dự kiến giảm xuống còn 39,25%.
- Lãnh đạo Bộ

+ Ông Nguyễn Văn Thắng	- Bộ trưởng
+ Ông Nguyễn Đức Chi	- Thứ trưởng
+ Ông Cao Anh Tuấn	- Thứ trưởng
+ Ông Lê Tấn Cạn	- Thứ trưởng
+ Ông Bùi Văn Kháng	- Thứ trưởng
+ Ông Trần Quốc Phương	- Thứ trưởng
+ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	- Thứ trưởng
+ Ông Đỗ Thành Trung	- Thứ trưởng
+ Ông Nguyễn Đức Tâm	- Thứ trưởng
+ Ông Hồ Sỹ Hùng	- Thứ trưởng
- Người đại diện vốn nhà nước theo ủy quyền tại VNA:

+ Ông Đặng Ngọc Hòa đại diện 444.471.775 cổ phiếu, chiếm 20,07% vốn điều lệ
+ Ông Lê Hồng Hà đại diện 333.424.742 cổ phiếu, chiếm 15,06% vốn điều lệ

- + Ông Tạ Mạnh Hùng đại diện 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 10,04% vốn điều lệ
- + Ông Lê Trường Giang đại diện 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 10,04% vốn điều lệ

2.2.1. Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành

Không có

2.2.2. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

2.3. SCIC

- Năm thành lập: 2005
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101992921
- Địa chỉ: Tầng 23 – 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Hưng Đạo, Cầu Giấy, Hà Nội
- Website: www.scic.vn
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tiếp nhận và quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp
- Vốn điều lệ: 50.000 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của SCIC tại VNA tại thời điểm trở thành cổ đông lớn và hiện tại là 31,14%. Sau đợt phát hành này, Tỷ lệ sở hữu của SCIC tại VNA dự kiến tăng lên: 47,09%
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Huy
- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại VNA:
 - + Ông Đinh Việt Tùng đại diện sở hữu 689.488.080 cổ phiếu, chiếm 31,14% vốn điều lệ.

2.4. ANA Holdings Inc.

- Năm thành lập: 1952
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0014-01-050876
- Quốc tịch: Nhật Bản
- Địa chỉ: 1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo
- Số điện thoại: 81-3-6735-1001
- Website: <http://www.ana.co.jp>
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/3/2025): 467.601 triệu Yên Nhật
- Tỷ lệ sở hữu của ANA tại VNA tại thời điểm trở thành cổ đông lớn và hiện tại là 5,62%. Sau đợt phát hành này, Tỷ lệ sở hữu của ANA tại VNA dự kiến không thay đổi.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Koji Shibata – Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị

- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại VNA:
 - + Ông Hidekazu Isonoe đại diện sở hữu 124.438.698 cổ phiếu, chiếm 5,62% vốn điều lệ.

2.4.1. Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành

Không có

2.4.2. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 47: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1.	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	08/2020
2.	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm TGD	08/2020
3.	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	10/2016 (tái cử 12/2021)
4.	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	01/2021
5.	Hidekazu Isonoe	Thành viên HĐQT	05/2025
6.	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	12/2021
7.	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT độc lập	12/2021

Nguồn: VNA

Ông Đặng Ngọc Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật ngành Hàng không
- Quá trình công tác

02/1995 – 12/1995	:	Chuyên viên Hãng Hàng không quốc gia (học chuyển loại tại Học viện Quân sự)
01/1996 – 06/2000	:	Chuyên viên Ban Kỹ thuật vật tư và xăng dầu hàng không Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
07/2000 – 09/2001	:	Học cao học tại nước ngoài
10/2001 – 12/2008	:	Chuyên viên Ban Kỹ thuật, VNA
01/2009 – 02/2010	:	Quyền trưởng phòng KH bảo dưỡng, Ban Kỹ thuật, VNA
03/2010 – 09/2010	:	Trưởng phòng Chương trình bảo dưỡng và hợp đồng Ban Kỹ thuật, VNA

10/2010 – 02/2012	:	Phó trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
03/2012 – 12/2012	:	Quyền Trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
01/2013 – 03/2016	:	Trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
03/2016 – 08/2020	:	Phó Tổng giám đốc, VNA
08/2020 - nay	:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	06/2010-11/2015	Công ty TNHH MTV Xăng dầu hàng không	TV HĐQT
2	12/2015 - 3/2016	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	TV HĐQT
3	3/2018-01/2020	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
4	01/2020-8/2020	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Chủ tịch HĐQT
5	Từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2024	Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Bộ GTVT và Cục Hàng Không.	Thành viên
6	NK 2023-2028	Hội hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc khóa VII, nhiệm kỳ	Phó chủ tịch
7	08/2021 - nay	Tiểu ban Chiến lược và đầu tư	Chủ tịch
8	NK 2021 - 2026	Ban chấp hành VCCI khóa VII	Ủy viên

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	1.189.435.650 đồng	1.387.674.936 đồng	351.900.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 444.493.370 cổ phiếu, chiếm 20,07098% VDL
- Đại diện sở hữu cho Bộ Tài chính: 444.471.775 cổ phiếu, chiếm 20,07% VDL
- Sở hữu cá nhân: 21.595 cổ phiếu, chiếm 0,00098% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 **Ông Lê Hồng Hà – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác

02/1994 - 7/2004	:	Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng Hàng không quốc gia
08/2004 - 12/2007	:	Trưởng phòng Phát triển bán và Du lịch, Ban Tiếp thị hành khách, VNA
01/2008 - 12/2008	:	Phó trưởng ban Tiếp thị hành khách, VNA
12/2008 - 02/2012	:	Giám đốc Văn phòng khu vực miền Trung, VNA
03/2012 - 08/2020	:	Phó Tổng giám đốc VNA
08/2020 - 12/2020	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc VNA
01/2021 - nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	11/2006 - 04/2009	Công ty CP Khách sạn Hàng không	Chủ tịch HĐQT
2	07/2008 - 06/2012	Công ty liên doanh Abacus Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
3	02/2012 - 10/2016	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Tổng giám đốc
4	11/2016 - 01/2019	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Chủ tịch HĐQT
5	NK 2019 -2024	Ban chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Ủy viên
6	Nk 2020 - 2025	BCH Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Myanmar	Thành viên
7	03/2018 - 5/2025	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	1.183.518.225 đồng	1.380.771.264 đồng	306.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 333.444.273 cổ phiếu, chiếm 15,06088 % VDL
Đại diện sở hữu cho Bộ Tài chính: 333.424.742 cổ phiếu, chiếm 15,06% VDL
Sở hữu cá nhân: 19.531 cổ phiếu, chiếm 0,00088% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Tạ Mạnh Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý
- Quá trình công tác
 - 11/1994 – 04/1996 : Trợ lý giám đốc, Công ty liên doanh khách sạn Vườn Thủ Đô
 - 05/1996 – 07/1996 : Học Nghiệp vụ thương mại hàng không, Trường Hàng không Việt Nam
 - 08/1996 -05/1997 : Chuyên viên Trung tâm du lịch hàng không, Hãng Hàng không quốc gia
 - 06/1997 – 06/2001 : Chuyên viên, Ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, VNA
 - 07/2001 – 04/2005 : Phó phòng Kế hoạch hàng hóa, Ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, VNA
 - 05/2005 – 11/2012 : Phó giám đốc Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài
 - 12/2012 – 04/2014 : Phó trưởng ban Đầu tư, VNA
 - 05/2014 – 09/2016 : Trưởng ban Đầu tư - Mua sắm, VNA
 - 10/2016 – nay : Thành viên HĐQT VNA
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	02/2013 - 04/2017	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Chủ tịch HĐQT
2	05/2013 - 04/2016	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	TV HĐQT
3	05/2020 – 08/2024	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Phó Chủ tịch HĐQT
4	01/2024 - nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	951.548.653 đồng	1.110.140.100 đồng	293.250.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 222.256.491 cổ phiếu, chiếm 10,04093% VDL
- Đại diện sở hữu cho Bộ Tài Chính : 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 10,04% VDL
- Sở hữu cá nhân : 20.604 cổ phiếu, chiếm 0,00093% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Lê Trường Giang – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
 - 1989 – 04/1993 : Cán bộ Sở công an Hà Nội
 - 05/1993 – 08/1996 : Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế, Hãng hàng không quốc gia
Trợ lý cơ quan đại diện VN tại Singapore, VNA
 - 09/1996 – 12/2004 : Kiểm trợ lý bán thuộc Chi nhánh Singapore (11/2001 – 12/2004)
 - 01/2005 – 05/2010 : Trưởng Chi nhánh Hồng Kông, VNA
 - 06/2010 – 03/2012 : Phó chánh Văn phòng Đối ngoại, VNA
 - 04/2012 – 03/2015 : Chánh Văn phòng đối ngoại, VNA
 - 04/2015 – 05/2015 : Điều hành hoạt động tạp chí Heritage, VNA
 - 06/2015 – 07/2018 : Tổng biên tập tạp chí Heritage, VNA
 - 08/2018 – 12/2019 : Trưởng ban Truyền thông-Thương hiệu, VNA
Kiêm Người phát ngôn của VNA (06/2019 – 12/2019)
 - 01/2020 - 12/2020 : Chánh Văn phòng Tổng công ty, VNA
 - 01/2021 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị, VNA
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	07/2012 - 10/2017	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	NK 2022 - 2027	Ban chấp hành Liên đoàn Đua thuyền Việt Nam khóa III	Ủy viên
3	08/2017 - nay	Công ty CP DV hàng hóa Tân Sơn Nhất	Chủ tịch HĐQT
4	8/2021 - nay	Tiểu ban Lao động và Tiền lương	Chủ tịch

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	951.548.653 đồng	1.110.140.100 đồng	293.250.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 222.254.917 cổ phiếu, chiếm 10,04086% VDL
- Đại diện sở hữu cho Bộ Tài Chính : 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 10,04% VDL
- Sở hữu cá nhân : 19.030 cổ phiếu, chiếm 0,00086% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Hidekazu Isoné – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1969
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác

4/1993 – 3/2006	Bắt đầu làm việc tại All Nippon Airways/ Joined All Nippon Airways Co., Ltd
4/2006 – 11/2010	Quản lý cấp cao Ban tài chính/ Manager of Finance
12/2010 – 11/2013	Phái cử đến Ngân hàng Quốc tế Nhật Bản/ Seconded to Japan Bank for International Cooperation

12/2013 – 3/2014	Quản lý cấp cao Phòng tài chính, Ban tài chính - Kế toán - Quan hệ cổ đông của ANA Holdings Inc./ Manager of Finance Team, Finance, Accounting & Investor Relations of ANA Holdings Inc.
4/2014 - 3/2017	Trưởng phòng Tài chính, Ban tài chính - Kế toán - Quan hệ cổ đông của ANA Holdings Inc./ Director of Finance Team, Finance, Accounting & Investor Relations of ANA Holdings Inc.
4/2017 – 3/2022	Phó Ban tài chính - Kế toán - Quan hệ cổ đông của ANA Holdings Inc./ Senior Director of Finance, Accounting & Investor Relations of ANA Holdings Inc.
4/2022 – 3/2024	Trưởng Ban tài chính - Kế toán - Quan hệ cổ đông của ANA Holdings Inc./ Vice President of Finance, Accounting & Investor Relations of ANA Holdings Inc.
4/2024-3/2025	- Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính, Kế toán, Quan hệ cổ đông và Quản lý kinh doanh của ANA Holdings Inc./ Executive Vice President of Finance, Accounting, Investor Relations & Business Management of ANA Holdings Inc. - Phó Tổng giám đốc phụ trách Kế toán và Quản lý kinh doanh của All Nippon Airways Co., Ltd./ Executive Vice President of Accounting & Business Management of All Nippon Airways Co., Ltd.
4/2025 – nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách Chiến lược, ANA Holdings, Inc./Executive Vice President, Director of Corporate Strategy, ANA Holdings, Inc.,
5/2025 – nay	Thành viên HĐQT của VNA

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	ANA Holdings, Inc.	Phó Tổng giám đốc phụ trách Chiến lược

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	0 đồng	0 đồng	0 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 124.438.698 cổ phiếu, chiếm 5,62% VDL
- Đại diện sở hữu cho ANA Holdings Inc.: 124.438.698 cổ phiếu, chiếm 5,62% VDL
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Ông Đinh Việt Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

6/1996 – 2/1997	Nhân viên tập sự tại Tổng cục Quản lý vốn và tài chính nhà nước tại doanh nghiệp - Bộ Tài chính
3/1997 – 9/1999	Chuyên viên Tổng cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp - Bộ Tài chính
10/1999 -7/2006	Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính
8/2006 – 02/2012	Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
3/2012 – 6/2014	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) (do SCIC biệp phái)
7/2014 – 10/2019	Trưởng ban Đầu tư 2 SCIC kiêm TV HĐQT Vinaconex (7/2014-4/2017)
10/2019 – nay	Phó Tổng giám đốc SCIC
12/2021 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị VNA
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	Phó Tổng giám đốc
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC	Chủ tịch HĐQT
3	Tổng công ty Licogi	Chủ tịch HĐQT
4	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	189.046.603 đồng	222.028.020 đồng	51.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 689.488.080 cổ phiếu, chiếm 31,14% VDL
 - Đại diện sở hữu cho SCIC: 689.488.080 cổ phiếu, chiếm 31,14% VDL
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
 - Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Trương Văn Phước – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính
- Quá trình công tác

04/1983 – 02/1986	Cán bộ phòng kinh tế kế hoạch, Ngân hàng Nhà nước Long An
03/1986 – 07/1988	Nhập ngũ, Chiến sỹ Trung đoàn Đồng Tháp 3, Tỉnh đội Long An
08/1988 – 08/1989	Xuất ngũ, Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Ngân hàng Nông nghiệp Long An
09/1989 – 10/1990	Quyền Trưởng phòng Ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Long An
11/1990 – 08/1994	Phó Trưởng phòng kinh tế kế hoạch, Ngân hàng Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh
09/1991 – 08/1993	Phó Trưởng phòng kinh doanh ngoại tệ, Ngân hàng Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh
09/1993 – 04/1995	Trưởng phòng kinh doanh ngoại tệ, Ngân hàng Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh
05/1995 – 09/2000	Phó giám đốc Ngân hàng Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh;

	kiêm Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương (11/1996-10/2000)
10/2000 – 09/2003	Tổng Giám đốc Ngân hàng TPCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK)
10/2003 – 03/2008	Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối; Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước
04/2008 – 08/2013	Tổng Giám đốc EXIMBANK; Thành viên HĐQT EXIMBANK (6/2010-5/2021); Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD EXIMBANK (5/2012-8/2013)
09/2013 – 06/2017	Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia TVHD tư vấn chính sách tài chính-tiền tệ quốc gia
07/2017 - 03/2019	Quyền Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia Nghỉ hưu tháng 3/2019 TV tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ (8/2017-10/2020)
10/2020 – nay	Thường trực Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (từ tháng 9/2021-nay)
12/2021 - nay	Kiểm Thành viên Hội đồng quản trị TCT

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Thành viên

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	189.046.603 đồng	222.028.020 đồng	51.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

3.2. Ban kiểm soát

Bảng 48: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Dương Thị Việt Thắm	Trưởng ban Kiểm soát	12/2023
2	Lê Trúc Quỳnh	Thành viên BKS	12/2023
3	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên BKS	12/2021

Nguồn: VNA

Bà Dương Thị Việt Thắm – Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - 8/1993 – 7/2000 : Kế toán tại Xí nghiệp sản xuất chế biến suất ăn NB
 - 8/2000 – 01/2002 : Chuyên viên Ban Quản lý vật tư, VNA
 - 02/2002 – 01/2005 : Chuyên viên Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, VNA
 - 01/2005 – 12/2010 : Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, VNA
 - 01/2011 – 12/2012 : Phó phòng kế toán tổng hợp Ban TCKT, VNA
 - 12/2012 – 05/2019 : Trưởng phòng Kế toán quản trị, Ban TCKT, VNA
 - 5/2019 – 12/2023 : Phó trưởng ban Tài chính kế toán, VNA
 - 12/2023 - nay : Trưởng ban Kiểm soát TCT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	4/2006 - 4/2016	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	Ủy viên Ban kiểm soát
2	01/2013 - 3/2016	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Kiểm soát viên
3	4/2016 - 4/2022	CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	TV HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	669.259.031 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 13.346 cổ phiếu, chiếm 0,0006% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người nội bộ của TCPH
1	Nguyễn Mạnh Tuấn	Chồng	17.595	0,0008	Không
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Chị dâu	3.302	0,00014	Không
3	Dương Thị Hồng	Chị gái	3.795	0,00017	Không
4	Phan Thị Minh Dân	Em dâu	9	0,0000009	Không

 Bà Lê Trúc Quỳnh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1993
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán và Tài chính
- Quá trình công tác :
 - 7/2013 – 08/2013 : Thực tập khối Tư vấn thẩm định giao dịch KPMG Hà Nội
 - 11/2015 – 01/2016 : Thực tập tại Khối Quản lý tài sản, Quỹ đầu tư ngân hàng Vietinbank
 - 01/2019 – 8/2021 : Thư ký Phó chủ tịch Ủy ban QLVNN tại DN, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, VP Ủy ban QLVNN
 - 9/2021- 12/2023 : Chuyên viên Vụ Công nghệ và hạ tầng, Ủy ban QLVNN
 - 12/2023 - Nay : Thành viên Ban Kiểm soát TCT HKVN
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	23.599.914 đồng	693.837.468 đồng	204.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người nội bộ của TCPH
1	Hồ Xuân Dung	Mẹ đẻ	100	0,0000045	Không

 Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

12/2001 – 8/2004	Cán bộ tín dụng, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
8/2004 – 5/2008	Chuyên gia tư vấn tài chính cấp cao, Công ty TNHH Deloitte VN
6/2008 – 3/2012	Chuyên viên Đầu tư 2, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
4/2012 – 7/2012	Chuyên viên Văn phòng Điều hành, Thư ký TGD, SCIC
8/2012 – 9/2014	Phó Trưởng ban Quản lý vốn đầu tư 2, SCIC
10/2014 – 9/2017	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền
10/2017 – 7/2021	Phó trưởng ban Đầu tư 2, SCIC
8/2021 - nay	Phó trưởng ban Kế hoạch tổng hợp, SCIC
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	118.154.127 đồng	138.767.496 đồng	40.800.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

3.3. Ban Giám đốc

Bảng 49: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Lê Hồng Hà	TV HĐQT kiêm TGD	01/2021
2	Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng giám đốc	05/2022
3	Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	07/2023
4	Lê Đức Cảnh	Phó Tổng giám đốc	05/2022
5	Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng giám đốc	04/2021
6	Tô Ngọc Giang	Phó Tổng giám đốc	04/2021
7	Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	04/2021

Nguồn: VNA

Ông Lê Hồng Hà – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

(Xem lý lịch chi tiết phần Thành viên HĐQT)

Ông Nguyễn Thế Bảo – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:

12/1994 – 12/2002 : Chuyên viên VP khu vực Miền Nam, VNA

- Đội phó đội Tiếp nhận và phục vụ hàng hoá
- 01/2003 – 03/2004 : Phòng Thương mại hàng hóa, VP khu vực miền Nam, VNA
- Đội phó đội Bán và tiếp thị hàng hoá
- 04/2004 – 12/2007 : Phòng Thương mại hàng hóa, VP khu vực miền Nam, VNA
- Đội trưởng đội Bán và phục vụ quốc nội,
- 01/2008 – 04/2008 : Phòng Thương mại hàng hóa, VP khu vực miền Nam, VNA
- 05/2008 – 05/2012 : Phó trưởng phòng TMHH, VP khu vực miền Nam, VNA
- 06/2012 – 03/2013 : Trưởng phòng Kế hoạch hành chính, CN miền Nam, VNA
- 04/2013 – 01/2015 : Phó Giám đốc Chi nhánh miền Nam, VNA
- 02/2015 – 04/2022 : Giám đốc Chi nhánh miền Nam, VNA
- 05/2022 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	10/2017 - 12/2022	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	05 - 06/2022	Chi nhánh miền Nam	Giám đốc
3	07/2022 - nay	Chi nhánh Việt Nam	Giám đốc

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	951.548.653 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 27.068 Cổ phiếu, chiếm 0,0012% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Đặng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam

- Năm sinh : 1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý hành chính công
- Quá trình công tác:
 - 04/1993 – 12/1996 Nhân viên Ban Đối ngoại , TCT (làm việc cho Cathay Pacific), VNA
 - 12/1996 – 3/1997 Tạm hoãn HĐLĐ
 - 04/1997 - 09/1998 Nhân viên Văn phòng khu vực miền Bắc, VNA
 - Đội phó đội Giám sát DVMD, Phòng khai thác dịch vụ
 - 09/1998 – 12/1998 Văn phòng khu vực miền Bắc, VNA
 - 01/1999 – 07/1999 Chuyên viên Văn phòng khu vực miền Bắc, VNA
 - 07/1999 – 10/2000 Đội phó đội bán - Phòng phát triển bán, VPMB, VNA
 - 10/2000 – 01/2004 Trợ lý khai thác/bán Chi nhánh Đài Loan, VNA
 - 01/2004 – 07/2005 Phó phòng GSDVMD- TT KSKT Nội Bài, VNA
 - 08/2005 – 03/2009 Phó trưởng Trung tâm KSKT Nội Bài, VNA
 - 04/2009 – 12/2012 Giám đốc Trung tâm Khai thác Nội Bài, VNA
 - 12/2012 – 03/2016 Trưởng ban Dịch vụ thị trường, VNA
 - 03/2016 – 07/2018 Giám đốc Chi nhánh khu vực miền Bắc, VNA
 - 08/2018 – 12/2019 Trưởng ban Tiếp thị và bán sản phẩm, VNA
 - 01/2020 – 06/2023 Trưởng ban Truyền thông, VNA
 - 07/2023 - nay Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	06/2013 - 04/2016	Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài	Chủ tịch HĐQT
2	11/2015 - 05/2019	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	TV HĐQT
3	NK 2022 - 2027	Ban chấp hành Hiệp hội Du lịch Việt Nam	Thành viên
4	10/2023 - nay	Công ty CP Tin học Viễn thông hàng không	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	949.843.206 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 19.711 Cổ phiếu, chiếm 0,0009% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP cá nhân/dại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người nội bộ của TCPH
1	Nguyễn Diệu Thúy	Vợ	2.500	0,00011	Không
2	Đặng Thị Thu Hà	Em gái	1.000	0,00005	Không

 Ông Lê Đức Cảnh – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 02/1997 – 01/2005 : Chuyên viên Ban tài chính kế toán
 - 01/2005 – 10/2012 : Kế toán trưởng Công ty Abacus Việt Nam
 - 11/2012 – 05/2017 : Kế toán trưởng Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines
 - 05/2017 – 04/2022 : Trưởng Ban Đầu tư-Mua sắm
 - 05/2022- nay : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	06/2004 – 12/2005	Công ty CP xuất ăn HK Nội Bài	Kiểm soát viên
2	09/2018 - nay	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	951.548.653 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 9.397 Cổ phiếu, chiếm 0,0004244% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Nguyễn Chiến Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật
- Quá trình công tác:
- | | | |
|-------------------|---|--|
| 11/1995 – 12/1998 | : | Kỹ sư Xí nghiệp sửa chữa máy bay A76, Hãng hàng không quốc gia |
| 01/1999 – 12/2000 | : | Đi học Cao học tại nước ngoài |
| 01/2001 – 12/2008 | : | Chuyên viên Ban Kỹ thuật, VNA |
| 01/2009 – 02/2010 | : | Quyền trưởng phòng Kỹ thuật phát triển, Ban Kỹ thuật, VNA |
| 03/2010 – 09/2011 | : | Trưởng phòng Kỹ thuật máy bay, Ban Kỹ thuật, VNA |
| 10/2011 – 12/2012 | : | Phó Trưởng ban Kỹ thuật, VNA |
| 01/2013 – 03/2015 | : | Trưởng ban Kỹ thuật, VNA |
| 01/2020 – 07/2021 | : | Trưởng ban Tổ chức và Nhân lực, VNA |
| 04/2021 - nay | : | Phó Tổng giám đốc VNA |
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác :

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	12/2014 - 8/2020	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	TV HĐTV
2	8/2020-nay	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Chủ tịch HĐTV

3	10/2023-nay	Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam	Phó chủ tịch HĐQT
---	-------------	---	-------------------

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	951.548.653 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 14.340 Cổ phiếu, chiếm 0,00065% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

 Ông Tô Ngọc Giang – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Khoa học
- Quá trình công tác :
 - 03/1995 – 04/1996 : Học viên dự khoá Đoàn bay 919
 - 05/1996 – 11/1997 : Học lái máy bay tại Cộng hòa Pháp
 - 12/1997 – 02/1999 : Chuyển loại lái phụ ATR72
 - 03/1999 – 11/2000 : Lái phụ ATR72, Trung tâm Huấn luyện bay, Hãng hàng không quốc gia
 - 12/2000 – 02/2004 : Đội bay A320, Đoàn bay 919, VNA
 - 03/2004 – 12/2005 : Lái chính A320/1, Đoàn bay 919, VNA
 - 01/2006 – 12/2006 : Giáo viên lái chính A320, Đội phó Đội bay A320/1, DB 919, VNA
 - 01/2007 – 12/2009 : Đội trưởng Đội bay A320, Đoàn bay 919, VNA
 - 01/2010 – 11/2017 : Phó đoàn trưởng Đoàn bay 919, VNA
 - 12/2017 – 3/2021 : Đoàn Trưởng Đoàn bay 919, VNA

04/2021 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	06/2023 - nay	Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	04/2021 - nay	Đoàn bay 919	Đoàn Trưởng
3	NK 2022 - 2027	Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam – Pháp	Phó chủ tịch

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty :

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	2.576.169.167 đồng	2.863.572.655 đồng	572.507.500 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 7.951 cổ phiếu, chiếm 0,00036% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người nội bộ của TCPH
1	Nguyễn Xuân Tú	Vợ	11.135	0,0005	Không

 Ông Đinh Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Quá trình công tác:

02/1996 – 11/1997 : Chuyên viên Đoàn bay 919, Hãng Hàng không quốc gia

- 12/1997 – 01/2003 : Chuyên viên Ban Điều hành bay, VNA
- 02/2003 – 05/2007 : Phó phòng Điều phái bay TSN, Ban Điều hành bay, VNA
- 06/2007 – 08/2009 : Quyền Trưởng Trung tâm khẩn nguy, UB Khẩn nguy, VNA
- 09/2009 – 06/2012 : Trưởng phòng Điều hành, Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
- 07/2012 – 12/2017 : Phó giám đốc Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
- 01/2018 – 03/2021 : Giám đốc Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
- 08/2020 – 03/2021 : Tổng giám đốc Hãng Hàng không Pacific Airlines
- 04/2021 – nay : Phó Tổng giám đốc VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	4/2021 – 07/2023	Hãng Hàng không Pacific Airlines	Tổng Giám đốc
2	07/2023 - nay	Hãng Hàng không Pacific Airlines	Chủ tịch HĐQT
3	2024 - nay	Hội viên Hiệp hội dữ liệu quốc gia	Thành viên

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	434.238.472 đồng	1.110.140.100 đồng	255.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 17.425 cổ phiếu, chiếm 0,0008% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

3.4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Trần Văn Hữu	Kế toán trưởng	06/2025

 Ông Trần Văn Hữu – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động SXKD
- Quá trình công tác :
 - 05/1996 – 08/2001 Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, VNA
 - 08/2001 – 07/2007 Trợ lý tài chính Văn phòng chi nhánh Bắc Kinh-TQ, VNA
 - 08/2007 – 12/2010 Trợ lý tài chính Văn phòng chi nhánh Nhật Bản
 - Phó phòng kế toán thu Ban Tài chính kế toán, VNA
 - Biệt phái tại Hãng HK Cambodia Angko Air (K6) (Từ 5/2011-11/2011)
 - 01/2011 – 12/2012 Trưởng phòng Kế toán thu, Ban Tài chính kế toán, VNA
 - 12/2012 – 07/2017 Kế toán trưởng Công ty CP Hàng không Pacific Airlines (PA)
 - 07/2017 – 04/2021 Phó TGD kiêm Kế toán trưởng PA
 - 05/2021 – 02/2024 Phó trưởng ban Tài chính kế toán, VNA
 - 02/2024 – 02/2025 Phụ trách Kế toán của TCT và điều hành hoạt động Ban TCKT, VNA
 - 05/2024 – 02/2025 Người phụ trách kế toán – Trưởng Ban TCKT, VNA
 - 02/2025 – 06/2025 Kế toán trưởng, VNA
 - 06/2025 - nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	06/2012 - 08/2017	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	TV HĐTV
2	09/2016 - 12/2017	Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	TV Ban KS

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty :

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	3T đầu năm 2025
Tiền lương	789.120.000 đồng	796.459.817 đồng	220.140.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,00023% VDL
- Thông tin của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 900.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá: 9.000.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Căn cứ vào diễn biến giá giao dịch của cổ phiếu HVN trên thị trường, cân đối với tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối và đảm bảo đợt chào bán được thành công, ĐHĐCĐ VNA đã thông qua giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2025.

7. Phương thức phân phối

7.1. Tỷ lệ phân phối

Tỷ lệ phân phối là 1 : 0,406431705. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cứ 1.000.000.000 quyền sẽ được mua 406.431.705 cổ phiếu phát hành thêm.

Nguyên tắc làm tròn: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 1 : 0,406431705 cổ đông A được mua 406,431705 cổ phiếu phát hành thêm. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A sẽ được mua 406 cổ phiếu mới từ phát hành thêm.

7.2. Đối tượng phân phối/chào bán

Cổ đông hiện hữu của Vietnam Airlines có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

7.3. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (“Số Cổ Phiếu Còn Lại”) bao gồm:

- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua;
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phiếu được mua của cổ đông theo tỷ lệ thực hiện quyền;
- Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã đăng ký chào bán (900.000.000 cổ phiếu) và tổng số cổ phiếu chào bán theo tỷ lệ (1 : 0,406431705).

Số Cổ Phiếu Còn Lại được HĐQT ủy quyền cho HĐQT xem xét, quyết định chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác hoặc Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định chào bán tiếp cho các nhà đầu tư: Đối tượng chào bán là các nhà đầu tư tổ chức hoặc cá nhân trong nước; mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số Cổ Phiếu Còn Lại được Hội Đồng Quản Trị phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Nghị quyết của HĐQT về việc lựa chọn đối tượng mua Số Cổ Phiếu Còn Lại được công bố trên website của Vietnam Airlines trong thời hạn 24h để các cổ đông nắm được.

Việc phân phối Số Cổ Phiếu Còn Lại cho nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.*”
- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn: Thời gian đăng ký mua sẽ được công bố tại bản Thông báo chào bán cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không quy định

- Phương thức xử lý trong trường hợp cổ phiếu đặt mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.
- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện đăng ký quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ quy định.
- Khi đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước (cổ đông được phép chia nhỏ quyền mua cổ phiếu để chuyển nhượng cho nhiều người khác nhau theo thỏa thuận). Quyền mua cổ phiếu chỉ được chuyển nhượng 01 lần duy nhất trong thời gian quy định.

8.2. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu

Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phiếu qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Chứng khoán 2019. Thông tin về tài khoản phong tỏa được trình bày tại Mục 11 Phần VII tại Bản cáo bạch này.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu sẽ đảm bảo không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp cần thiết, VNA sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để gia hạn thêm thời gian phân phối cổ phiếu theo đúng quy định (gia hạn tối đa 30 ngày). Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến như sau:

Bảng 50: Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian dự kiến (ngày)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	(T+3) đến (T + 5)
3	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông mua cổ phần phát hành thêm với VSDC	T + 5
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 14
5	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	T + 15
8	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (đối với cổ đông không mua hoặc không mua hết số cổ phần được quyền mua của mình)	(T + 24) đến (T + 54)
9	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm (đối với cổ đông mua toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua của mình)	(T + 24) đến (T + 60)

STT	Công việc	Thời gian dự kiến (ngày)
10	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông lưu ký và chưa lưu ký	(T + 61) đến (T + 70)
11	Lập báo cáo HĐQT kết quả chào bán và quyết định phương thức xử lý Số Cổ Phiếu Còn Lại (nếu có).	(T + 70) đến (T + 73)
12	Chào bán Số Cổ Phiếu Còn Lại (nếu có)	(T + 73) đến (T + 80)
13	Báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	(T + 80) đến (T + 83)
14	Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu được phát hành thêm	(T+83) đến (T+100)

Lịch trình phân phối cổ phiếu cụ thể sẽ được VNA công bố chính thức tại bản thông báo chào bán.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu VNA chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số Cổ Phiếu Còn Lại được Hội đồng quản trị phân phối cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước. Quyền mua cổ phiếu chỉ được chuyển nhượng 01 lần duy nhất trong thời gian quy định.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa của VNA:

- Số tài khoản: 9990006868
- Tên tài khoản: Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của VNA

Tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 174/2024/QH15, theo đó Quốc hội đã nhất trí với đề nghị của Chính phủ cho phép VNA chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với quy mô tối đa 22.000 tỷ đồng khi chỉ cần đáp ứng các quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 15 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong đó:

- Giai đoạn 1: Cho phép Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam thuộc quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước (Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh

ng nghiệp là cơ quan đại diện phần vốn của cổ đông Nhà nước) theo phương thức chuyển giao quyền mua khi Tổng công ty Hàng không Việt Nam thực hiện phương án tăng vốn điều lệ giai đoạn 01 với quy mô phát hành 9.000 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2: Chấp thuận về chủ trương, giao Chính phủ chỉ đạo thực hiện phương án (trong đó, bao gồm phương án nhà nước chuyển giao quyền mua cổ phần cho doanh nghiệp) với quy mô phát hành tối đa 13.000 tỷ đồng; trường hợp phát sinh vướng mắc thì tiếp tục báo cáo cấp có thẩm quyền.

Ngày 26/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 110/NQ-CP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP sớm phục hồi, phát triển bền vững. Tại nghị quyết này, Chính Phủ đã thông qua việc tổ chức thực hiện điểm a Khoản 13 Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội với các nội dung sau:

- (1) VNA phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ khi chỉ cần đáp ứng quy định tại điểm a, điểm c và điểm d Khoản 2 Điều 15 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 theo quy định tại điểm a Khoản 13 Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội.
- (2) Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC):
 - a. Thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại VNA thuộc quyền mua của cổ đông Nhà nước (Bộ Tài chính là đại diện phần vốn của cổ đông nhà nước) theo phương thức chuyển giao quyền mua khi VNA thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ giai đoạn 01 với quy mô 9.000 tỷ đồng.
 - b. Thực hiện quyền mua cổ phiếu tương ứng với quyền mua thuộc sở hữu của SCIC khi VNA thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ giai đoạn 01 với quy mô 9.000 tỷ đồng.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Đối với đợt chào bán này, HĐQT đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA như sau:

- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Số Cổ Phiếu Còn Lại sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.
- VNA sẽ làm việc với VSDC và tổ chức ủy quyền thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho cổ đông chưa lưu ký về việc kiểm soát giao dịch chuyển nhượng quyền mua, chỉ chuyển nhượng quyền mua cho các tổ chức/cá nhân trong nước.

HĐQT cam kết thực hiện các biện pháp để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Đối với Tổng công ty

Hiện nay, VNA thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân (cho cả người lao động Việt Nam và nước ngoài), thuế nhà thầu nước ngoài và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

VNA không được hưởng ưu đãi về thuế suất và chỉ được miễn giảm thuế nhà thầu nước ngoài đối với những Hợp đồng đủ điều kiện được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và các nước theo quy định của Cơ quan thuế.

15.1.1. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2004/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2004 và các văn bản quy định liên quan, VNA thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế phải nộp bằng số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Trong đó:

- Thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn GTGT. Thuế suất GTGT đầu ra theo quy định của Nhà nước, chủ yếu là 10% đối với hoạt động vận tải, hoạt động phụ trợ vận tải và hoạt động khác trong nước và 0% với hoạt động vận tải quốc tế.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu đáp ứng điều kiện quy định.

Hiện nay, thực hiện theo Nghị quyết 174/2024/QH15 và Nghị quyết 204/2025/QH15, VNA đang được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đến hết năm 2026 theo chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp của Chính phủ.

15.1.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành, VNA thực hiện nộp thuế TNDN:

- Thuế suất: 20%
- Thu nhập tính thuế: trong kỳ được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ (-) thu nhập được miễn thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển. (Trong đó, thu nhập chịu thuế bằng doanh thu từ việc cung cấp hàng hóa dịch vụ từ tất cả hoạt động kinh doanh bao gồm cả hoạt động kinh doanh chính và hoạt động kinh doanh khác mà VNA được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa trừ (-) chi phí được trừ tính thuế TNDN cộng (+) các khoản thu nhập khác).
- Số thuế phải nộp = thuế suất * thu nhập tính thuế

VNA không được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN.

15.1.3. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, người lao động làm việc cho VNA (bao gồm cả lao động Việt Nam và lao động nước ngoài) thực hiện nộp thuế TNCN theo quy định.

Thuế suất: đối với cá nhân không cư trú áp dụng thuế suất 20%, đối với cá nhân cư trú áp dụng biểu thuế suất lũy tiến với mức cao nhất là 35%.

VNA ghi nhận khoản nộp thuế TNCN phải nộp cho người lao động là phí công nước ngoài vào chi phí. Đối với các đối tượng khác, thuế TNCN được khấu trừ từ thu nhập của người lao động và nộp cho Cơ quan thuế theo quy định.

15.1.4. Thuế nhà thầu nước ngoài (NTNN)

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn thi hành về thuế NTNN, VNA thực hiện kê khai nộp thuế NTNN cho nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho VNA theo quy định.

Các trường hợp xin miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần được thực hiện theo đúng theo quy định và thủ tục của Nhà nước và được các cơ quan quản lý thuế chấp thuận.

15.1.5. Các loại thuế khác

VNA thực hiện nộp các loại thuế khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước và Pháp luật.

15.2. Đối với nhà đầu tư

15.2.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

b. Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/06/2013 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

15.2.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

b. Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Cam kết về việc đăng ký chứng khoán bổ sung, niêm yết bổ sung: Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 979/NQ-HĐQT/TCCHK ngày 17/06/2025 về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP, cổ phiếu phát hành thêm sẽ được VNA đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Cam kết về quản trị công ty: VNA vẫn đang tiếp tục tìm kiếm các ứng viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và sẵn sàng tham gia làm TV HĐQT độc lập. VNA cam kết luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành đối với công ty đại chúng niêm yết.

17. Thông tin về các chứng khoán khác đang được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần tăng vốn dự kiến dùng để thanh toán các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm: (i) Trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn; (ii) Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 9.000.000.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến được sử dụng cho các mục đích dưới đây theo thứ tự cụ thể như sau:

Bảng 51: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến

TT	Thứ tự	Số tiền (tỷ đồng)	Tiến độ	Danh sách chủ nợ
1	Trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn	6.000	Năm 2025-2026, theo tiến độ thanh toán	Thông tin về các khoản nợ đến thời điểm 31/3/2025 chi tiết dưới đây
2	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn	3.000		

Nguồn: VNA

Phương án phân bổ sử dụng nguồn vốn để trả nợ cho các đối tác phụ thuộc vào tình hình SXKD, kết quả đàm phán với các đối tác và công nợ thực tế tại thời điểm kết thúc đợt chào bán.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT được quyền quyết định điều chỉnh danh sách chủ nợ/nhà cung cấp/đối tác, số tiền dự kiến thanh toán, thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (kể cả trường hợp số tiền thu được không đủ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán), phù hợp với tình hình SXKD thực tế của VNA, tuân thủ quy định pháp luật và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Chi tiết thông tin các khoản nợ của VNA đến thời điểm 31/3/2025 như sau:

Bảng 52: Thông tin về các khoản nợ vay dài hạn của VNA

TT	Tổ chức tín dụng		Loại tiền vay	Tổng dư nợ tại 31/03/2025	Dự kiến số nợ đến hạn trả 2025-2026
1	Ngân hàng Citibank	Citibank	USD	40.682.445,14	21.174.416,55
2	Ngân hàng HSBC	HSBC	USD	14.794.296,51	14.794.296,54
3	Tập đoàn ING	ING	USD	137.198.958,19	62.104.179,22
4	Ngân hàng MUFG	MUFG	USD	32.812.500,00	8.750.000,00
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	USD	75.944.291,16	24.830.347,05
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	BIDV	USD	18.434.030,73	4.722.895,98
7	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	EXIMBANK	USD	20.044.800,00	5.990.400,00
8	Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	VRB	USD	6.565.444,00	1.633.508,00
9	Ngân hàng TNHH Indovina	INDOVINA	USD	5.517.600,00	1.372.800,00
10	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	VND	123.228.596.840	29.469.649.204
Tổng cộng nợ vay dài hạn			USD	351.994.365,73	145.372.843,34
			VND	123.228.596.840	29.469.649.204

Nguồn: VNA

Bảng 53: Thông tin về các khoản nợ vay ngắn hạn của VNA

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tổ chức tín dụng	Loại tiền vay	Tổng dư nợ tại 31/03/2025	Dự kiến số nợ phải trả 2025-2026
1	Vietcombank	VND	2.810	2.000-3.000
2	Vietinbank	VND		

Nguồn: VNA

Bảng 54: Thông tin về các khoản nợ vay tái cấp vốn của VNA

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tổ chức tín dụng	Loại tiền vay	Tổng dư nợ tại 31/03/2025	Dự kiến số nợ phải trả 2025-2026
1	Maritime Bank	VND	3.977,17	1.000-2.000
2	Sea Bank			
3	SHB			

Nguồn: VNA

Bảng 55: Thông tin về các khoản nợ quá hạn, nợ đến hạn các đối tác, nhà cung cấp

ĐVT: Tỷ đồng

STT	NHÀ CUNG CẤP	Số nợ phải trả tại 31/3/2025	Dự kiến thời hạn trả nợ
I	NỢ QUÁ HẠN	6.336	2025-2026
1	DỊCH VỤ KỸ THUẬT, NHIÊN LIỆU, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG		
1.1	Rolls Royce PLC	970,07	
1.2	KLM ENGINEERING & MAINTENANCE	211,13	
1.3	INTERNATIONAL AERO ENGINES,LLC	190,67	
1.4	IAE/MTU/AMECO	517,74	
1.5	PRAT & WHITNEY	127,28	
1.6	PWEL	74,93	
1.7	ST ENGINEERING AEROSPACE SYSTEMS PTE LTD	25,15	
1.8	WILLIS	79,17	
1.9	AIR FRANCE, AFHS	15,96	
1.10	CÁC CÔNG TY KHÁC	143,64	
2	DỊCH VỤ CHUYỂN BAY		
2.1	TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (ACV)	2.633,20	
2.2	CIT/AVOLON	494,02	
2.3	DAE	176,75	

STT	NHÀ CUNG CẤP	Số nợ phải trả tại 31/3/2025	Dự kiến thời hạn trả nợ
2.4	CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)	463,4	
3	CÁC ĐỐI TÁC KHÁC	212,45	
II	NỢ ĐẾN HẠN (ACV, PW, KLM.....)	4.300	
III	TỔNG CỘNG	10.636	

Nguồn: VNA

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Website : www.mbs.com.vn

Trụ sở : Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại : (024) 3935 2722

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 46 - Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Số điện thoại: (84-4) 3946 1600

Số fax: (84-4) 3946 1601

Website: <https://kpmg.com>

3. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về VNA và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB có một số nhận định như sau:

Khối lượng chào bán lần này là 900.000.000 cổ phần, tương đương 40,6431705% vốn điều lệ của VNA. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Tổng Công ty sử dụng để thanh toán các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm: (i) Trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn; (ii) Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc gia tăng nguồn vốn từ đợt phát hành này là bước tiến cần thiết và phù hợp với nhu cầu bổ

sung dòng tiền cho VNA vượt qua những khó khăn hiện nay và là yếu tố quyết định rất quan trọng đối với khả năng duy trì hoạt động của VNA.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo, dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư phải tự mình xem xét và cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CTCP
ĐẶNG NGỌC HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HỒNG HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN HỮU

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
QUYỀN GIÁM ĐỐC KHỎI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



LÊ THỊ THU HIỀN

XIII. PHỤ LỤC

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022.
2. Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội thông qua Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.
3. Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 26/04/2025 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 đề Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP sớm phục hồi, phát triển bền vững.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 05 năm 2025.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2025
6. Nghị quyết số 979/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 17/6/2025 của HĐQT v/v Thông qua việc triển khai phương án chi tiết chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP.
7. Nghị quyết số 808/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 23/5/2025 của HĐQT v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (VNA).
8. Bản sao Điều lệ Tổng Công ty ngày 25/06/2025.
9. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán.
10. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 được kiểm toán.
11. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I/2025.